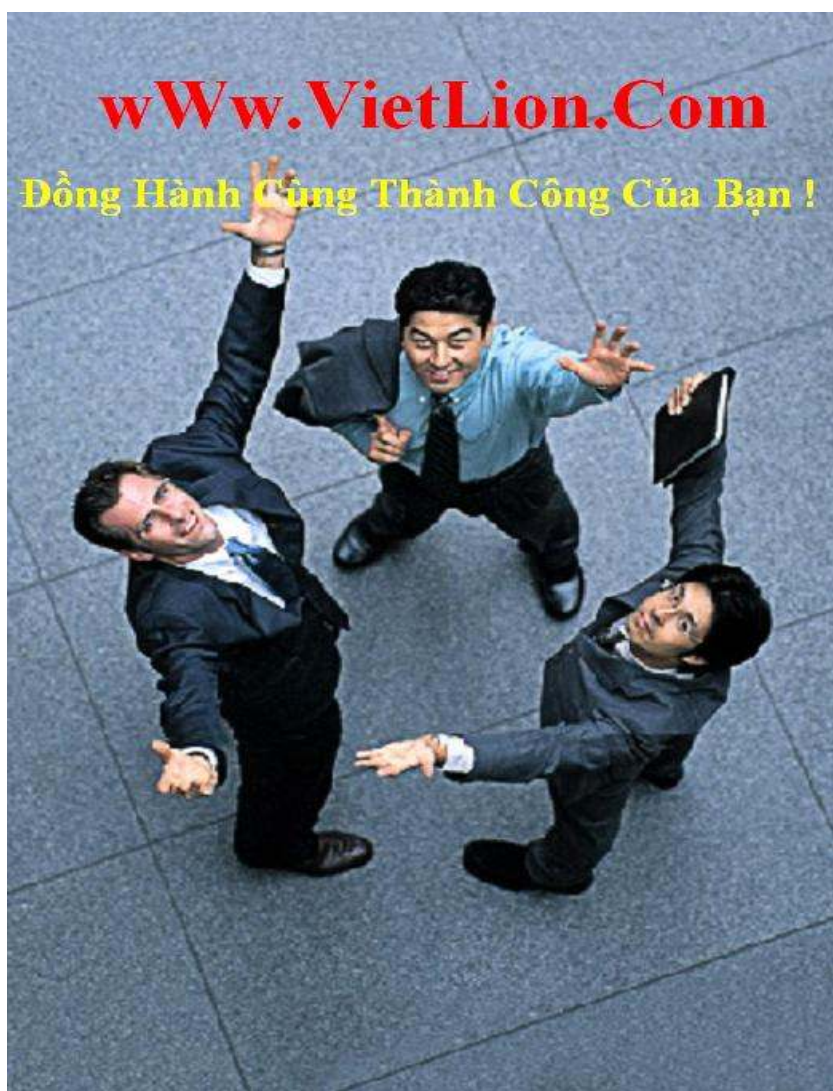


Những kỷ vật kháng chiến - Tập 1

Nhà xuất bản: Quân đội Nhân dân
Năm xuất bản: 2002

**Đóng eBook và Share bởi Thư viện sách điện tử Online:
wWw.VietLion.Com**



* CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

**ĐẢNG ỦY - GIÁM ĐỐC
VIỆN BẢO TÀNG QUÂN ĐỘI**

* TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HOÀN CHỈNH BẢN THẢO:

- **LÊ MÃ LƯƠNG** (Chủ biên)

- **TRINH HỒNG VIỆT**

- **HOÀNG LÂM**

Lời giới thiệu

Viện Bảo tàng Quân đội hiện nay giữ, bảo quản hơn 10 vạn hiện vật. Đó là vật chứng của lớp chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân Việt Nam đem trí tuệ, sức lực, máu xương góp phần cùng toàn thể dân tộc tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại, cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thần thánh và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở thời đại Hồ Chí Minh. Đó là một bộ phận văn hóa vật thể quân sự quý giá trong tài sản văn hóa đặc sắc của Dân tộc, là cơ sở vật chất, điều kiện cho chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân Việt Nam các thế hệ hôm nay và mai sau tiếp cận, phát huy giá trị văn hóa quân sự.

Để có được di sản quý giá nói trên, nhiều thế hệ cán bộ Bảo tàng Quân đội đã không tiếc tâm lực, máu xương, lặn lội khắp mọi miền đất nước, các chiến trường; theo sát bước chân người chiến sĩ từ năm 1955 đến nay.

Hiện vật lưu giữ ở Viện Bảo tàng Quân đội loại hình đa dạng, thông tin phong phú. Có hiện vật gốc hình, gốc khối, âm thanh, tác phẩm mỹ thuật; gồm trang bị, dụng cụ của cán bộ, chiến sĩ sử dụng trong chiến đấu, huấn luyện, sinh hoạt; ảnh chụp, băng ghi âm, tranh vẽ các hoạt động quân sự ở mặt trận, trên thao trường, nơi doanh trại. Nhiều nhất vẫn là các hiện vật gắn với chiến trường. Thông tin của hiện vật gồm thông tin về tự nhiên và thông tin về xã hội. Thông tin về tự nhiên phản ánh cấu tạo, thành phần cùng với khoa học công nghệ sản xuất ra các hiện vật. Thông tin về xã hội phản ánh hoạt động của con người sử dụng hiện vật đó, cụ thể ở đây sử dụng trong hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang nhân dân. Quân đội nhân dân Việt Nam trong quá trình cách mạng, kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1930 trở lại đây.

*Trung bày, giới thiệu hiện vật với bộ đội, nhân dân tại bảo tàng, giới thiệu hiện vật trên các phương tiện thông tin đại chúng và xuất bản thành sách là một trong các chức năng, nhiệm vụ cơ bản của bảo tàng. Những năm qua, nhiều hiện vật của Bảo tàng Quân đội đã được giới thiệu rải rác trên nhiều báo, tạp chí, cung cấp nhiều thông tin gốc có giá trị về các sự kiện, nhân chứng liên quan đến cách mạng, kháng chiến. Năm 1984, nhân kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, một số hiện vật được giới thiệu trong tập sách **“Kỷ vật Điện Biên”**. Năm 2001, dưới sự chỉ đạo của Tổng cục Chính trị, Bảo tàng Quân đội phối hợp với Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản tập sách **“Những kỷ vật kháng chiến”**, tập I, gồm một số hiện vật đã giới thiệu trên các báo và một số*

hiện vật mới.

“Những kỷ vật kháng chiến”, tập I gồm 37 câu chuyện, bài viết hấp dẫn về 37 hiện vật phản ánh hoạt động quân sự, chủ yếu là hoạt động chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân Việt Nam trong các sự kiện lớn của cách mạng, các cuộc kháng chiến từ năm 1945 đến năm 1975. Hiện vật về Cách mạng tháng Tám có 1, hiện vật về kháng chiến chống Pháp có 10, hiện vật về kháng chiến chống Mỹ có 27. Số lượng, thành phần, hiện vật trong tập sách chỉ là số ngẫu nhiên, nhưng có 3 hiện vật phản ánh về Bác Hồ, 5 hiện vật về chiến dịch Điện Biên Phủ, 3 hiện vật về chiến dịch Hồ Chí Minh, 5 hiện vật về những người Anh hùng.

“Những kỷ vật kháng chiến”, tập I, ra mắt bạn đọc là một cố gắng lớn của Viện Bảo tàng Quân đội. Tuy nhiên cá thông tin của hiện vật sẽ có chỗ chưa đầy đủ, chưa chính xác. Rất mong được các thể hệ cán bộ, chiến sĩ và bạn đọc bổ sung, đóng góp ý kiến để các tập sách **“Những kỷ vật kháng chiến”** sắp tới được xuất bản với nội dung đầy đủ hơn.

Xin trân trọng giới thiệu **“Những kỷ vật kháng chiến”** tập I cùng bạn đọc

Đại tá LÊ MÃ LƯƠNG
Giám đốc Viện Bảo tàng Quân đội

**BỘ KÈN ĐỒNG QUÂN NHẠC CỬ QUỐC CA
TRONG NGÀY QUỐC KHÁNH
(2-9-1945)**



Tại phòng trưng bày lực lượng vũ trang nhân dân trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 của Viện Bảo tàng Quân đội có trưng bày một bộ kèn đồng. Bộ kèn 20 chiếc có số đăng ký: BTQĐ 2781/K3-79 gồm các loại kèn Xắcxô, Tennô, Coz, Trompét, Connette. Những chiếc kèn này được Ban nhạc Giải phóng quân sử dụng cử *Quốc ca* trong buổi lễ Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử.

Nhạc sĩ Đinh Ngọc Liên - người chỉ huy dàn tấu bài *Quốc ca* ngày ấy kể rằng trong cuộc đời chỉ huy Đoàn Quân nhạc, ông đã chỉ huy không biết bao nhiêu cuộc biểu diễn. Nhiều cuộc biểu diễn của quân nhạc đã để lại trong ông những ấn tượng sâu sắc. Nhưng buổi chỉ huy dàn nhạc tấu bài *Quốc ca* trong buổi lễ thành lập Nước ngày 2 tháng 9 năm 1945 có ý nghĩa trọng đại đối với ông và cả 75 nhạc công tham dự buổi hòa tấu hôm đó, nó đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời đi theo cách mạng của ông và những người lính trong đội kèn “Bảo an binh”.

Những ngày tháng 8 năm 1945, trong không khí sôi sục của cách mạng, những người lính trong đội kèn “Bảo an binh” rời bỏ hàng ngũ địch, gia nhập quân đội cách mạng. Ngày 20 tháng 8, sau khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội một ngày, Ban âm nhạc Giải phóng quân ra đời gồm hầu hết những người lính trong đội kèn “Bảo an binh” rời bỏ hàng ngũ địch và họ được Bộ chỉ huy quân sự Hà Nội giao nhiệm vụ luyện tập các bài hành khúc cách mạng, để biểu diễn phục vụ buổi lễ thành lập Nước. Nhạc sĩ Đinh Ngọc Liên cho biết: Sau khi nhận nhiệm vụ, các anh suy nghĩ rất nhiều vì *Quốc ca* tiêu biểu cho khí phách, hồn thiêng non nước và đây lại là lần đầu tiên chúng ta công bố *Quốc ca* với toàn dân và thế giới, phải biểu diễn làm sao cho bài “*Tiến quân ca*” đạt được nội dung và tâm vóc tư tưởng của nó. Trước ngày biểu diễn, nhạc sĩ Đinh Ngọc Liên và nhạc sĩ Nguyễn Hữu Hiếu đã bàn với nhạc sĩ Văn Cao thống nhất cho sửa hai chữ trong bài “*Tiến quân ca*” để bản nhạc hoàn hảo hơn, xứng đáng là bản Quốc thiều củ nước Việt Nam độc lập. Đó là rút ngắn trường độ của nốt “rê” (D) đầu tiên của chữ “Đoàn” và nốt “mi” (E) ở đoạn giữa trong chữ “xác” làm cho

bản nhạc khỏe khoắn, trầm hùng hơn. Khi viết tổng phổ, yêu cầu đặt ra là phải thể hiện được tính muôn màu, muôn vẻ về chất lượng và âm sắc của các loại nhạc cụ trong dàn nhạc.

Tổng phổ viết xong, mọi người trong ban nhạc cảm thấy hài lòng. Suốt cả ngày 1 tháng 9 và mấy ngày trước đó, anh em tập đi tập lại bài *Quốc ca* và một số bản hành khúc khác. Cả đêm 1 tháng 9, toàn đội thao thức không ngủ được.

Sáng sớm ngày 2 tháng 9, đoàn quân đã tề chỉnh trong trang phục ka ki vàng, đi giày da, đội mũ ca lô có đính quân hiệu hành quân lên Ba Đình theo đội hình: đội thông hiệu, đội trống và đội nhạc hơi. Nhận vị trí trước lễ đài, đoàn quân nhạc dàn thành năm hàng ngang, mặt hướng về lễ đài.

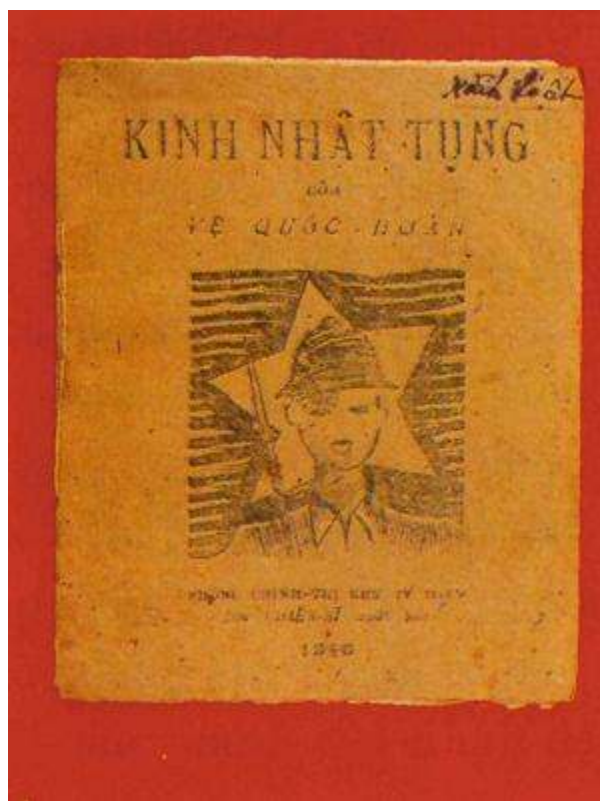
Buổi lễ chính thức bắt đầu. Lá cờ Tổ quốc được từ từ kéo lên đỉnh cột cùng lúc những âm thanh hùng tráng của bản Quốc thiều vang lên khắp quảng trường. Tất cả như ngưng đọng trong giờ phút thiêng liêng ấy. Trong tiếng hòa âm hào hùng trang nghiêm như có tiếng gọi của hồn Nước, tiếng vó ngựa, quân reo thời Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung; tiếng bước chân dồn dập xông lên về phía quân thù của Xô - viết Nghệ Tĩnh, khởi nghĩa Bắc Sơn, của Cách mạng tháng Tám oai hùng. Mệnh lệnh của Tổ quốc đã ban ra: “*Tiến mau ra sa trường, tiến lên! Cùng tiến lên!*” Nhạc điệu mỗi lúc một thúc giục như nhịp đập của trái tim Tổ quốc đang hòa nhịp cùng trái tim mỗi người. Tất cả như bị cuốn hút vào dòng âm thanh có một sức mạnh cô động thần kỳ - sức mạnh của nhân dân, sức mạnh của cách mạng.

Để biểu đạt được cái thần của bản “*Tiến quân ca*”, 75 nhạc công lúc đó đã dồn hết tâm trí vào tiếng nhạc, sử dụng chuẩn xác những chiếc kèn, dưới sự chỉ huy chặt chẽ chính xác của nhạc trưởng Đinh Ngọc Liên.

Lần đầu tiên trong lịch sử dựng nước và giữ nước, Quốc thiều nước Việt Nam độc lập lan tỏa đi khắp năm châu bốn biển, báo tin nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra đời và đến nay bản *Quốc ca* ấy vẫn trường tồn cùng non sông đất nước Việt Nam.

TRỊNH HỒNG VIỆT

“KINH NHẬT TỤNG” CỦA VỆ QUỐC ĐOÀN



Nhiều năm đã trôi qua, các chiến sĩ Vệ quốc đoàn năm xưa đã ghi những điều “răn” của một cuốn “kinh”, không phải kinh Thánh hay kinh nhà Phật, mà là “*Kinh nhật tụng*” của Vệ quốc đoàn. Tác giả là Chủ tịch Hồ Chí Minh - người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Năm 1945 cùng với sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Việt Nam Giải phóng quân được đổi tên thành Vệ quốc đoàn. Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng Vệ quốc đoàn vững mạnh toàn diện về kỹ thuật, chiến thuật, chính trị tư tưởng, tổ chức và kỷ luật... xứng đáng là quân đội của một nước độc lập, có chủ quyền. Tháng 11 năm 1945, Bác Hồ đã biên soạn tài liệu trên cho bộ đội học tập. “*Kinh nhật tụng*” được biên soạn theo thể văn vần, lời văn giản dị, súc tích, giàu gợi cảm; chiến sĩ đọc dễ hiểu, dễ thuộc, dễ ghi nhớ và làm theo.

“*Kinh nhật tụng*” của Vệ quốc đoàn còn có tên là “*Bài ca chiến sĩ*”.

Nội dung “*Bài ca chiến sĩ*” đề cập đến nhiệm vụ của người chiến sĩ, tác phong kỷ luật của người chiến sĩ cách mạng trong mọi mối quan hệ: tư cách quân nhân, khi ở đơn vị, khi đi ra ngoài đường, ngoài chiến trường; đối với nhau, đối với dân, đối với quân thù... Dưới đây xin trích một đoạn:

“...ĐỐI VỚI DÂN
 Đã là binh lính
 Phải kính trọng dân.
 Cứu giúp đỡ dân
 Những người đau khổ.

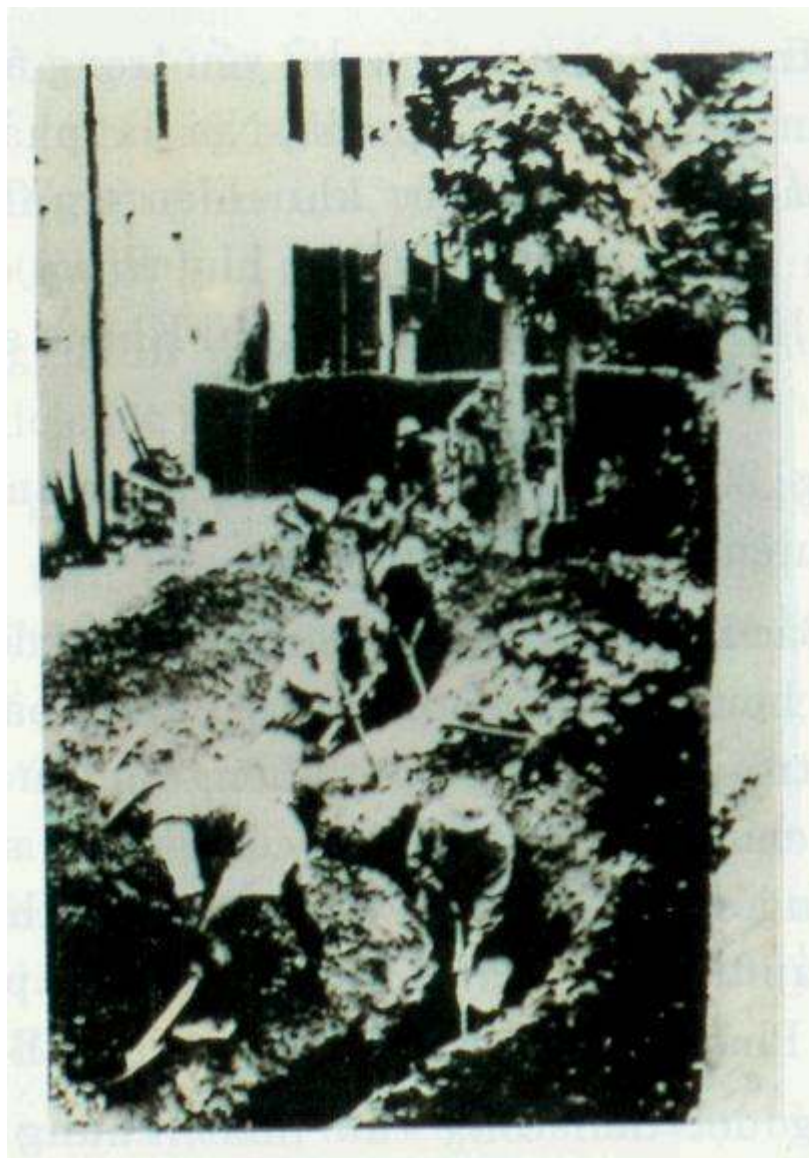
Lại còn giặc ngộ.
 Huấn luyện tuyên truyền.
 Cắm vay mượn tiền.
 Dọa nạt dân chúng.
 Mỗi khi mua bán.
 Phải giữ công bằng.
 Không lấy của dân.
 Cái kim sợi chỉ.
 Mượn gì phải trả.
 Hư hỏng bồi thường.
 Không tắm trần truồng,
 Trước mặt phụ nữ.
 Giữ gìn lễ độ.
 Không được trắng hoa,
 Chọc ghẹo đàn bà.
 Đùa cợt con gái.
 Gặp điều gì trái.
 Quyền lợi của dân.
 Ta nhớ lên làm.
 Luôn luôn nhớ vậy...”.

Cuốn “*Kinh nhật tụng*” của Vệ quốc đoàn đang lưu giữ ở Viện Bảo tàng Quân đội, do Phòng Chính trị Khu 4 soạn lại. Báo “*Chiến sĩ*” - cơ quan ngôn luận của Vệ quốc đoàn ấn hành năm 1946.

Sách in trên giấy dó, khổ 10cm x 13 cm, gồm 13 trang, là loại sách bỏ túi phù hợp với tính chất cơ động của chiến sĩ. Sách có giấy đăng ký BTQĐ 3592/Gi-568.

TRẦN KIM LIÊN

TẤM ẢNH LỊCH SỬ VÀ TRẬN CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ BẮC BỘ PHỦ



Tấm ảnh được trưng bày tại Viện Bảo tàng Quân đội là hình ảnh người chiến sĩ trong tư thế đang đào giao thông hào, xây dựng trận địa chiến đấu bảo vệ Bắc Bộ Phủ, không rõ mặt từng chiến sĩ. Không biết sau trận chiến, ai còn, ai mất? Nhưng lịch sử còn ghi mãi chiến công của các anh trong những ngày Hà Nội mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.

Vào trung tuần tháng 12 năm 1946, quân và dân Thủ Đô về cơ bản đã hoàn thành mọi mặt chuẩn bị, đã ở tư thế sẵn sàng chiến đấu cao. Tại Bắc Bộ phủ, các chiến sĩ đã đào một đường ngầm xuyên phố, đặt bom dưới nền nhà khách sạn Mê-trô-pôn. Khi có lệnh, ta sẽ cho nổ bom tiêu diệt bọn địch đóng ở khách sạn. Bảo vệ khu vực Bắc bộ phủ là Đại đội 1 Tiểu đoàn 101 Vệ quốc đoàn, do đại đội trưởng Mộng Hùng và chính trị viên Lê Gia Định chỉ huy. Để bảo vệ khu vực được phna công, Đại đội đã tổ chức các trận địa chiến đấu tại Nha Thương mại, Bộ Bưu điện (nay là Bưu điện

Bờ Hồ), rạp chiếu bóng Ê-đen (nay là Rạp chiếu bóng Công nhân) và Khách sạn Gà Trống Vàng (nay là Khách sạn Dân Chủ). Lực lượng trực tiếp bảo vệ ngôi nhà Bắc Bộ phủ có hai trung đội. Trung đội 1 do đồng chí Bích chi huy, tổ chức phòng ngự vòng ngoài. Trung đội 2 bảo vệ ngôi nhà Bắc Bộ phủ. Ngoài vũ khí cá nhân, có hai tổ đánh bom ba càng, hai quả bom 150kg đặt ở hai đầu cầu thang gác.

Một trong các mục tiêu chủ yếu trong âm mưu của quân Pháp đánh úp Hà Nội là phải đánh chiếm Bắc Bộ phủ. Trước khi chiến tranh nổ ra một thời gian khá dài, Bộ chỉ huy Pháp đã điều hơn 200 lính đến đóng trên gác hai Khách sạn Mê-trô-pôn.

Đúng 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Tại Bắc Bộ phủ, chiến sĩ Đại đội 1 tiểu đoàn 101 giật quả bom 250kg chôn sẵn dưới nền nhà Khách sạn Mê-trô-pôn, nhưng bom không nổ. Từ Bắc Bộ phủ, các chiến sĩ xuất kích tiến công khách sạn, bọn địch chống cự quyết liệt; 24 giờ đêm 19 tháng 12, quân Pháp từ trong thành Hà Nội kéo đến phối hợp với quân Pháp ở khu vực này tiến công Bắc Bộ phủ.

Trong đợt tiến công thứ nhất, chúng cho xe tăng yểm trợ bộ binh tiến công chính diện vào Bắc Bộ phủ. Từ hào giao thông, ụ chiến đấu bảo vệ vòng ngoài, từ các tầng gác cao, các chiến sĩ ta chống trả quyết liệt. Nhiều lính Pháp trúng đạn bắn thẳng của ta, đổ gục.

Sau khi tổ chức lại lực lượng, địch tiến công lần thứ hai vào Bắc Bộ phủ. Hai xe tăng địch hạ nòng pháo bắn thẳng yểm hộ cho bộ binh địch xung phong. Một chiến sĩ quyết tử ôm bom ba càng, khéo léo tiếp cận, rồi lao thẳng bom và xe địch. Chiếc xe tăng đứng khựng lại, bốc cháy. Bộ binh địch theo xe hoảng sợ nằm xuống lòng đường, bắn loạn xạ. Người chiến sĩ quyết tử ấy đã hy sinh oanh liệt (tên anh là gì? Chưa ai biết!).

Không đánh chiếm được Bắc Bộ phủ, quân Pháp bỏ dở cuộc tiến công, đợi trời sáng.

Tám giờ ngày 20 tháng 12 năm 1946, quân Pháp lại tiến công Bắc Bộ phủ. Mũi chủ yếu có chừng một đại đội, được nhiều xe tăng, xe bọc thép chi viện hỏa lực, từ khu vực nhà băng Đông Dương đánh vào cổng sau bắc Bộ phủ. Mũi thứ hai đánh vào Bộ Lao động, Bộ Nội vụ (nay là trụ sở Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội), kết hợp với mũi thứ ba đánh vào Nha Thương mại, Sở Kiểm duyệt (nay là trụ sở Bưu điện Quốc tế).

Trên cả ba hướng, các chiến sĩ ta vẫn bình tĩnh đợi địch đến gần mới nổ súng, bẻ gãy nhiều đợt xung phong của chúng.

Tại Bắc Bộ phủ, xe tăng địch húc đổ rào sắt, bộ binh địch tràn vào, hỏa lực ta bắn ra dữ dội. Một xe tăng địch bị đâm bom ba càng, bốc cháy ngay trong sân sau, nhiều lính Pháp bị tiêu diệt. Nếu tiếp tục trận đánh sẽ không có lợi, chính trị viên Lê Gia Định khéo léo động viên thuyết phục các chiến sĩ rút sang hầm Bưu điện để bảo toàn lực lượng, riêng anh ở lại chặn địch. Địch tràn vào Bắc Bộ phủ, thời cơ diệt quân thù đã đến, Lê Gia Định ôm quả bom lao thẳng vào xe tăng địch, chiếc xe tăng địch bốc cháy, hàng chục lính Pháp tan xác. Khiếp đảm trước tinh thần chiến đấu dũng cảm của chiến sĩ Vệ quốc đoàn, những tên thoát chết cảm cố chạy thục mạng.

Tấm gương chiến đấu xả thân vì Tổ quốc, vì Thủ đô, sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Lê Gia Định và các chiến sĩ Vệ quốc đoàn gây tiếng vang trong toàn Liên khu 1. Anh được truy tặng danh hiệu “Người quyết tử quân số 1 của Liên khu”. Lê Gia Định - người chiến sĩ Vệ quốc đoàn một năm trước đây cùng chi đội Giải phóng quân về Hà Nội, đã ngã xuống tại Bắc Bộ phủ. Lê Gia Định và các liệt sĩ vô danh đã giữ trọn lời thề: “Quyết không cho kẻ thù chiếm nhà Cha Hồ”.

ĐOÀN THỊ LỢI

NHỮNG ĐIỀU MỚI BIẾT VỀ MỘT TẤM ẢNH LỊCH SỬ



Hai mươi giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946, nhân dân cả nước đứng lên kháng chiến theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Nhân dân Hà Nội đã đi đầu trong cuộc kháng chiến thần thánh này.

Tại Mặt trận Hà Nội, tương quan lực lượng giữa ta và Pháp rất chênh lệch.

Về phía ta cứ 2 người có 1 súng trường cũ, 600 người có 1 súng máy, 3 người có 2 quả lựu đạn. Cả mặt trận Hà Nội chỉ có 1 súng chống tăng với 5 viên đạn.

Về phía địch, lính Pháp là đội quân thiện chiến, lại được trang bị khá hiện đại. Cũng chính về thế Pháp cho rằng việc đánh chiếm Hà Nội sẽ chỉ trong một sớm một chiều, đó là “cuộc dạo mát” mà thôi.

Cuộc chiến đấu không cân sức giữa ta và Pháp diễn ra rất quyết liệt ngay từ những ngày đầu. Quân và dân Hà Nội đã chiến đấu bằng tất cả các vũ khí có trong tay, với tinh thần: “Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc...”.

Tiêu biểu cho tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” là các chiến sĩ cảm tử quân đánh bom ba càng. Đánh loại bom này rất nguy hiểm, thường phải dùng sức lao cả người và bom vào xe tăng thì bom mới nổ. Chính vì thế, tỷ lệ thương vong rất lớn. Biết vậy, nhưng nhiều chiến sĩ Vệ quốc đoàn và tự vệ vẫn xung phong đánh bom ba càng. Tấm ảnh ghi lại hình ảnh các chiến sĩ bom ba càng chiến đấu được trưng bày ở các bảo tàng lớn như Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Cách mạng, Viện Bảo tàng Quân đội.

Thật tình cờ và lý thú, ngày 9 tháng 12 năm 1998, ông Nguyễn Văn Tinh (tức Nguyễn Văn Lang) là anh ruột chiến sĩ cảm bom ba càng trong ảnh, đến thăm Viện Bảo tàng Quân đội. Ông đã cung cấp nhiều chi tiết lý thú có liên quan đến người trong ảnh.

Theo ông Nguyễn Văn Tinh, người cảm bom ba càng trong ảnh là Nguyễn Văn Thiềng (bí danh là Trần Thành Thiềng) sinh năm 1927, tại số nhà 44 phố Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Anh tham gia cách mạng từ năm 1944, là đoàn viên thanh niên Cứu quốc Hoàng Diệu.

Cách mạng tháng Tám thành công, anh Thiềng chuyển sang tự vệ chiến đấu của Thành phố. Tháng 11 năm 1945, do có nhiều thành tích trong việc chống lại các cuộc biểu tình của Quốc dân đảng, anh được Xứ ủy Bắc Kỳ cử đi học tại trường Quân chính Bắc Sơn. Trường này do Trung ương Đảng mở tại Hiệp Hòa, Bắc Giang, khi mạc vào ngày 17 tháng 3 năm 1946. Giáo viên của trường có cả một số người ngoại quốc. Do biết tiếng Anh và tiếng Pháp, anh Thiềng vừa là học viên vừa làm nhiệm vụ phiên dịch.

Tháng 10 năm 1946, Trường Bắc Sơn bế giảng khóa đầu tiên, anh Thiềng được biên chế về Tiểu đoàn 212, do đồng chí Lê Quảng Ba chỉ huy, có nhiệm vụ bảo vệ cơ quan Trung ương. Nguyễn Văn Thiềng được bổ nhiệm làm trung đội trưởng, chỉ huy trung đội bảo vệ Bộ Tổng Tham mưu. Lúc này Bộ Tổng Tham mưu còn là cơ quan phân phối vũ khí cho lực lượng vũ trang mặt trận Hà Nội.

Ngày 23 tháng 12 năm 1946, thực dân Pháp cho xe tăng theo đường Bà Triệu tiến đánh trụ sở Bộ Tổng Tham mưu của ta. Trung đội do Nguyễn Văn Thiềng chỉ huy được giao nhiệm vụ chặn đánh địch ở ngay phía sân sau Bộ Tổng Tham mưu. Chính trong trận này, trung đội trưởng Nguyễn Văn Thiềng dùng bom ba càng đánh hỏng một xe tăng địch ở ngã tư Bà Triệu - Trần Quốc Toản. Địch bỏ chạy, để lại chiếc xe tăng hỏng.

Ngay chiều hôm đó, địch lại cho xe tăng và bộ binh mở cuộc tiến công lớn vào trận địa của ta hòng tiêu diệt bộ đội chủ lực và kéo chiếc xe tăng bị hỏng ban sáng. Anh Thiềng tiếp tục đánh bom ba càng, nhưng bom không nổ; lính Pháp trên xe tăng bắn hồi hả, một viên đạn trúng cổ, anh hy sinh. Thi hài anh được đồng đội chôn cất cẩn thận ngay tại sân sau Bộ Tổng Tham mưu.

Cũng theo ông Nguyễn Văn Tinh thì tác giả bức ảnh quý giá này là của bá sĩ Trần Hạnh, sau này là đại tá, giáo sư, bác sĩ. Bác Hạnh vừa mới qua đời...

Hình ảnh cảm tử quân đánh bom ba càng đã vào sử sách. Cũng từ bức ảnh này, nhà điêu khắc Văn Hòe đã đắp thành công bức tượng chiến sĩ vệ quốc đoàn đánh bom ba càng bằng thạch cao. Viện Bảo tàng Quân đội đã đúc tượng đồng trưng bày trong chủ đề “Hà Nội kháng chiến”, gây xúc động cho khác trong nước và quốc tế vào xem.

ĐẶNG HỒNG THIỀU

BÁO QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN SỐ 1



Cánh đây 51 năm, báo *Quân đội nhân dân* ra số đầu tiên vào ngày 20 tháng 10 năm 1950. Báo gồm 8 trang, bằng chất liệu giấy dó, in ti-pô, mực đỏ và đen, kích thước 30cm x 40cm. Mặc dù đã trải qua nửa thế kỷ, nhưng do được viện Bảo tàng Quân đội bảo quản chu đáo nên đến nay và màu sắc và nét chữ của tờ báo vẫn không phai nhạt.

Mặc dù bằng chất liệu thô sơ nhưng tờ báo hấp dẫn người đọc bởi hình thức trang nhã và đặc biệt có nội dung phong phú, sinh động. Tờ báo chứa đựng nhiều thể loại, nóng hổi tính thời sự với lượng thông tin chuẩn xác. Nội dung báo đề cập những vấn đề liên quan tới vận mệnh quốc gia, tới nhiệm vụ của quân đội. Nói có tác dụng thông tin, giải trí và giáo dục cho bộ đội và nhân dân, góp phần tích cực vào công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội. Vì vậy tờ báo đã trở thành món

ăn tinh thần không chỉ của bộ đội ta ở tiền tuyến mà cả nhân dân ở hậu phương. Tờ báo ra đời lại đúng vào thời điểm chúng ta vừa giành thắng lợi to lớn trong chiến dịch Biên Giới nên càng hấp dẫn bạn đọc.

Ngay trong số đầu tiên, báo đã trình trọng tuyên hứa:

“Nhân dịp ra mắt quân đội và nhân dân,

Báo Quân đội nhân dân kính dâng Hồ Chủ tịch.

Tấm lòng thành kính và xin nguyện trong khi làm tròn nhiệm vụ, cố gắng theo đúng lời Người dạy “Nói những điều thiết thực, đúng đường lối chính trị, ít tếu, viết ngắn, giản dị, dễ hiểu, trình bày rõ ràng, ít tiếp sang trang khác”.

Kính dâng Đại tướng,

Tất cả niềm tin tưởng và xin hứa làm tròn nhiệm vụ một tờ báo của toàn thể Quân đội quốc gia và nhân dân Việt Nam”.

Nhân dịp này, tờ báo cũng giới thiệu với toàn thể bộ đội và nhân dân về việc ra đời cũng như tôn chỉ mục đích của báo: *“hai tờ Vệ quốc quân và Quân du kích đình bản từ ba tháng. Bộ Tổng tư lệnh quyết định xuất bản một cơ quan chung cho Quân đội quốc gia và dân quân. Cán bộ, đội viên, bạn hữu khắp nơi đón chờ tờ báo mới. Hôm nay chúng tôi ra tờ “Quân đội nhân dân”. Chúng tôi trân trọng gửi lời chào mừng các vị lãnh đạo, các cấp chỉ huy. Chúng tôi giữ các đồng chí Vệ quốc, dân quân và toàn thể bạn đọc lời chào tin tưởng, nhiều thương mến.*

Chúng tôi có nhiệm vụ góp phần vào việc đem đường lối, chủ trương của Bộ Tổng tư lệnh, Chính phủ, Đoàn thể thấm nhuần vào toàn thể bộ đội và nhân dân để ai nấy ngùn ngụt lửa căm thù, kiên quyết vượt mọi gian khổ, chiến thắng giặc Pháp xâm lược và bọn Mỹ can thiệp. Nhiệm vụ nặng nề ấy, chúng tôi kiên quyết làm tròn như đã hứa với Hồ Chủ tịch và Đại tướng Tổng tư lệnh”.

Tờ báo kêu gọi bạn đọc gần xa đóng góp công sức xây dựng tờ báo:

“Nhưng trong hoàn cảnh hiện tại, một tờ báo mới tất gặp nhiều khó khăn. Chúng tôi biết không thể độc lực mà hoàn thành nhiệm vụ được. Tha thiết hướng về anh em chủ lực, địa phương, dân quân và cán bộ đoàn thể, chính quyền, văn nghệ, chúng tôi trông đợi một sự cộng tác tích cực. Mỗi bạn chỉ viết một bài, ghi cho một kinh nghiệm, góp cho một ý kiến, giới thiệu báo với mọi người. Gửi cho một lời phê bình, tờ báo chắc chắn là phong phú, sát thực tế, chắc chắn tiến bộ không ngừng.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Tổng tư lệnh, chúng tôi nỗ lực làm việc, lại được các bạn giúp đỡ, sự thành công của tờ báo là lẽ tất nhiên.

Chúng tôi tin tưởng nhận nhiệm vụ.

Quân đội nhân dân”.

Trong góc nhỏ của tờ báo ghi rõ: Ra ngày 5 và 20 mỗi tháng.

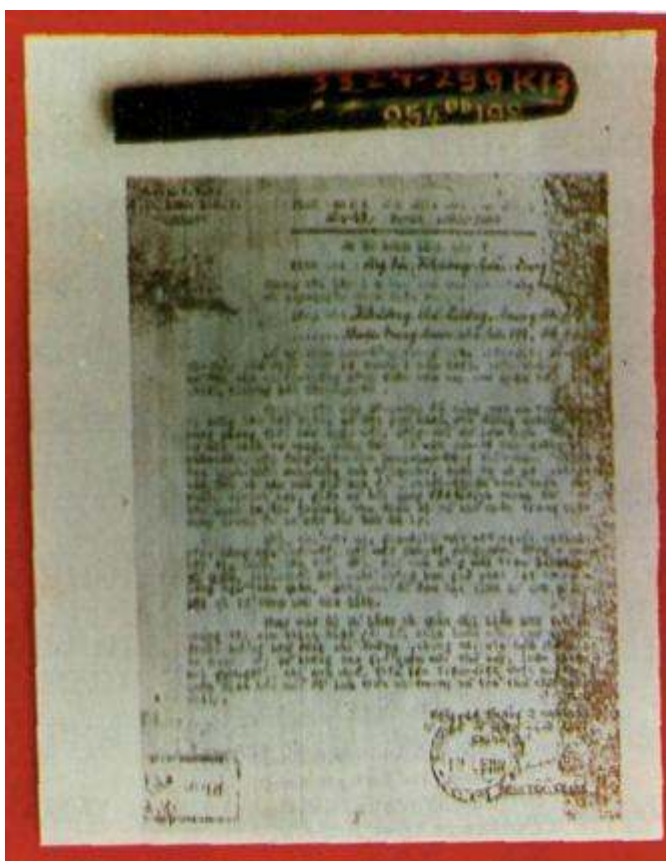
Chủ nhiệm kiêm chủ bút: Lê Liêm.

Thư ký tòa soạn: Lưu Văn Lợi.

Tờ báo mang số đăng ký: BTQĐ 4488/Gi-915, hiện trưng bày tại Viện Bảo tàng Quân đội.

ĐOÀN THỊ LỢI

CÂY BÚT CỦA LIỆT SĨ KHƯƠNG THẾ XƯƠNG VÀ BỨC THƯ CỦA BỘ TƯ LỆNH LIÊN KHU 5



Cây bút mang số đăng ký: BTQĐ 254/ĐB-192 trưng bày tại Viện Bảo tàng Quân đội là kỷ vật của liệt sĩ Khương Thế Xương. Chiếc bút là quà của cha anh (nhà thơ Khương Hữu Dụng) tặng anh trong ngày bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - món quà nhân Tết độc lập. Khương Thế Xương đã dùng trong những năm học tập tại trường chuyên khoa Huỳnh Thúc Kháng - tỉnh Hà Tĩnh từ năm 1946 đến năm 1950. Năm 1950, theo tiếng gọi của Đảng và Bác Hồ, Khương Thế Xương tình nguyện xếp bút nghiên lên đường tòng quân giết giặc và mang theo cây bút làm kỷ niệm. Từ năm 1950 đến năm 1953, cây bút theo anh trong quân ngũ. Cho đến khi

Xương hy sinh, cây bút vẫn cài trên ngực áo. Đồng đội gửi cây bút và một số kỷ vật của anh cho gia đình.

Năm 1959, nhà thơ Khương Hữu Dụng tặng cây bút và một số hiện vật cho Viện Bảo tàng Quân đội cùng bức thư của Bộ Tư lệnh Liên khu 5 gửi gia đình. Với cây bút này Khương Thế Xương đã ghi những suy nghĩ, cảm xúc của mình trong những lá thư gửi cho gia đình và bè bạn, những trang nhật ký ghi trên những chặng đường hành quân. Đó là những suy nghĩ, những bài học khi anh học ở Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn - khóa 5 (tháng 5.1950 - 10.1951) và khi anh xung phong trở về chiến trường Khu 5 chiến đấu. Anh tham gia các chiến dịch chống quân Pháp càn quét ở miền tây tỉnh Quảng Ngãi, tham gia chiến dịch Xuân Hè Quảng Nam, tháng 8 năm 1952. Cuối năm 1952, anh cùng đơn vị hành quân về Mỹ Tài, tỉnh Bình Định chuẩn bị cho trận công đồn Tú Thủy - một cứ điểm kiên cố của địch nằm trên đường 19 thuộc An Khê.

Dưới đây là một đoạn nhật ký đồng chí Khương Thế Xương ghi trước lúc hy sinh tám tháng:

“Ngày 9 tháng 5 năm 1952

Bôn tập tìm địch mấy hôm nay. Địch xuống Ba Tơ, càn quét rộng.

Đêm hành quân Trà Câu - Ba Tơ. Tình quân dân mặn nồng.

Sáng nay tiếp địch. Địch rút về Kon Tum và Dokota. Sớm nay trinh sát E gặp địch có ném mấy quả lựu đạn và rút đi. Chuẩn bị chiến đấu.

Những cảm giác đầu tiên của cuộc chiến đấu đầu tiên: Lo âu - nhưng tin tưởng sẽ làm được việc. Lấy ý thức phục vụ nhân dân đè bẹp cá nhân để bình tĩnh sáng suốt làm việc. Không sợ gì hết, không hoang mang, dao động. Nhớ đến những người thân, tình thương của đồng bào, cố gắng để xứng đáng với lòng tin của nhau... Chính ủy Chánh trước khi bộ đội xuất quân có tới nói chuyện. Tin tưởng quá cuộc chiến đấu ảm áp không lẽ loi bao giờ hết. Sau lưng là Đảng, là nhân dân. Nhìn nhau trù mến quá chừng. Sung sướng quá Trời ơi!

Nhớ một điều: Hăng hái dũng cảm chiến đấu không phải vì tự ái cá nhân mà vì ý thức phục vụ nhân dân. Lòng thành khẩn đối với nhân dân phát triển cao độ sẽ lấn át cả những thắc mắc cá nhân, làm người ta sáng suốt bình tĩnh hơn. Lần đầu thử thách với thực tế. Cố gắng, cố gắng và cố gắng. Đo mức độ giác ngộ của mình không gì chính xác bằng lúc này...”

Những dòng chữ anh ghi lại thể hiện ý chí mãnh liệt của người thanh niên trước vận mệnh của Tổ quốc, lấy mục đích phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng làm chỉ hướng của cuộc đời mình. Tâm hồn của anh, suy nghĩ của anh không dừng trên trang giấy mà biến thành hành động cụ thể.

Vào đêm 13 - rạng ngày 14 tháng 1 năm 1953, Khương Thế Xương (trung đội phó thuộc Trung đoàn 803 Liên khu 5) được giao nhiệm vụ chỉ huy trung đội bộc phá mở cửa đột phá đánh chiếm lô cốt đầu cầu của địch. Trung đội nổ quả bộc phá đầu tiên, phá tung hàng rào thứ nhất, bọn địch dồn hỏa lực vào hướng cửa mở của ta. Khương Thế Xương vừa chỉ huy hỏa lực của ta áp chế hỏa lực của địch, vừa chỉ huy các chiến sĩ bộc phá tiếp tục phá hàng rào. Trong lưới lửa đạn dày đặc, anh lao lên phía trước, động viên chiến sĩ noi gương các Anh hùng Cù Chính Lan, La Văn Cầu... diệt

địch. Đồng đội noi gương anh, xốc tới; các lớp rào kẽm gai của địch lần lượt bị phá tung, các chiến sĩ xung kích vượt qua đánh chiếm đầu cầu tiến thẳng vào tung thâm. Đòn địch bốc cháy. Chỉ sau nửa giờ chiến đấu, quân ta đã là chủ căn cứ, tiêu diệt bắt 132 tên, trong đó có tên quan ba đồn trưởng, thu toàn bộ vũ khí (có một khẩu đại bác). Nhưng Khương Thế Xương và phần lớn các chiến sĩ trong trung đội bộc phá của anh đã anh dũng hy sinh.

Trong bức thư của Bộ Tư lệnh Liên khu 5, do Chính ủy Nguyễn Chánh ký gửi gia đình Khương Thế Xương, có đoạn viết: “Đồng chí đã hy sinh anh dũng trong trận tiêu diệt vị trí Tú Thủy của địch ngày 14 tháng 1 năm 1953, trận thắng mở màn cho chiến thắng Đông Xuân của quân ta tại chiến trường Bắc Tây Nguyên.

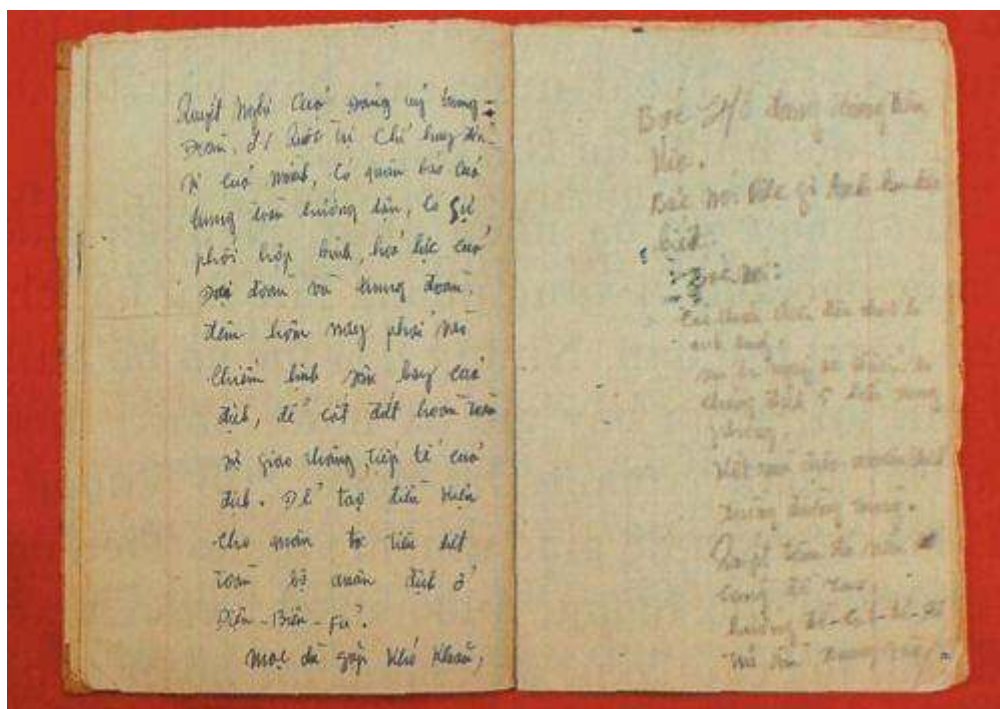
... Đồng chí mất đi, gia đình mất một người con thương yêu, hàng ngũ quân đội mất một cán bộ dũng cảm. Đồng chí mất đi nhưng tên tuổi đồng chí còn sống mãi trên Bảng vàng Tổ quốc, tinh thần đồng chí không bao giờ phai nhạt trong hàng ngũ toàn quân. Đồng chí đã đem lại vinh dự cho quân đội và vẻ vang cho gia đình.

Thay mặt Bộ Tư lệnh Liên khu 5, chúng tôi xin hứa rằng anh em chúng tôi sẽ không bao giờ quên mối thù này, luôn luôn noi gương đồng chí, anh dũng tiến lên tiêu diệt thật nhiều quân địch hơn nữa để làm tròn nhiệm vụ và trả thù cho đồng chí”.

Bốn mươi tám năm sau, những hiện vật của liệt sĩ Khương Thế Xương được giữ gìn và trưng bày tại Viện Bảo tàng Quân đội. Những trang hồ sơ hiện vật về liệt sĩ Khương Thế Xương, con người, sự kiện được tái hiện đầy cảm kích, trân trọng.

TRẦN THANH HẰNG

QUYỀN SỔ GHI CHÉP CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN QUỐC TRỊ



Cuốn sổ chỉ có vài chục trang giấy trắng, kẻ dọc, cỡ 10cm x 15,5cm, bìa mỏng, màu gạch cua, có hai chữ “Quyết tâm” tô đậm. Nguyễn Quốc Trị ghi chép không được thường xuyên, có chỗ bỏ cách ba, bốn trang. Anh vừa viết bằng bút mực xanh lại vừa viết bằng bút chì. Một số từ anh không phân biệt dấu nặng với dấu hỏi, dấu ngã như anh phát âm giọng Nghệ An - quê anh. Mặc dù vậy, những trang ghi chép của anh vẫn mang dấu ấn bước đường trưởng thành của một người cán bộ ưu tú. Đặc biệt tại hào giao thông chiến đấu ở sân bay Mường Thanh (Điện Biên Phủ), Nguyễn Quốc Trị ghi trọn bức điện của Đảng ủy trung đoàn:

“Nghị quyết của Đảng ủy trung đoàn - đồng chí Nguyễn Quốc Trị - chỉ huy đơn vị của mình, có quân báo của trung đoàn hướng dẫn, có sự phối hợp binh, hỏa lực của Đại đoàn và trung đoàn, đêm nay phải vào chiếm lĩnh sân bay của địch để cắt đứt hoàn toàn giao thông tiếp tế của địch, để tạo điều kiện cho quân ta tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

Mặc dù khó khăn, vì nhiệm vụ quan trọng, đồng chí Nguyễn Quốc Trị phổ biến cho tất cả cán bộ, đảng viên, kiên quyết lãnh đạo đơn vị làm tròn nhiệm vụ. Riêng đồng chí Nguyễn Quốc Trị, trong khi thi hành nhiệm vụ, gặp khó khăn gì đề nghị trực tiếp trung đoàn giúp. Ngày 19 tháng 4 năm 1954”.

Với cương vị là Bí thư Đảng ủy và Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 23 Trung đoàn 88, Nguyễn Quốc Trị đã truyền đạt nội dung nhiệm vụ cấp trên giao tới tất cả cán bộ, đảng viên và giao nhiệm vụ cụ thể cho các chi ủy, đại đội.

Đêm 19 tháng 4, Tiểu đoàn 23 ào tiếp chiến hào hướng vào sân bay; đường hào này nằm giữa hai

cứ điểm 206 và 208, cách nhau 400 mét. Hỏa lực địch, nhất là đại bác 155mm, 105mm và súng cối nổ liên tục vào đầu mút chiến hào hòng ngăn chặn quân ta. Phán đoán đúng ý đồ của địch, Nguyễn Quốc Trị quyết định cho bộ đội bỏ qua một đoạn chiến hào, tiếp tục đào cách điểm nút cũ một khoảng ngắn, hướng vào những xác máy bay địch bị pháo ta phá hủy và những cột đèn sân bay.

Lợi dụng sương mù, địch ào lên chiếm một đoạn hào. Lập tức Nguyễn Quốc Trị hạ lệnh cho Đại đội 213 phản xung phong. Chưa đầy 20 phút, các chiến sĩ 213 đã giành lại 2/3 đoạn hào, bắt 4 tên địch. Nhưng hỏa lực các cỡ của địch lại từ Hồng Cúm và rãnh thoát nước sân bay bắn dữ dội, chia cắt đội hình của Đại đội 213.

Mười bốn giờ ba mươi phút, Nguyễn Quốc Trị tổ chức cho đơn vị xung phong lần thứ ba, chủ yếu đánh bằng lựu đạn. Nhưng hỏa lực và bộ binh địch lại cản lại. Mười bảy giờ ba mươi phút, theo lệnh của Đại đoàn trưởng Đại đoàn 308 Vương Thừa Vũ, Trung đoàn 88 giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn 23 tổ chức lại lực lượng, được sự chi viện mạnh mẽ của hỏa lực cấp trên, đã chiếm lại hoàn toàn đoạn chiến hào và đuổi địch về cứ điểm 208.

Ngày 23 tháng 4, được hỏa lực của trên chi viện và sự phối hợp của các đơn vị bạn, Nguyễn Quốc Trị lại chỉ huy đơn vị đánh bại cố gắng phản kích cuối cùng của Đờ Cát-xơ-ri với lực lượng của Tiểu đoàn dù lê dương số 2 và 5, xe tăng 18 tấn - kiểu M24 của Mỹ, làm chủ sân bay Mường Thanh. Đường tiếp tế duy nhất cho gần 10 nghìn quân lính của Na-va ở lòng chảo Điện Biên Phủ hoàn toàn bị cắt đứt.

Trong giây phút đó, suy nghĩ đầu tiên của Nguyễn Quốc Trị là nhớ tới Bác Hồ. Cảm xúc của anh biến thành những vần thơ:

“Bác Hồ đang đứng trên kia...”

Bác nói: “Các cháu chiến đấu thật là anh dũng, sau ba ngày ác chiến, đã chống địch năm lần xung phong. Kết quả đưa quân địch xuống đường cùng.

Quyết tâm đó nên càng đề cao.

Hướng Đờ Cát-xơ-ri trú ẩn xông vào...”

(Ghi ngày 23-4-1954)

Những ngày sau đó, Nguyễn Quốc Trị cùng với đơn vị tiếp tục giữ vững sân bay để cuối cùng giành toàn thắng.

Anh hùng Nguyễn Quốc Trị đã hy sinh trên đường đi công tác trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước. Cuốn sổ tay với số đăng ký BTQĐ 4231/Gi-827 trong kho hiện vật của Viện Bảo tàng Quân đội, cùng với tinh thần chiến đấu dũng cảm, phẩm chất cao đẹp của anh sẽ sống mãi với các thế hệ tiếp sau.

HOÀNG VŨ

CHIẾC XÈNG ĐÀO CHIẾN HÀO TIẾN CÔNG



Xem sa bàn diễn biến chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ ở Viện Bảo tàng Quân đội thấy hình ảnh trận địa giao thông hào tiến công đã tiếp cận đường băng sân bay Mường Thanh, bạn sẽ bị hấp dẫn ngay bởi toàn cảnh “mạng nhện” trận địa đường chiến hào siết dần vào “cổ họng” tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Bên cạnh sa bàn, có trưng bày chiếc xẻng - một kỷ vật trông rất bình thường, ít ai chú ý đến, như những chiếc xẻng đã mòn vẹt khác. Nhưng chính nó lại chứa đựng một tinh thần - hơn thế, một tư tưởng sáng tạo nổi tiếng của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Chiếc xẻng đó là kỷ vật tiêu biểu do hàng nghìn, hàng vạn chiếc xẻng khác, trong tay các chiến sĩ Điện Biên Phủ đã làm đảo lộn mọi quan niệm thông thường và sức tưởng tượng phong phú nhất. Những chiếc xẻng trong tay chiến sĩ Điện Biên đã biến đường hào xưa nay vốn là trận địa phòng ngự chuyển sang thành trận địa tiến công bao vây tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Trong trận Điện Biên Phủ mùa xuân 1954, lúc đầu do địch còn yếu và sơ hở, ta đã chủ trương dùng phương châm “đánh nhanh, giải phóng nhanh” để tiêu diệt tập đoàn cứ điểm trong thời gian từ hai đến ba ngày đêm. Nhưng về sau, tình hình đã thay đổi, địch tăng cường rất lớn cho Điện Biên Phủ về binh lực và hỏa lực, “chấp nhận cuộc chiến đấu” hồng giăng lưới, giăng một cái bẫy lớn để tiêu diệt chủ lực ta, chúng đóng thêm nhiều cứ điểm. Có cứ điểm, trước chỉ có một đại đội đóng giữ đã trở thành một cứ điểm tiểu đoàn. Ở phía nam Hồng Cúm, lúc đầu là một cứ điểm, sau đã trở thành một tập đoàn cứ điểm nhỏ, có sân bay và pháo binh riêng. Do đó, nhất thiết phải thay đổi cách đánh cho thích hợp.

Căn cứ vào chỉ thị của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải đánh chắc thắng, Bộ Chỉ

huy mặt trận ra lệnh đình chỉ cuộc tiến công dự định vào chiều 25 tháng 1 năm 1954, rút bộ đội và dân công, kéo pháo ra, chuyển phương châm “đánh nhanh, giải phóng nhanh” sang phương châm “đánh chắc, tiến chắc” và tiến hành khẩn trương một loạt công tác chuẩn bị để thực hiện phương châm tác chiến mới. Đó là một quyết định rất chính xác và một quyết tâm rất lớn. Trong số những công việc to lớn phải chuẩn bị, ngoài việc bố trí lại đội hình chiến dịch, mở đường cơ động cho pháo, tăng cường công tác hậu cần..., có một việc rất quan trọng có ý nghĩa rất lớn về chiến thuật: đó là việc cấu trúc trận địa tiến công và bao vây địch. Trong khi bộ đội ta lăm lăm súng đạn trong tay sẵn sàng xông vào đồn giặc, thì lại nhận lệnh hoãn tiến công, xếp súng lại để cầm xẻng ra đào đất! Không ai là không thắc mắc! Nhưng với một tinh thần kỷ luật rất cao, mọi người đều nghiêm chỉnh và triệt để chấp hành. Thế là một hệ thống giao thông hào bắt đầu hình thành từ ngoài vào trong, xuyên qua những dãy đồi chung quanh lòng chảo Điện Biên, đổ xuống cánh đồng Mường Thanh phẳng lì còn tro gốc rạ, bủa vây các cứ điểm ngoại vi của giặc, chuẩn bị cho trận đầu thắng lợi giòn giã, tiêu diệt Him Lam, Độc Lập và bức địch ở Bản Kéo ra hàng.

Địch kinh hoàng, ra sức đối phó. Việc đào công sự đã khẩn trương, căng thẳng suốt ngày đêm, lại phải tiến hành dưới mưa bom, bão đạn của kẻ thù. Mồ hôi, xương máu đã đổ xuống để đối lấy từng tấc chiến hào. Chiến sĩ ta bắt đầu thấm mệt. Trước tình hình đó, ngày 20 tháng 3 năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Chỉ huy trưởng mặt trận đã kêu gọi bằng những lời tâm huyết “... Nhiệm vụ xây dựng trận địa là một nhiệm vụ chiến đấu, vinh quang không kém các cuộc chiến đấu xung phong giết giặc”.

Tư tưởng đã thông, tinh thần càng phấn chấn, hàng vạn cánh tay thêm rắn chắc đẩy lùi đất đá, đẩy lùi tất cả các cuộc phản kích của kẻ thù.

*“Đúng rồi, muốn đánh thì đào
Muốn thất cổ địch phải có nhiều hào vây quanh
Chiến hào cùng với chiến binh
Họ “chiến” chúng mình quyết chiến lập công”.*

(CA DAO ĐIỆN BIÊN PHỦ)

Một trận địa tiến công và bao vây được xây dựng ngày càng hoàn chỉnh. Bao gồm giao thông hào trục rộng gần hai mét, sâu ngập đầu người, vây tròn lấy tập đoàn cứ điểm của địch. Sáng kiến nở rộ như hoa xuân. Phải làm sao đối phó với sự phản ứng của địch - càng vào trong càng điên cuồng của cả máy bay, pháo binh và bộ binh của chúng! Phải làm sao đào qua những tảng đá nằm trong lòng đất đã từ bao đời nay. Phải đào qua những bãi lầy, dưới những trận mưa đầu mùa đã làm cho đất khô biến thành bùn nhão! Và phải là sao tăng cao năng suất, hôm sau tăng nhanh hơn hôm trước, đêm sau sâu hơn đêm trước, trong lúc hỏa lực đối phó của địch ngày càng dày hơn, xung lực của địch ngày càng đông hơn!...

Từ sáng kiến đào theo kiểu hàm ếch, dũi sâu trong lòng đất một đoạn, dùng xà beng đánh sập phần trên xuống rồi hót đất vun lên hai bờ, đến sáng kiến bện rơm thành những con cúi lớn, đẩy lên trước như bánh xe lăn để che đỡ cho các chiến sĩ ta trước làn đạn của các loại súng bộ binh của địch, khiến cho bao nhiêu đạn bắn thẳng tới đều găm cả vào thân con cúi, biến nó thành một cái mộc vững chắc và cơ động...; đến sáng kiến lợi dụng từng đoạn dài giao thông hào của địch, đánh bật chúng đi và biến chiến hào của chúng thành đường hào của ta... Vì thắng lợi của chiến dịch, chiến sĩ ta đã nghĩ ra trăm phương nghìn kế, sáng tạo ra nhiều phương pháp đào hầm hào; nhiều mưu mẹo nghi binh lừa địch, dương đông kích tây, đánh nam, dẹp bắc làm cho địch không kịp trở tay.

Từ trên máy bay nhìn xuống, quân Pháp thấy ngày tận số của tập đoàn cứ điểm đến gần, bởi một hệ thống giao thông hào, chiến hào chằng chịt như một cái mạng nhện không lỗ đang chụp lấy các vị trí địch lúc này chỉ còn là những con ruồi tuyệt vọng. Kẻ địch đã không nhằm khi chúng ví hệ thống trận địa tiền công và bao vây của ta như một con bạch tuộc khổng lồ, im lặng nhưng ghê gớm biết bao, khi những chiếc vòi của nó nhích dần như lưỡi hái của thần chết!

Tiếng cuộc xẻng rậm rịch suốt ngày đêm. Từ giao thông hào trực nối ra, vươn dài những giao thông hào nhánh, những “râu tôm”, những ụ chiến đấu, vòng trong vòng ngoài, lớp lớp tiến sát vào các vị trí và sân bay của địch.

Với hệ thống trận địa như vậy, quân ta đã khắc phục được những chỗ mạnh của địch là phi cơ và pháo binh của chúng, tạo điều kiện để các lực lượng của ta đánh địch ngay trên đồng bằng và giữa ban ngày. Trận địa công sự xưa này vốn là phương tiện phòng ngự, nay đã trở thành phương tiện tiến công. Dựa vào đó, quân ta tiến hành đánh lần diệt nhiều cứ điểm địch, cắt đứt sân bay đưa tất cả các mục tiêu vào trong tầm các loại hỏa lực của ta, thực hành bắn tỉa, có ngày tiêu diệt hàng trung đội địch. Trận địa tiền công và bao vây của ta đã phát huy tác dụng to lớn về nhiều mặt, tiến có thể công, lui có thể giữ; vừa là trận địa tiền công, vừa là trận địa phòng ngự, vít chặt lấy đầu quân địch, ngày càng thu hẹp phạm vi chiếm đóng của chúng, bao vây chặt Khu Trung tâm và cắt đứt liên lạc giữa Khu Trung tâm và Phân khu Nam (Hồng cú), đẩy địch vào một tình thế khốn đốn vô cùng.

Hậu cần chiến dịch nhiều lần phải bổ sung chiếc xẻng mới vẫn không đáp ứng kịp nhu cầu. Người còn được nghỉ, nhưng xẻng cuộc thì không lúc nào nghỉ ngơi, từ lúc khơi đầu cho đến cả sau ngày kết thúc chiến dịch.

Chiếc xẻng đơn sơ đã góp phần tạo nên hệ thống trận địa bao vây và tiến công vô cùng sáng tạo và lợi hại. Đại tá Pi-e Lăng-gơ-le, một viên chỉ huy quân Pháp ở Điện Biên Phủ đã thú nhận và than thở: “... Bộ chỉ huy của ta (Pháp) phát hiện rằng cái xẻng và cái cuộc là những vũ khí mạnh không kém gì xe tăng và máy bay... “Trên mặt bắc và mặt tây của tập đoàn cứ điểm, công việc đào trận địa tiến hành nhanh chóng. Mỗi ngày, các phi công chỉ rõ sự tiến triển của các vòi. Các vòi ấy tràn qua Đô-mi-níc về phía tây, tiến gần Ê-li-an từ phía nam rồi xuất hiện ở hướng tây tiến về phía Clô-đin và ở phía bắc chỉ còn cách Huy-ghét 50 mét mà chắc chắn chúng sẽ tới trong ngày hôm sau”... “các đơn vị trực tiếp tiếp xúc với địch phản ứng mãnh liệt. Những đường hào lộ thiên lập tức bị lấp lại và gài mìn. Thế nhưng, quân địch (Việt Nam) lại tiếp tục không mệt mỏi công việc đào dài và tiếp ngay sau đó (quân Pháp) phải tiến hành những cuộc hành quân thực sự để giải vây cho các cứ điểm bị uy hiếp nhất”...

Chiếc xẻng của các chiến sĩ ta ở Điện Biên Phủ là vật nhỏ nhưng mang ý nghĩa lớn. Trong Viện Bảo tàng Quân đội, chiếc xẻng đã cùn vệt không còn là vật vô tri vô giác, mà thực sự đã trở thành một tài liệu sống, một hiện vật vô giá mãi mãi nói lên biết bao bài học sâu sắc về nghệ thuật quân sự Việt Nam, về tinh thần chiến đấu anh dũng, mưu trí sáng tạo của chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam cho các thế hệ ngày nay và mai sau.

PHẠM CHÍ NHÂN

KHẨU PHÁO LẬP CÔNG



Bên phải tiền sảnh Viện Bảo tàng Quân đội, trên bệ đá bê tông có đặt một khẩu pháo 105mm.

Qua bản chú thích, khách tham quan thường lưu ý đó là một trong những trọng pháo lần đầu xuất trận đánh Điện Biên Phủ. Còn chúng tôi - những người chiến sĩ cũ của Đại đoàn Quân Tiên Phong lại nhớ đến kỷ niệm trận đầu mở màn chiến dịch Tây Bắc, trận tiêu diệt phân khu Nghĩa Lộ ngày 17 tháng 10 năm 1953 - nơi quân ta đoạt được khẩu pháo này.

Đêm đầu tiên vượt sông Thao tiến quân vào Tây Bắc là một đêm trời đất tối om, mưa xối xả. Qua sông đến vượt đèo, “đèo Khâu Vác” - một cái đèo khá dài phải mất ba bốn ngày mới vượt hết. Con đường qua đèo có lẽ do trình sát mới vạch ra nên dù chúng tôi là đơn vị gần cuối cùng mà đường vẫn chưa rõ vết chân, cây cối rậm rạp, nhiều chỗ gần như dốc đứng. Mấy ngày liền quần áo ướt đầm, chân mỏi nhừ; vai ê, rất bồng. Vậy mà đến chỗ nghỉ không ai được phép đốt lửa, trừ anh nuôi đã làm bếp Hoàng Cầm cẩn thận.

Mưa gió, rừng rậm gian khổ thật đấy, nhưng cũng có cái hay, quân địch không đánh hơi được hướng tiến chính của ta. Sau gần một tuần hành quân, bỗng thấy trước mặt mọi người hiện ra cánh đồng phẳng lì, thẳng tắp, đang vụ lúa chín, mùi lúa nếp thơm ngát. Lúa ở đây tốt thật, cao ngút đầu người.

Chúng tôi đã đặt chân đến Nghĩa Lộ. Bộ binh, pháo cối hồi hải chuẩn bị bố trí trận địa, đào công sự chiến đấu. Nghĩa Lộ được chia thành hai khu vực: Nghĩa Lộ đôi là khu vực đồn bót và Nghĩa Lộ phổ.

15 giờ 30 phút ngày 17 tháng 10 năm 1953, pháo 75mm của ta khai hỏa mở đầu trận đánh. Dưới tầm hỏa lực, bộ binh nhanh chóng phá rào lao vào đồn. Cuộc chiến đấu diễn biến nhịp nhàng và chỉ khoảng một giờ, quân ta đã chiếm xong Nghĩa Lộ đồn; lá cờ ba sắc bị giật xuống, tiếng kèn chiến thắng vang lên. Binh lính, sĩ quan địch lũ lượt giờ tay kéo nhau ra khỏi đồn. Chúng ta bắt toàn bộ bọn sĩ quan do tên quan tư Ti-ri-ông chỉ huy.

Một bộ phận được cử đi phối hợp đánh địch dưới phố, còn lại thu dọn chiến trường. Ngoài hàng chục tấn vũ khí đạn dược, ta còn thu được khẩu trọng pháo 105mm, một chiến lợi phẩm công kênh, nặng nề, nhưng rất quý. Ngay bọn Pháp cũng mới tăng cường cho cả vùng Nghĩa Lộ được có một khẩu vào đầu tháng 10. Mặc máy bay gầm rít, mặc lửa khói mịt mù, hàng chục anh em bộ đội, dân công xúm nhau vào, người kéo, kẻ đẩy hò reo lôi nó ra khỏi đồn, đưa xuống dốc rồi kéo tít vào rừng què xa từ ba đến bốn kilômét.

Đầu thu năm 1953, theo mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, Trung đoàn trọng pháo mang tên 45 ra đời. Những khẩu pháo 105mm thu được từ Đông Khê (Cao Bằng), Hòa Bình, Nghĩa Lộ... được tập trung lại. Một số pháo thủ của pháo 75mm được điều động về, còn đại bộ phận là lính mới. Tiếp sau đó là những ngày học tập căng thẳng, mệt nhọc. Cán bộ đại đội, trung đội mới ra trường, các khẩu đội trưởng, pháo thủ cũ mới đều còn rất trẻ, chưa ai đến tuổi 24. Trước kia ở pháo 75mm cũng vất vả mệt nhọc, nhưng vì là pháo bắn thẳng nên đầu óc còn thanh thoi. Nại học đến loại trọng pháo, bắn cầu vòng với cự ly xa 10-15 kilômét phải học cả tính toán... rất phức tạp; đầu óc anh nào cũng mệt bã.

Tuy khó khăn, vất vả nhưng không một ai nản chí, mọi người đều hăm hở luyện tập để nắm vững thao tác thành thạo loại vũ khí mà hồi đó được coi là “hiện đại”.

Mùa đông năm 1953, Na-va đưa quân ra đánh tây nam Ninh Bình, càn quét đồng bằng Bắc Bộ, đổ bộ lên Qui Nhơn...; đến ngày 20 tháng 11 năm 1953, cho quân nhảy dù đánh chiếm Điện Biên Phủ, làm chúng tôi càng hăng say học tập. Mọi người đều mong mỏi được đi chiến đấu.

Thợ “sữa”- một lính mới, mọi khi trông đủ dờ thể mà mấy hôm nay cũng tháo vát hẳn lên. Cậu ta lại mới nhận được thư nhà báo tin gia đình vừa nhận ruộng. Sáng nay cậu ta gửi tiền nhờ cấp dưỡng đi chợ mua hộ bao thuốc lá Thăng Long về khao anh em. Khẩu đội trưởng của chúng tôi, Xuân “còm” quê mãi tít trong Khu 4, nhập ngũ năm 1950 lúc 18 tuổi. Nghe đâu khi lên đường cũng đã có “mắt đen”, “mắt xanh” tiền đưa. Người gầy gầy, da đen xạm nhưng tính tình vui nhộn, hát hò hay đáo để. Xuân “còm” còn hơn chúng tôi cả về trình độ văn hóa, khi đi bộ đội anh đã học xong lớp sáu. Vì vậy, đại đội giao cho anh kèm thêm cho chúng tôi môn toán. Mấy hôm nay bị sốt rét nhưng Xuân không chịu bỏ buổi tập nào, chỉ huy anh em luyện tập thao tác vũ khí.

Đến giữa tháng 12 năm 1953, không khí càng tập nập. Cán bộ trên xuống rộn rịp, mọi người đoán già đoán non...

Mấy hôm sau, nghe thấy tiếng động cơ ô tô. Những chiếc GMC chiến lợi phẩm lần lượt tụ tập về đây, các chàng lái hầu hết mặt non choét. Xe pháo hiệp đồng học tập, bổ túc... Thôi sắp lên đường rồi!

Chúng tôi được lệnh lên đường vào đúng đêm 22 tháng 12 năm 1953 - ngày kỷ niệm chính năm thành lập quân đội.

Thực hiện quyết tâm của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, các binh đoàn chủ lực hành quân lên Tây Bắc. Trong đội hình trùng điệp hôm nay lần đầu tiên xuất hiện “xe có đuôi” nối gót các loại pháo đàn anh “chân đồng vai sắt”.

Nhìn đoàn xe lướt qua, bộ đội, dân công vỗ tay hoan hô. Có bạn trẻ còn nói vọng lên: “Ngồi xe, sướng nhá!”. Một vài lần xe, pháo phải dừng bánh, mấy chàng lính bộ binh còn chạy tới vạch lá nguy trang ra xem, kéo theo vài anh chị dân công tò mò. Chúng tôi phải nhảy xuống ngăn. Một cầu lính bộ binh ngó bọn tôi và nói: “Lính pháo gì mà sữa thế”. Vài chị đi qua còn chọc thêm: “Bé như hạt mít”. Tức quá, mà chưa cậu nào trả đũa được... Bỗng Xuân “còm” xuất hiện: “Này, bé hạt tiêu đấy, cứ mó vào xem”. Tất cả cười ồ lên vui vẻ, cho quên cái mệt, cái buồn ngủ mà.

Thực thà mà nói, mấy chàng lính cụ chúng tôi đã từng ném mùi chồn chân tê vai, nay được ngồi xe, lúc đầu cũng thích lắm. Ấy vậy mà mới qua dẫn bảy ngày đêm hành quân, anh nào cũng muốn tụt xuống đi bộ. Lúc đầu chưa quen mùi xăng dầu, nôn thộc nôn tháo. Sau rồi đến quay cuồng chóng mặt vì ồ gà, ồ trâu chồm chồm nghiêng ngả. Càng đi sâu vào miền Tây Bắc, đường sá càng khó khăn, dốc đèo, vực thẳm: pháo thủ luôn phải nhảy xuống đẩy pháo, nhiều chỗ ngoặt gấp, phải tháo pháo đẩy... Đến bãi nghỉ là vội vàng đào hầm cho xe, pháo. Ăn uống nghỉ ngơi đều vội vã... anh nào anh ấy hóc hác trông thấy.

Trải qua gần một tháng vượt trên 500 kilômét, xe và pháo cũng đến nơi tập kết an toàn, đầy đủ. Tiếp đó là những ngày cùng công binh, bộ binh, thanh niên xung phong mở đường, tạo ra một con đường quân sự làm gấp vát qua một ngọn núi cao 1.200 mét, dài 15 kilômét. Một con đường chưa có vết chân người. Con đường này sẽ đưa trọng pháo của ta kề ngay vào sọ địch mà bắn. Hơn 5.000 cán bộ, chiến sĩ phần lớn là bộ binh của Đại đoàn Quân Tiên Phong tham gia làm đường. Và thực không ngờ con đường hoàn thành trước thời gian qui định bốn tiếng đồng hồ với lực lượng chỉ bằng một phần tám theo dự tính của công binh (bốn vạn nhân công).

Mở đường xong, ngay chiều hôm đó bắt đầu công cuộc kéo pháo vĩ đại. Một công việc sau này được kể lại như một câu chuyện thần kỳ.

Suốt chín ngày đêm, tiếng mõ nhịp, tiếng hò “hai, ba này!” vang lên trên các sườn núi. Anh lính xung kích sát cánh cùng các pháo thủ kéo lên đỉnh dốc rồi lại ghì trật trụ tời, nừm chặt dây kéo cho tuột dốc.

Bọn địch đánh hơi thấy có con đường mới?... Ban ngày, máy bay “bà già” liệng đi liệng lại, chiếu súng đại bác xăm tới. Mặc cho pháo nổ âm âm, lửa đạn tung tóe... nhưng tiếng hò “hai, ba này!” vẫn vang lên đều đặn.

Pháo kéo đến vị trí qui định, mọi người chuẩn bị xây dựng hầm pháo, thì có lệnh “kéo pháo ra”.

Kéo pháo vào đã gian khổ, kéo ra khó khăn nguy hiểm gấp mấy lần. Địch đã đánh hơi thấy con đường. Bom đạn chúng xối xả cản chân. Thợ “sữa” bị thương vào tay. Tuy là lính mới nhưng cậu ta

không hề kêu rên. Nhiều lúc đạn nổ ngay trên đầu mà không bỏ dây kéo, không ai lo lắng đến tính mạng mình, chỉ lo giữ gìn vũ khí.

Tin Tô Vĩnh Diện lấy thân chèn pháo làm ai nấy tăng thêm quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Sau Tết ít bữa, pháo lại được kéo vào các hầm đã được xây dựng kiên cố. Cán bộ, trinh sát tập nập đi chuẩn bị tác chiến.

Hàng chục khẩu pháo đã được đưa vào công sự kín đáo, chắc chắn, sẵn sàng nổ súng.

16 giờ 30 phút ngày 13 tháng 3 năm 1954, các khẩu pháo Đông Khê, Nghĩa Lộ, Hòa Bình được lệnh khai hỏa mở màn trận tiêu diệt Him Lam. Những phát đạn đầu tiên bay ra khỏi nòng một lúc thì máy nói đã reo vang: “Cột cờ bay rồi!”. “Trúng chỉ huy sở rồi”. Trong tiếng gầm rít của pháo, xung kích nhanh chóng xuất kích. Sau trận mưa đạn vào Him Lam, pháo ta chuyển làn bắn vào trận địa pháo địch, vào sân bay, vào trung tâm Mường Thanh.

Kẻ thù vốn chủ quan khinh thường ta. Trước ngày 13 tháng 3, bọn sĩ quan chỉ huy địch, sau khi tung biệt kích thám báo, dùng máy bay trinh sát dò la vẫn đinh ninh là ta chỉ có pháo 75mm. Chúng còn láo xược thách thức “Việt Minh” tiến công.

Tên đại tá Pi-rôt (bị cụt tay trọng trận đấu pháo với quân phát xít Đức năm 1941 ở mặt trận nước Ý, được coi là người hùng của quân đội Pháp) còn huênh hoang: “Với hỏa lực mạnh như thế này, Điện Biên Phủ là sẽ là nơi nghiền nát thịt đối phương”...

Sự xuất hiện bất ngờ của trọng pháo, pháo cao xạ của ta làm ch chúng hết sức hoang mang. Ngay loạt pháo đầu tiên, tên chỉ huy Him Lam - quan tư Pê-gốt chết gục cùng mấy sĩ quan tham mưu. Cùng ngày hôm đó, ngót chục máy bay tan xác. Mọi cuộc phản pháo của địch đều ít kết quả. Từ chủ quan, khoác lác đến bị đất xấu hổ, ngài quan năm Pi-rôt đã tự sát bằng một quả lựu đạn Mỹ.

Rồi các cứ điểm Độc Lập, Bản Kéo bị tiêu diệt, sân bay tê liệt.

Sau mỗi đợt chiến đấu thắng lợi, pháo 105mm, pháo cao xạ của ta chuyển dịch vào trung tâm theo nhịp độ vây lấn của bộ binh. Sự hiệp đồng, phối hợp ngày càng ăn ý. Pháo binh yểm hộ ngày càng đặc lực và đáp lại, những người bạn xung kích cũng hết lòng giúp đỡ từ di chuyển đến xây dựng trận địa, rồi đoạt dù đạn địch, chuyển về cho pháo. Có lần pháo thủ còn nhận được trong những hòm pháo cả thư, thuốc lá của các bạn dự trận Hòa Bình, Nghĩa Lộ gửi đến.

Mỗi lần dùng những viên đạn từ tiền duyên gửi về, khẩu đội trưởng Xuân “còm” lại nhắc “Bắn chính xác vào”.

Đến ngày 6 tháng 5 năm 1954, sau tiếng nổ của quả bộc phá 1.000kg trên đồi A1, pháo cối của ta bắn dồn dập cùng với nhịp độ tiến công ào ạt của xung kích. Cả khoảng trời từ phía đông đến trung tâm Mường Thanh khói lửa mù mịt. Trước sức mạnh của đối phương không gì địch nổi, bọn Pháp lần lượt kéo cờ trắng đầu hàng. Từ trưa đến chiều ngày 7 tháng 5, cờ trắng xuất hiện càng nhiều. Đến khoảng 17 giờ có tin quân ta bắt tướng Đờ Cát-xơ-ri và toàn bộ bọn chỉ huy ở trung tâm Mường Thanh. Tiếng hò reo khắp nơi, bọn Pháp lũ lượt kéo nhau ra khỏi đồn, trong tay đưa nào

cũng có mảnh vải trắng.

Chúng tôi đang ôm nhau, vật nhau cười hả hê thì được lệnh quay nòng pháo nã cấp tập vào bọn địch ở Hồng Cúm đang tìm cách tháo chạy.

Khoảng 21 giờ, được lệnh thôi bắn, quân ta hoàn toàn làm chủ chiến trường. Đêm đó không ai ngủ được, có lẽ vì trước cái ngõ ngàng của sự yên tĩnh sau hơn năm mươi ngày đêm chiến đấu.

Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết.

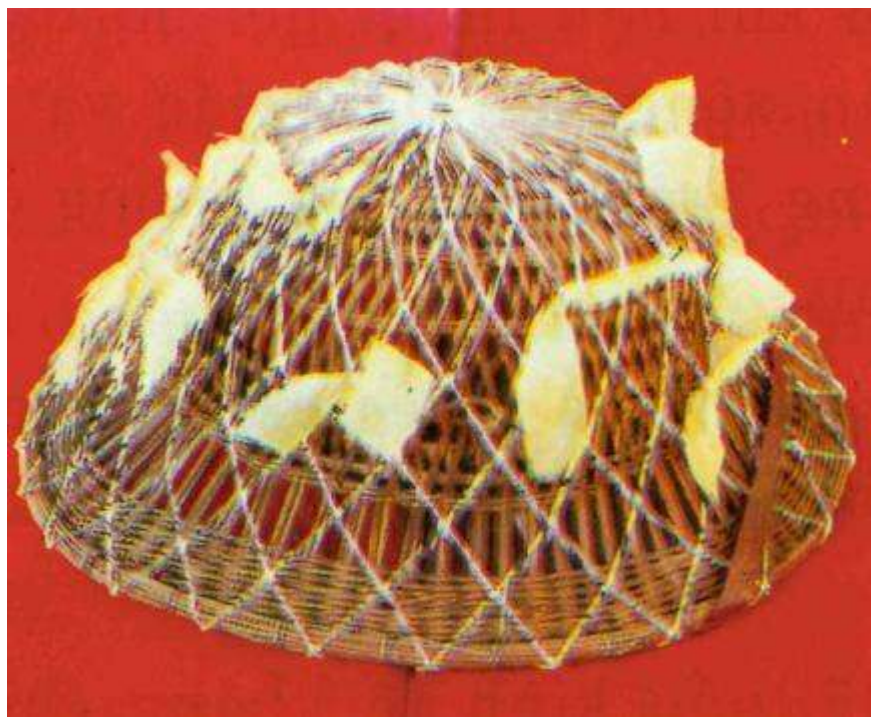
Ngày 10 tháng 10 năm 1954, đoàn quân chiến thắng trở về giải phóng thủ đô Hà Nội. Bộ binh đi trước, xe pháo tiến theo giữa rừng cờ hoa, giữa những lời ca với niềm vui rạo rực.

Ngày 1 tháng 1 năm 1955, trên Quảng trường Ba Đình lịch sử, các khẩu pháo Đông Khê, Hòa Bình, Nghĩa Lộ, Tầm Vu, An Khê và pháo thu được trên chiến trường Điện Biên Phủ diễu qua lễ đài dưới lá cờ “Quyết chiến Quyết thắng” lấp lánh huân chương.

Mỗi lần có dịp về Hà Nội, tôi lại ghé qua Viện Bảo tàng Quân đội. Nơi tôi dừng chân lâu nhất vẫn là bên khẩu pháo Nghĩa Lộ. Đứng đó để nhớ lại những ngày Điện Biên, nhớ lại giây phút huy hoàng khi quân ta tiến vào hầm, bắt tướng Đờ Cát-xơ-ri.

PHẠM NGỌC THỤY

CHIẾC MŨ CỦA NGƯỜI ANH HÙNG



Trong hơn một trăm năm mươi hiện vật gốc khối và gốc chữ phản ánh Chiến dịch Điện Biên Phủ của Viện Bảo tàng Quân đội, có một hiện vật quý hiếm, đó là chiếc mũ nan của liệt sĩ Trần Can - Anh hùng quân đội.

Mũ có hai phần: Cốt và tán. Cốt mũ có chu vi 58 xăngtimét. Tán mũ có chu vi 76 xăngtimét. Nan mũ bằng tre vót trau chuốt, rộng 3 milimét. Nan mũ đã ngả màu cánh gián vì nhuộm mưa nắng, khói bom đạn và mồ hôi. Mũ đan theo kiểu lông một như đan rá, nhưng các ô thưa hơn. Nhờ các ô ấy mà hơi nước, mồ hôi thoát ra dễ dàng. Cốt mũ và vành mũ được lợp một lần vải bông màu xanh lá cây đã bạc màu. Quai mũ buộc bằng ni lông màu nâu, nhẵn bóng và giòn ở đoạn tiếp xúc hai má và cằm của Trần Can. Chiếc mũ gọn, nhẹ thích hợp với khả năng trang bị của quân đội ta lúc đó và thích hợp với khí hậu nhiệt đới đã bao lần hành quân, bao lần xông vào đồn giặc và chứng kiến phút cuối cùng của Trần Can ngã xuống ở chiến hào Điện Biên Phủ.

Lịch sử ra đời của chiếc mũ nan gắn liền với từng bước phát triển của Ngành Quan nhu quân đội ta.

Năm 1947, nền kinh tế kháng chiến non trẻ của ta hầu như chưa có gì, lại bị địch tàn phá và phong tỏa. Việc cấp phát cho bộ đội không thực hiện được đều đặn. Ăn và mặc chủ yếu dựa vào nhân dân, đồng thời bộ đội tự túc một phần. Chiếc mũ nan và một số trang bị khác như ba lô “nóp”, dép cao su, bi đôn tre... của quân ta ra đời trong hoàn cảnh đó. Sắn tre, nứa, giang, vầu của căn cứ địa Việt Bắc và vùng tự do Bắc Khu 4, các chiến sĩ ở vùng quê có nghề đan tre nứa cổ truyền đã mày mò “sản xuất” ra chiếc mũ nan đầu tiên. Rồi chiếc mũ xuất hiện khắp nơi, cùng chia ngọt sẻ bùi với Bộ đội Cụ Hồ. Lúc đầu, các chiến sĩ lợp mũ bằng lá rừng hoặc vải bông cắt ra từ quần áo cũ. Dần dần, phía trên lớp vải xuất hiện một vành lưới để cài lá ngụy trang. Đến cuối thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, cùng với nhiều trang bị khác, vải mũ được cấp phát. Lưới ngụy trang ít sử dụng lá cây mà phần lớn là cài những miếng vải dù hoa chiến lợi phẩm.

Bước vào mùa chiến đấu Đông Xuân 1953-1954, Trần Can khâu thêm một miếng vải lên chỗ rách của chiếc mũ thân thuộc đã bạc màu.

Ngày lên đường đã tới, tạm biệt rừng cọ đồi chè Phú Thọ, Can và đồng đội lại bí mật vượt sông Hồng sang Tây Bắc vào một đêm trăng mờ giá rét giữa tháng 12.

Những ngày mưa liên tiếp. Những đêm tối mịt mùng. Chiếc mũ nan lợp vải và chiếc áo trấn thủ của Can khô rồi lại ướt, ướt rồi lại khô do bao lần mưa thấm và đổ mồ hôi. Những chiếc nan tre được ngâm tẩm trong một “dung dịch” đặc biệt là mồ hôi làm cho nó thêm bền chắc. Sau chín ngày đêm, Can và đồng đội đã đưa mấy chục khẩu pháo 105mm và pháo phòng không 37mm vào vị trí quy định. Lại có lệnh kéo pháo ra ngay vì phương châm “đánh chắc, tiến chắc”. Kéo vào đã vất vả, kéo ra càng vất vả hơn. Đôi vai bầm tím, đôi bàn tay rộp phồng, đôi mắt thâm quầng của Can và đồng đội lại căng thẳng vì nín, kéo những khẩu pháo nặng hơn hai tấn trên núi. Mặc dù vậy, những khẩu pháo đã chuyển dịch gần được nửa đường.

Buổi chiều ngày thứ năm, gió bắc thổi mạnh, nắng hanh. Can và đồng đội chợp mắt trong công sự sau đêm thiếu ngủ. Những khẩu pháo của đơn vị Can đã ngụy trang, nằm ở chân dốc. Bỗng máy bay địch gầm rít rồi từng tràng bom nổ. “Bom cháy”! - có tiếng thét lên. Như những chiếc lò xo, tất cả bật dậy, ra khỏi công sự. Lửa cháy rừng rực, trên đồi cỏ tranh. Theo chiều gió, lửa tấp xuống

đường, bèn vào những khẩu pháo. Mặc bom nổ, không kịp chụp chiếc mũ nan lên đầu, cứ thế, Can dẫn tiểu đội lao vút lên bãi pháo như những mũi tên. Can xông vào túm lấy dây kéo pháo đã bén lửa. Đồng đội cũng đã đến. Can hô: “Hai, ba”! Năm mươi người lôi khẩu pháo ra khỏi đám lửa. Sau gần hai giờ vật lộn với bom đạn, khói lửa, đơn vị Can cứu được năm khẩu pháo. Cũng may là chiếc mũ Can để bên ngoài, nếu không ngọn lửa đã làm cho nham nhở.

Gần hai tháng rưỡi chuẩn bị, mọi công việc hết thúc, giờ nổ súng cho chiến dịch “Trần Đình” (mật danh của chiến dịch Điện Biên Phủ) đã tới. Đơn vị Can là đơn vị vinh dự được tiến công mở màn vào trung tâm đề kháng mạnh nhất của địch: Him Lam. Tín hiệu đỏ vút lên: lệnh xung phong. Can và các chiến sĩ nhảy khỏi chiến hào, lao vào đồn giặc. Đến sát lô cốt tiền duyên, Can chỉ huy một tổ diệt lô cốt rồi tiến vào lô cốt bên trong. Súng máy địch quét sát mặt đất. Can phân công một tổ vòng ra phía sau ném thủ pháo kết hợp với nghi binh phía trước. Bị một loạt thủ pháo, hỏa điểm câm tịt. Chớp thời cơ, Can nhảy lên khỏi giao thông hào, cầm cờ “Quyết chiến Quyết thắng” lên nóc lô cốt cổ thủ của địch ở cứ điểm ba. Đó là lá cờ đầu tiên quân ta cắm trên đồn địch tại chiến trường Điện Biên Phủ. Trong chớp mắt, cờ “Quyết chiến Quyết thắng” như vẫy gọi, giục giã các đơn vị diệt địch. Can và các chiến sĩ xộc vào lô cốt địch cổ thủ, đánh chiếm hết các ngách, bắt tên quan ba chỉ huy. Đại đội lê dương thứ 11 tinh nhuệ của địch bị đơn vị Can diệt gọn, mà Can là người lập công đầu. Hơn sáu giờ, trung tâm đề kháng Him Lam - “cánh cửa thép” che chở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và tiểu đoàn 3 của bán lữ đoàn lê dương thứ 13 - con cưng của quân đội Pháp bị Đại đoàn của Can tiêu diệt.

Sau đợt I của chiến dịch, Can được đề bạt làm trung đội trưởng và Thi - người bạn chiến đấu của Bản Hoa làm trung đội phó. Can bắt tay vào nhiệm vụ chỉ huy trung đội đào giao thông hào, xây dựng trận địa tiến công. Trong đợt II của chiến dịch, trung đoàn của Can đã nhanh chóng tiêu diệt các cao điểm D1, D2, đẩy lùi hàng chục đợt bộ binh địch phản kích có xe tăng yểm hộ và trụ vững ở đó. Đã không ít đồng đội của Can trúng đạn địch ở đầu mút các nhánh hào, chiếc xẻng còn trong tay. Đó đây, những chiếc mũ nan đã thủng, rách để lại. Nhưng, với Can, chiếc mũ nan vẫn trên đầu.

Ngày 11 tháng 4 năm 1954, theo lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch, toàn đơn vị Can được giao nhiệm vụ phối thuộc với đơn vị bạn phòng ngự cao điểm C1.

Địch lại tới. Can hô: “Ném!”- một đòn dữ dội bằng lựu đạn giáng vào đầu địch. Chúng khiếp đảm tháo chạy.

Địch lại lên. Chờ chúng đến thật gần. Theo lệnh Can, hàng chục lựu đạn được quăng vào giữa đội hình địch.

Chiếc mũ nan bạc màu đầy đất, khói, hơi thuốc đạn vẫn bám chắc trên đầu Can, nhấp nhô ẩn hiện. Nó vẫn ở hàng đầu của những chiếc mũ còn lại ở chiến hào nóng bỏng. Trời hừng sáng. Lực lượng của đại đội tới. Dưới giao thông hào, các chiến sĩ kể với nhau về cuộc chiến đấu đêm qua. Tình là người nói to hơn cả: Can là bức tường đồng.

Sau hơn một tháng “Máu trộn bùn non”, bộ đội ta ở Điện Biên Phủ vừa khắc phục những trận mưa đầu mùa để hoàn chỉnh hệ thống giao thông hào tiến công và bao vây, vừa đánh địch quyết liệt, diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của chúng, giữ vững các vị trí đã đánh chiếm và tiến sát vào trung tâm Mường Thanh.

Đợt chiến đấu cuối cùng.

Đêm 1 tháng 5, đại đoàn của Can đánh chiếm các vị trí 505, 505A dưới chân đồi D2, sát đường 41; sáng ngày 6 tháng 5 đánh chiếm vị trí 506. Trong khi đó, ở vị trí 507, trời sáng rõ mà cửa đợt phá chưa mở được. Vấp phải hàng rào bùng nhùng, đại đội bạn bị ùn lại. Có lệnh đại đội Can lên thay. Phải mở cho được cửa đợt phá! Trung đội trưởng Trần Can dẫn đầu tổ bộc phá lên đánh. Hàng rào vẫn trơ ra. Chẳng lẽ bó tay? Không thể chần chừ, Can nghĩ tới việc dùng chèn và thực hiện luôn. Tuất trải hai cái chèn và hai tấm bạt lên hàng rào. Càn lấp bằng trung liên và chỉ mục tiêu cho Đoa bắn yểm hộ. Nhưng các chiến sĩ xung kích vẫn không vào được vì người nhô cao.

Trung đoàn trưởng quyết định mở cửa hướng khác. Đường tiến mới được mở ra. Xung kích tiến lên. Một trận mưa lựu đạn của địch cản lại. Tiếng thủ pháo chưa dứt, bóng Can với chiếc mũ nan bạc màu dẫn đầu tổ xung kích lao lên, theo sau là Tuất. Đến giữa cửa mở, tay phải Can trúng đạn, Tuất bị thương ở vai. Hai chiến sĩ phía sau hy sinh.

Can, Tuất quay lại ôm theo hai tử sĩ. Cùng lúc đó, có lệnh “Đại đội trưởng và chính trị viên đã bị thương, trung đội trưởng Trần Can chỉ huy đại đội”. Vết đạn đau nhói, nhưng Can thấy trách nhiệm thật nặng nề. Can tổ chức lại đội hình, củng cố lại trận địa phòng ngự. Thấy quân ta im lặng, địch tưởng đôi phương không còn sức chiến đấu, có thể chiếm lại vị trí. Chúng reo hò, ủa ra; lập tức Can chỉ huy đại đội sử dụng lựu đạn, thủ pháo diệt gọn tổp địch đó. Mặt trời đã đứng bóng. Trận địa vẫn giữ vững, cánh tay phải Can lại thêm một vết thương nữa. Can dùng tay trái ném lựu đạn và chỉ huy chiến đấu. Xế trưa, pháo địch từ Hồng Cúm bắn dồn dập. Một quả đạn rơi bên cạnh, mảnh đạn bắn vào, thân mình Can đầm đìa máu. Can gục xuống, chiếc mũ nan rơi khỏi đầu.

Đầu can như rộng ra và như có ai níu lại. Quãng đời niên thiếu cay cực đi ở cho địa chủ thoáng hiện ra. Mùa thu năm 1945, khi Can vừa 14 tuổi, quê hương đất nước đổi đời: lần đầu tiên Can nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh. Can được gặp các chú Vệ quốc đoàn và trở thành Bộ đội Cụ Hồ khi 21 tuổi. Sau cuộc thử lửa đầu tiên ở Bản Hoa, Can trở thành một “cụu binh”, một người Cộng sản. Can “đi” từ bản Hoa, đến Him Lam, C1, 507; lần lượt là một tiểu đội trưởng, trung đội trưởng rồi đại đội trưởng. Bóng hình người mẹ kính yêu, hội trường “Hội Mẹ chiến sĩ” đã suốt đời tần tảo, sau “phát động quần chúng” đã được chia ruộng, được học và tự tay viết thư cho Can, hình ảnh Bông - người bạn gái thân thương, cùng chần trâu cắt cỏ thuở bé, vút lớn thành một thiếu nữ mà Can thầm yêu, trộm nhớ. Đại đội trưởng, chính trị viên, trung đội phó Thi, tiểu đội trưởng Đạm, nhìn Can... Nhưng Can thở hắt ra và con tim ngừng đập khi anh bước vào tuổi 23.

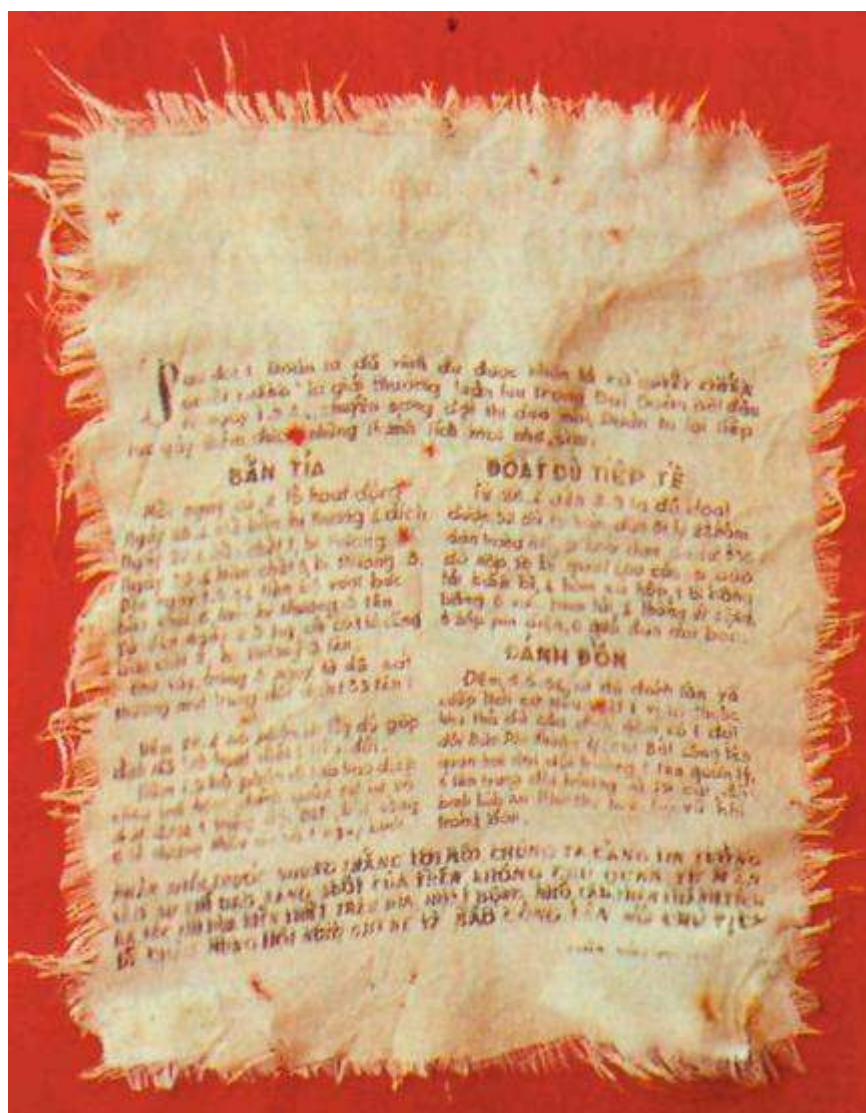
Can ngã xuống khi đại đội của anh chỉ còn cách cửa hầm tên tướng Đờ Cát-xtơ-ri 300 mét. Can không vào được hầm tên tướng giặc, nhưng các chiến sĩ của đại đội Can và Đại đội 360 dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Tạ Quốc Luật đã bắt toàn bộ chỉ huy địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Tuất ôm lấy người đại đội trưởng thân thương của mình như không muốn rời ra. Tuất nhặt lên và không rời chiếc mũ mà Can đã vót từng chiếc nan, nắn nót tự đan khi bước vào quân ngũ - chiếc mũ của những năm tháng chiến đấu.

Can không còn, nhưng chiếc mũ nan tre lợp vải mang số đăng kí: BTQĐ 1152/T-120 của Viện Bảo tàng Quân đội vẫn như một số quân của đội quân trùng điệp.

HOÀNG LÂM

BẢN TIN TUYÊN TRUYỀN IN TRÊN VẢI DÙ Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ



Kể từ ngày 7 tháng 5 năm 1954 lịch sử, khi toàn bộ cơ quan chỉ huy quân Pháp cùng tướng Đờ Cát-xơ-ri bị bắt tại hầm ngầm đến nay đã gần nửa thế kỷ. Ai đã lên Điện Biên đều thấy vùng đất này được trải kín một màu xanh êm ả, những vết thương của chiến tranh dường như đã lành.

Nhưng chắc chắn, trong lòng đất Điện Biên vẫn giữ nguyên các dấu tích của những ngày hào hùng và oanh liệt. Hy vọng mai sau ta sẽ tiến hành những cuộc khai quật quy mô lớn, nhưng ngay từ bây giờ đã rải rác vẫn tìm thấy một số hiện vật quý hiếm. Một trong những hiện vật được nhân dân bản

Hoong Lếch, xã Thanh Lương, huyện Điện Biên đào được dưới một con hào cũ ở Mường Thanh và gửi tới Viện Bảo tàng Quân đội là bản tin tuyên truyền được in trên vải dù. Ở giữa chiến trường vào những ngày ác liệt, giấy viết rất hiếm mà vải dù chiến sĩ ta đoạt được của địch lại rất sẵn. Cán bộ tuyên huấn mặt trận đã có sáng kiến lấy vải dù làm giấy để in các bản tin chiến thắng. Mỗi mảnh vải dù được xén kích thước (22cm x 28cm) in bằng mực đỏ và đen, trên đó đưa các tin. Bản tin được chuyền tay để mọi cán bộ, chiến sĩ ta cùng đọc dưới chiến hào.

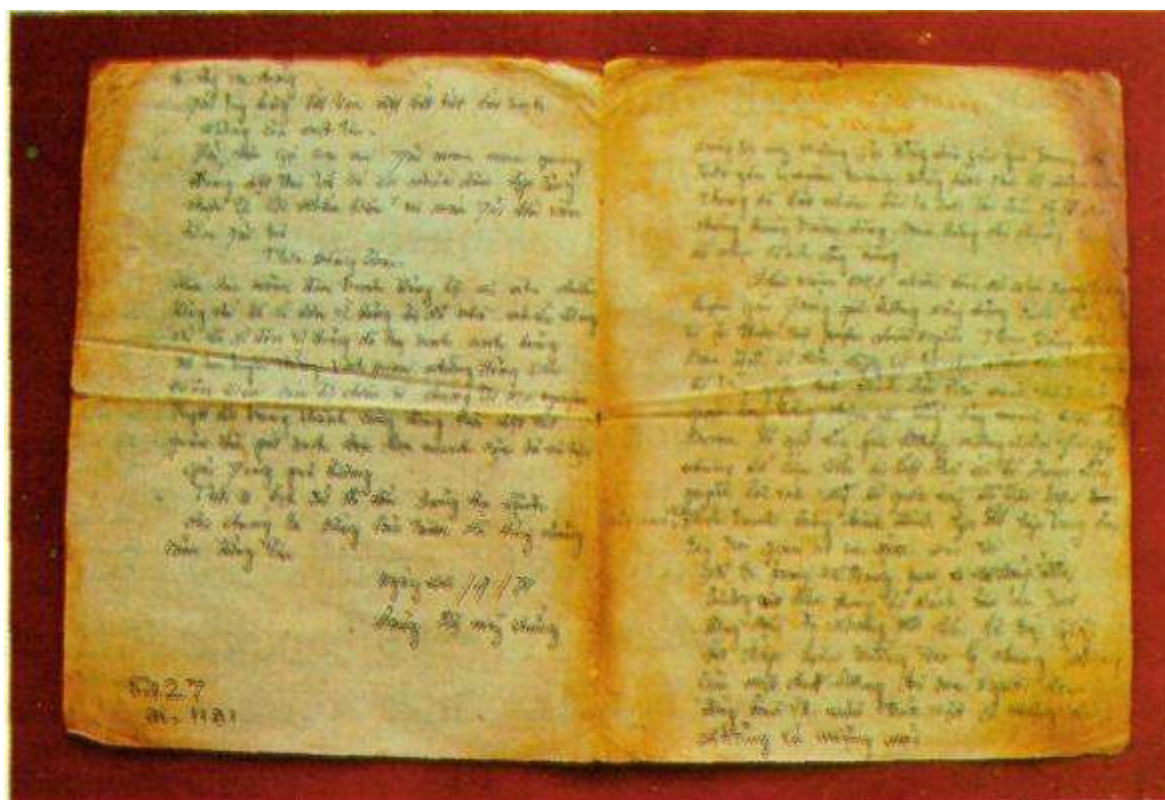
Bản tin trên dù mà Viện Bảo tàng Quân đội nhận được có đoạn *“Trong đợt thi đua mới từ ngày 1-5 đến 19-5 phát huy truyền thống quyết đánh, quyết thắng chào mừng ngày 1-5 lập thành tích để dâng lên chúc thọ Hồ Chủ tịch”*.

Nằm trong lòng đất mấy chục năm, bản tin có chữ đỏ đã mờ, nhưng khi đọc lên ta nghe như rõ âm thanh hào hùng của những ngày lịch sử. Một bản in làm nức lòng các chiến sĩ, các đơn vị kịp thời động viên mọi người lập công giõn giã hơn nữa. Một hình thức tuyên truyền cổ động thật độc đáo, sáng tạo và rất Việt Nam trong hoàn cảnh ác liệt của chiến trường.

Viện Bảo tàng Quân đội chưa có thời gian xác định được xem ai là người đã biết bản tin ấy, chỉ biết rằng đó là bản tin của cơ quan tuyên huấn Việt Trì.

LẠI VĨNH MÙI

LÁ THƯ TÂM HUYẾT



Viện Bảo tàng Quân đội có một hiện vật - số đăng ký: BTQĐ - 5447/Gi-1181, đó là lá thư tâm

huyết của Đảng bộ xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định gửi cho toàn dân trong xã kêu gọi động viên cán bộ, đơn vị, du kích và nhân dân nổi dậy phá thế kìm kẹp của Mỹ - ngụy, giải phóng quê hương. Thư đề ngày 22 tháng 4 năm 1972.

Từ năm 1954 đến năm 1964 xã Mỹ Thắng nằm trong vòng kìm kẹp của Mỹ - ngụy. Năm 1957 sau rất nhiều hy sinh, tổn thất, khó khăn tưởng chừng không vượt qua nổi, chi bộ xã đã được thành lập với 10 đồng chí. Từ trên căn cứ núi Hà, các đảng viên đã vượt qua hàng rào phong tỏa của địch, móc nối với cơ sở, thành lập được một đội vũ trang công tác, diệt nhiều tên ác ôn tề ngụy trong xã. Ngày 25 tháng 8 năm 1964, xã Mỹ Thắng được giải phóng. Từ một chi bộ đã phát triển thành Đảng bộ xã Mỹ Thắng với 6 chi bộ có 60 đảng viên. Sau năm 1968, Mỹ - ngụy liên tiếp tiến hành các kế hoạch “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt”, “bình định bổ sung”, “kế hoạch Phụng hoàng” kết hợp hàng vạn cuộc hành quân càn quét, đóng hàng nghìn đồn bốt, chiếm lại hầu hết vùng nông thôn mà ta giải phóng trong Tết Mậu Thân, kìm kẹp thêm nhiều dân. Xã Mỹ Thắng được Mỹ - ngụy chọn làm nơi thí điểm các thủ đoạn bình định. Ngày 5 tháng 6 năm 1969, địch càn quét ác liệt. Quân Mỹ chốt 4 điểm trong xã, lực lượng của chúng gồm 1 tiểu đoàn Mỹ, 1 liên đoàn bảo an, 24 xe tăng, xe quân sự. Chúng càn quét, chà xát hết sức khốc liệt xã Mỹ Thắng nhằm xóa sổ Việt cộng, gây cho Đảng bộ và nhân dân nhiều khó khăn, tổn thất nặng nề. Từ 10 giờ đến 11 giờ ngày 15 tháng 10 năm 1969, địch thân tổng thống ngụy quyền Sài Gòn, Nguyễn Văn Thiệu đến Gò Cao, thôn 8, trụ sở của bọn ngụy quyền ở xã Mỹ Thắng làm lễ ăn mừng “bình định thắng lợi”.

Cuộc chiến đấu không cân sức giữa ta và địch diễn ra quyết liệt. Số đảng viên hy sinh chỉ còn 15 đồng chí, đội du kích còn 11 người. Ngày 20 tháng 4 năm 1972, Đảng bộ xã tổ chức hội nghị bàn lãnh đạo đấu tranh quân sự, binh vận, chuẩn bị cho đợt nổi dậy. Sáng 22 tháng 4 năm 1972, đồng chí Nguyễn Nhân - Bí thư Đảng ủy xã đọc bức thư tâm huyết và đượ Đảng bộ nhất trí thông qua. Thư có đoạn như sau:

“Đảng bộ xã Mỹ Thắng

Thư tâm huyết

Đảng bộ xã Mỹ Thắng gửi đồng bào yêu quý trong xã. Suốt gần 10 năm trời sống dưới chế độ Diêm - Nhu, chúng đã bắt nhân dân ta cúi đầu làm nô lệ, dồn hàng trăm đồng bào, đồng chí chúng ta vào nhục hình cay đắng.

Đầu năm 1964 nhân dân xã cùng toàn huyện giải phóng quê hương xây dựng cuộc sống tự do thực sự có quyền làm người. Theo tiếng gọi của Bác Hồ, vì độc lập tự do cho nhân dân, xã đã từng đánh bại hai mùa khô của giặc Mỹ, từng chặn xe tăng, băng mình dưới đạn bom để giữ lấy quê hương, ruộng vườn yêu quý, nhưng để cứu vãn sự thất bại và bám lấy quyền lợi ích kỷ, đế quốc Mỹ đã thực hiện Việt Nam hóa chiến tranh bằng bình định cấp tốc, tập trung bọn tay sai gian ác ùn ùn kéo về xã ta. Trong 26 tháng qua là 26 tháng đau thương uất hận, chúng đã tàn sát đồng bào ta không kể lớn bé, già, trẻ, bắt chất luân thường đạo lý, chúng không còn một chút lương tri con người, xem đồng bào ta như súc vật...

Thưa đồng bào.

Qua bao năm đấu tranh, Đảng bộ xã nhà nhiều đồng chí vì dân, vì Đảng mà hy sinh anh dũng.

Kể thừa truyền thống vinh quanh, những đảng viên, đoàn viên, cán bộ, chiến sĩ chúng tôi xin nguyện tuyệt đối trung thành cùng đồng bào diệt hết quân thù, quét sạch bọn lưu manh cận bã xã hội, giải phóng quê hương.

Thời cơ lịch sử đã đến, Đảng hạ lệnh cho chúng ta, đồng bào toàn xã hãy dũng cảm tiến lên.

*Ngày 22 tháng 4 năm 1972
Đảng bộ xã Mỹ Thắng”*

Ngày 23 và 24 tháng 4 năm 1972, Đảng ủy xã tổ chức cho từng thôn nghiên cứu, quán triệt. Ngày 25 tháng 4 năm 1972 tại lễ xuất quân đánh địch ở thôn 10 và thôn 11, bức thư tâm huyết đã được đọc trước hàng quân, mọi người giơ tay tuyên thệ hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giải phóng quê hương.

17 giờ 25 phút ngày 25 tháng 4, du kích từ thôn 4 hành quân bằng ghe bí mật qua đầm Trà Ổ đến phối hợp chiến đấu với thôn 10 và thôn 11. Bốn giờ sáng ngày 26 tháng 4 năm 1972, du kích bắt đầu nổ súng vào bọn địch ở thôn 10 và thôn 11. Chỉ sau 1 giờ 30 phút chiến đấu, trận đánh đã kết thúc thắng lợi. Ta thu 62 súng, giải phóng hoàn toàn hai thôn. Trong ba ngày (từ 26 đến 29 tháng 4 năm 1972) toàn xã đã nổi dậy, kết hợp 3 mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận, phá thế kìm kẹp của địch, giải phóng toàn xã, số người tham gia chiến đấu càng ngày càng tăng lên. Ngày 26 tháng 4 có 400 người, ngày 27 tháng 4 tăng lên thành 750 người, ngày 29 tháng 4 có 1.000 người. Đòn tiến công kết hợp nổi dậy mạnh mẽ đã giải phóng toàn xã; năm quân chúng cốt cán qua thử thách rèn luyện trong cuộc chiến đấu chống Mỹ - ngụy đã được vào Đảng và trở thành những nhân tố mới.

Lá thư tâm huyết được đồng chí Cao Ứng - Chủ tịch xã Mỹ Thắng trao cho cán bộ sưu tầm của Viện Bảo tàng Quân đội ngày 28 tháng 8 năm 1973.

ĐOÀN THỊ LỢI

SỰ “QUẢ BẢO CỦA MỘT LỜI THỀ”



Tên chánh tổng Kơ Lang ở vùng Yo KTung thuộc huyện Kiến Đức, tỉnh Quảng Đức làm tay sai cho thực dân Pháp. Pháp thua, hăn tiếp tục làm tay sai cho Mỹ - Diệt đàn áp cách mạng và bóc lột đồng bào dân tộc M’Nông, khiến cho bao gia đình phải tan nát cửa nhà.

Năm 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, bộ đội giải phóng đã đến rừng Ru Rơ Nga, đến với đồng bào vùng Yo KTung. Đội vũ trang K58 do đồng chí Phùng Đình Ấm chỉ huy đã tập hợp đồng bào, đoàn kết một lòng, phá các khu tập trung của địch, đưa dân làng về làng cũ, lập làng chiến đấu, tổ chức du kích diệt ác phá kìm. Đội vũ trang K58 tuyên truyền cho đồng bào dân tộc M’Nông về chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng, chính sách đối với những kẻ làm đường đi theo địch, kêu gọi họ trở về với cách mạng, với dân làng, không làm tay sai cho giặc, được Mặt trận khoan hồng. Trước phong trào cách mạng ngày càng lên cao, Kơ Lang xin được tự thú tội trước đồng bào, xin Mặt trận khoan hồng, thề không làm hại cách mạng. Đồng chí Phùng Đình Ấm thay mặt Mặt trận Dân tộc giải phóng, xin dân làng tha cho Kơ Lang. Đồng chí Phùng Đình Ấm nói với Kơ Lang: Để chứng tỏ lòng trung thành, không phản bội cách mạng, trước mặt đồng bào, ông phải cắt máu ăn thề trước lá cờ Mặt trận và tấm ảnh Bác Hồ theo phong tục của người M’Nông, để cho các vị thần linh, Giàng Rừng, Giàng Nước, Giàng Lửa, Giàng Lúa làm chứng. Nếu ông phản bội cách mạng thì “lời thề độc” sẽ hại ông. Từ nay đối với dân làng, ông không còn là chánh tổng nữa. Để đảm bảo đời sống, ông được lên quận như đồng bào để đổi gạo, đổi muối nhưng không được tiết lộ bí mật, không được làm gì có hại đến cách mạng.

Chánh tổng Kơ Lang cắt máu từ ngón tay trở cho vào bát rượu, thề trước dân làng không làm tay sai cho giặc chống phá cách mạng.

Vốn quen “làm mưa làm gió” một vùng, quen bóc lột đồng bào, không chịu được cảnh “cá chậu

chim lồng”, chỉ ít lâu sau Kơ Lang “ngựa quen đường cũ” tìm cách trốn về với Mỹ - Diệm.

Tưởng rằng vào sông trong ấp chiến lược là yên ổn, hy vọng có ngày hấn sẽ trở về làng giữ chức chánh tổng như xưa. Nào ngờ, cán bộ Mặt trận tìm được đến nơi hấn ở, mời hấn ra rừng để “cảnh cáo”. Hấn đoán được điều gì đến bèn nghĩ ngay đến việc ra tay trước. Hấn giả đồ ốm, xin cán bộ được mang theo tấm khăn khoác cho đỡ lạnh, rồi giấu con dao nhọn vào trong khố. Ra đến bìa rừng, hấn xin cán bộ cho hút thuốc. Bất thành lình hấn rút con dao trong khố đâm người cán bộ đứng bên, rồi cướp khẩu súng trường bỏ chạy. Hấn chạy về quận nộp súng cho chính quyền ngay, kể công giết hai Việt cộng, cướp được súng. Hấn được Ngô Đình Diệm mời về Sài Gòn nhận thưởng, được Ngô Đình Diệm phong chức “quận phó sắc tộc”, kèm theo tấm huân chương “Bắc đầu bội tinh” và khẩu súng ngắn Smith Wesson mang số hiệu: 476227.

Để đền ơn tri ân của tổng thống Ngô Đình Diệm, Kơ Lang điên cuồng chống phá cách mạng, dẫn đường cho lính ngay càn quét vào căn cứ ta, phá hoại nơi đóng quân của đội vũ trang K58; đốt nhà, cướp lúa, trả thù những người theo cách mạng. Năm 1962, để bảo vệ cơ sở cách mạng, đội vũ trang K58 do đồng chí Phùng Đình Ấm chỉ huy, cải trang thành lính bảo an đột nhập vào ấp chiến lược tìm Kơ Lang để trừ khử. Được nhân dân chỉ đường, đội vũ trang K58 chia làm ba mũi bao vây nơi hấn ở. Nghe tiếng đồng chí Ấm quát: Giơ tay lên! Tên Kơ Lang bỏ chạy, nhưng đã bị tay súng của chiến sĩ Thẩm và chính trị viên Thước kết liễu. Kơ Lang chết, ngón tay trở còn giữ nguyên trên vòng cò súng. Đội vũ trang K58 thu khẩu súng giao cho đồng chí Phùng Đình Ấm - người chỉ huy trận đánh, làm kỷ vật chiến đấu.

Nghe tin chánh tổng Kơ Lang bị Quân Giải phóng giết, đồng bào vùng Yo KTung bảo nhau: “Thằng Kơ Lang phản bội lời thề độc thì nó cũng phải chế độc như lời thề. Đó là sự quả báo của Giàng, hấn không thể nào tránh khỏi”.

Sau gần bốn mươi năm cất giữ làm kỷ niệm, Thiếu tướng Phùng Đình Ấm tặng khẩu súng Smith Wesson (số 476227) cho Viện Bảo tàng Quân đội, kỷ vật về chiến công của đội vũ trang K58 trong phong trào “diệt ác phá kìm”. Khẩu súng được đưa vào sưu tập súng ngắn của Viện Bảo tàng Quân đội.

TRẦN THANH HẰNG

CÂU CHUYỆN MỘT BỨC THÊU



Tại Viện Bảo tàng Quân đội đang trưng bày một bức thêu vải Pô-pơ-lin, màu xanh lơ, viền rua, có hình cây trúc chen với cây mai màu trắng tinh khiết, đối diện với một con hổ vằn vàng đen dữ tợn đang nhe nanh, múa vuốt, tượng trưng cho thể lực bạo tàn của Mỹ - nguy, giữa bức thêu là hai câu thơ:

*“Trúc ơi tuy đứng giữa đồng
Dù cho mưa nắng cũng không phai màu”.*

Bức vải thêu có số đăng ký: BTQĐ - 1347/B-275 là tấm vải thêu của chị em bị địch giam cầm trong nhà lao Quảng Ngãi. Chị em đã dày công tìm kiếm nguyên liệu và bí mật thêu trong sự rình rập, tra tấn của bọn địch, để ca ngợi liệt sĩ Mai Trúc - người đã nêu gương trung kiên bất khuất trước kẻ thù và đã hy sinh oanh liệt tại nhà lao Quảng Ngãi tháng 6 năm 1963.

Chị Mai Trúc tên thật là Mai Ái, sinh năm 1930, quê ở xã Nghĩa Lâm, huyện Từ Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 1952, chị đã tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1954, được sự phân công của tổ chức, chị không tập kết ra Bắc mà ở lại miền Nam hoạt động. Mặc dù đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ra sức khủng bố và tàn sát dã man, chị Mai Ái cũng như bao con người miền Nam không hề khuất phục. Chị đã chịu đựng khó khăn, nguy hiểm tưởng chừng khó lòng vượt qua được để hoạt động trong lòng địch, xây dựng cơ sở cách mạng, giữ vững phong trào, tổ chức nhiều cuộc đấu tranh chính trị và vận động binh lính địch. Năm 1961, chị đã gia nhập lực lượng vũ trang giải phóng và liên tục chiến đấu. Tháng 4 năm 1963, trong trận cùng đơn vị đánh vào bộ tư lệnh sư đoàn bộ binh 25 nguy ở thị xã Quảng Ngãi, chị bị thương gãy chân và không may sa vào tay địch. Bọn địch dụ dỗ mua chuộc chị không được, đã dùng những

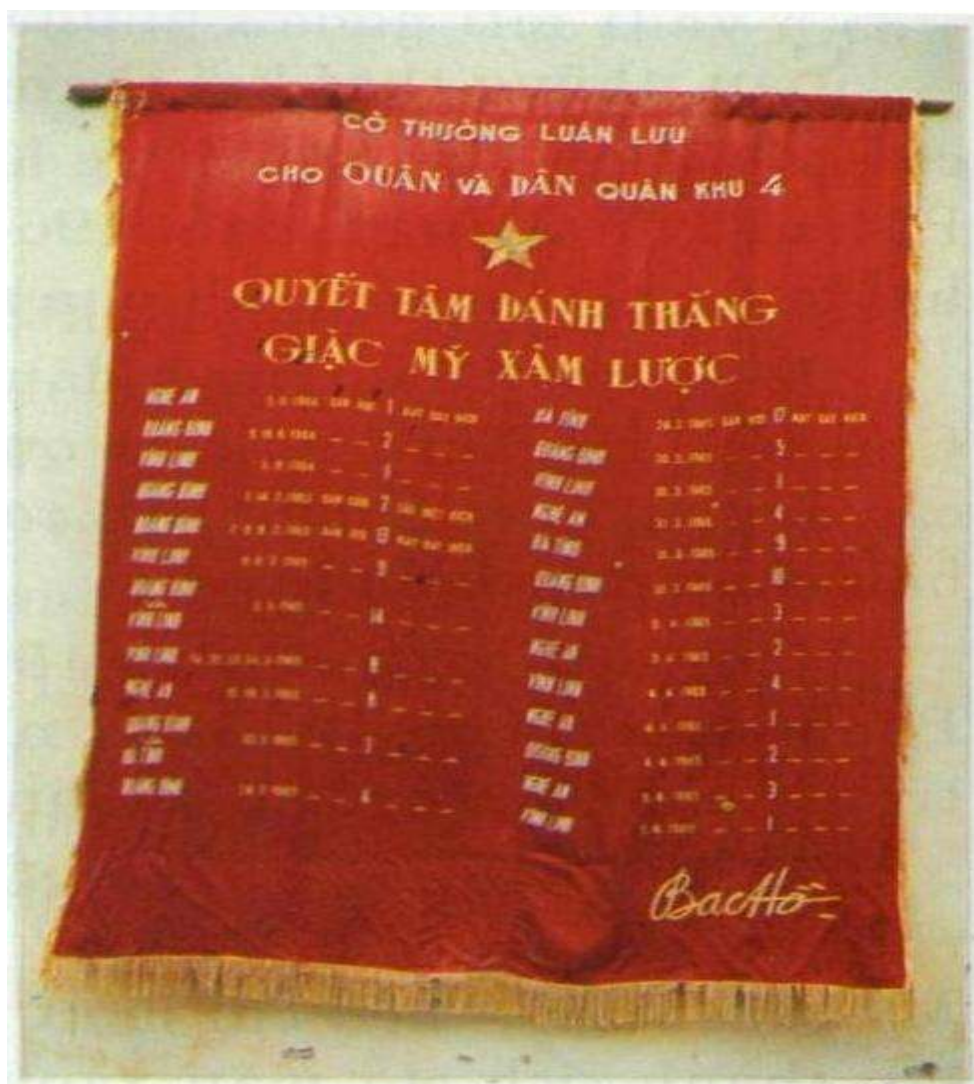
cực hình tàn bạo nhất để tra khảo người nữ chiến sĩ ấy. Không những không bằng bó vết thương mà chúng còn cắt cụt chân chị và không cho ăn uống. Nhưng chúng không tìm thấy ở chị một sự rên rỉ yếu đuối hay một lời cung khai phản bội. Tháng 6 năm 1963 chị Mai Ái đã hy sinh anh dũng.

Cảm kích trước tấm gương kiên cường bất khuất của nữ đảng viên cộng sản Mai Ái, chị em nhà lao Quảng Ngãi đã thêu bức khăn này. Tấm khăn đã được chuyển về Huyện ủy Tư Nghĩa và đến Tỉnh đội Quảng Ngãi.

Trải qua thời gian khá dài, bức thêu vẫn tươi màu, nó là hiện vật quý giá thể hiện tấm lòng son sắt thủy chung của phụ nữ miền Nam đã hy sinh cả thân mình cho sự nghiệp cách mạng, cho hôm nay và mai sau.

ĐOÀN THỊ LỢI

PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA BÁC HỒ



Sau những thất bại thảm hại ở miền Nam, để cứu vãn tình thế, Mỹ dựng lên “Sự kiện vịnh Bắc Bộ”; ngày 5 tháng 8 năm 1964, cho không quân và hành quân ném bom đánh phá miền Bắc.

Để động viên quân và dân miền Bắc chiến đấu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định tặng cờ cho các đơn vị, địa phương bắn rơi máy bay; bắn chìm, bắn cháy tàu chiến Mỹ.

Ngày 20 tháng 3 năm 1965, Bác mời đồng chí Phạm Ngọc Mậu - Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị lên họp và nói rõ quyết định của Người.

Bác chỉ bảo rất cụ thể về màu sắc, kích thước cờ. Bác nói tên cờ là: “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”, thêu chỉ màu vàng, tên địa phương lập thành tích chỉ màu xanh da trời, màu cờ đỏ, dưới cùng về bên phải viết chữ “Bác Hồ”. Bác đã lấy giấy tự tay viết mẫu chữ để thêu vào cờ.

Đồng chí Phạm Ngọc Mậu nhận chỉ thị xong, xin phép Bác về chuẩn bị vải cờ và dự thảo quy định trao cờ để Bác duyệt lần cuối.

Ngày 22 tháng 3 năm 1965, đồng chí Phạm Ngọc Mậu lên báo cáo với Bác. Nghe báo cáo xong, Bác đã cho nhiều ý kiến rất cụ thể. Bác quy định: trung đoàn bắn rơi 100 chiếc, tiểu đoàn bắn rơi 50 chiếc, huyện bắn rơi 10 chiếc, xã bắn rơi 3 chiếc được cờ thưởng. Riêng quy định trao cờ, Tổng cục Chính trị viết thành 6 điểm. Bác chữa lại điểm 1 còn 5 điểm sau Bác gạch bỏ hết, viết lại thành 4 điểm vừa ngắn gọn, vừa súc tích lại dễ hiểu.

Toàn văn quy định trao cờ thưởng như sau:

- 1. Kể từ ngày 5 tháng 8 năm 1964, quân và dân tỉnh và khu nào lập được thành tích bắn rơi máy bay hoặc bắn chìm tàu chiến, tàu biệt kích Mỹ đều được ghi tên và thành tích vào cờ.*
- 2. Cứ mỗi đợt chiến đấu, quân và dân tỉnh hoặc khu nào lập được chiến công thì được nhận cờ.*
- 3. Nếu cùng trong một ngày mà nhiều nơi lập được chiến công thì đều được nhận cờ và thêu tên cùng thành tích vào cờ. Tỉnh hoặc khu nào thành tích nhiều nhất thì được giữ cờ cho đến khi có nơi khác lập được chiến công mới.*
- 4. Quân khu có trách nhiệm xác định thành tích trước khi thêu vào cờ và kịp thời chuyển cờ đến nơi có chiến công mới nhất.*

Từ đó, trên khắp miền Bắc đã dấy lên phong trào thi đua bắn rơi máy bay, bắn chìm tàu chiến Mỹ để được cờ của Bác. Trong hai lần chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nhiều địa phương lập công xuất sắc bắn rơi nhiều máy bay Mỹ. Quảng Bình bắn rơi 704 chiếc, Nghệ An: 553 chiếc, Thanh Hóa: 376 chiếc, Hà Nội: 358 chiếc, Hải Phòng 317 chiếc...

Bản mẫu cờ “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*” do Chủ tịch Hồ Chí Minh vẽ, có số đăng ký: BTQĐ- 1618/L-210 cùng với một lá cờ Bác thưởng cho các địa phương bắn rơi nhiều máy bay Mỹ hiện đang được lưu giữ tại Viện Bảo tàng Quân đội.

ĐẶNG HỒNG THIỀU

TÚI XÁCH CỦA CHỊ TRẦN THỊ TIẾT



Quê hương chị ở An Mỹ, phường An Hải, quận 3 Đà Nẵng. Suốt 20 năm Đà Nẵng sống trong vùng kìm kẹp của Mỹ - nguy, bọn địch đã dày công xây dựng hệ thống bố phòng nghiêm ngặt với hơn 10 vạn quân và tổ chức dày đặc nhúc nhúc cảnh sát, mật vụ... hòng kiểm soát, khống chế, kìm kẹp nhân dân Đà Nẵng. Từng lời nói, cử chỉ của mỗi người đều bị địch theo dõi, đe dọa. Nhưng mặc dù sống trong vùng kiểm soát gắt gao của địch, chị Trần Thị Tiết vẫn một lòng hướng về cách mạng và trực tiếp làm mọi công việc phục vụ cho Tổ quốc.

Gia đình chị vốn là cơ sở cách mạng từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Bước sang thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, chị lại tiếp tục làm giao liên cho Quận ủy Quận 3 Đà Nẵng.

Tại Viện Bảo tàng Quân đội đang trưng bày chiếc túi xách tay màu tím của chị Trần Thị Tiết, số đăng ký: BTQĐ - 5918/N-234. Chiếc túi này chị dùng từ năm 1967, đã đựng 140 lần công văn, tài liệu, truyền đơn từ Quận 3 chuyển đi các nơi trong nội thành, xuống các huyện Điện Tín, Điện Nam, Điện Ngọc, Điện Dương, Thanh Thủy thuộc tỉnh Quảng Nam và từ đó lại nhận về các chỉ thị, nghị quyết, vũ khí... cho Quận ủy Quận 3. Có lần chị đã mưu trí, dũng cảm mang trót lọt khẩu súng K54 cho đội du kích; và với khẩu súng này, đội du kích đã diệt 2 tên ác ôn ngoan cố có nhiều tội ác với đồng bào Quận 3 Đà Nẵng.

Chị Tiết còn đóng vai trò chủ chốt trong các cuộc đấu tranh chính trị sôi sục của nhân dân Đà Nẵng suốt trong thời kỳ Mỹ - nguy chiếm đóng.

Nhà chị Tiết là cơ sở cách mạng. Bản thân chị đã nuôi dưỡng nhiều cán bộ hoạt động bí mật trong nội thành. Chị cũng rất hăng hái góp quỹ nuôi quân và tích cực vận động nhân dân tham gia hoạt động cách mạng.

Khi ta mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng (3-1975) chị đã hăng hái cùng bà con Quận 3 đóng góp hết

sức mình cho bộ đội; hỗ trợ đắc lực cho đòn tiến công như vũ bão của Quân Giải phóng tiến vào giải phóng quê hương.

ĐOÀN THỊ LỢI

CHIẾC GỐI VÀ NỬA VÀNG TRẮNG



Chúng tôi gồm đại diện huyện Mộ Đức, Viện Bảo tàng Quân đội, Bảo tàng Quân khu 5 đến thăm má Nguyễn Thị Bích ở thôn 2, xã Đức Tân, huyện Mộ Đức - Quảng Ngãi. Má Bích chỉ lên bàn thờ đặt năm bức hình - năm khuôn mặt trẻ măng, tươi rói của tuổi học trò. Ai biết rằng, chỉ sau khi chụp những bức ảnh này hơn chục năm, tất cả đều đã hy sinh. Những bức ảnh còn lại đó là chồng má mang ra Bắc tập kết, chứ nhà má bị địch đốt, phá cày ủi nhiều lần, đâu còn thứ gì. Sau ngày chồng má đi tập kết, địch tiến hành các chiến dịch tố Cộng đâm máu, trắng trợn khủng bố trả thù những người kháng chiến cũ và gia đình có người thân đi tập kết. Thôi thì đủ thứ, đủ trò, hết tố cộng ly khai đến bắt bớ đánh đập, dọa dẫm. Tất cả không khuất phục nổi má, chúng đến trường học bắt các con của má ở tù. Sau này, nhờ bà con cô bác đấu tranh, bọn địch phải thả mấy má con. Má tần tảo nuôi các con khôn lớn trưởng thành: năm đứa lớn vào bộ đội và du kích. Chúng đánh trận đâu đâu má không biết, chỉ đêm đêm chúng trở về dưới hầm bí mật, má canh chừng cho chúng ngủ. Từ Tết Mậu Thân 1968, chúng ra đi từng đứa, không bao giờ trở về với má.

Đang kể bất chợt nhớ điều gì, má vào giường lấy ra chiếc gối đã rách và chiếc đồng hồ đeo tay. Đây là vật kỷ niệm của anh Khả để lại. Trước khi hy sinh, anh Khả đã có người yêu - cô du kích làng bên tên là Hạnh. Đôi trai gái hẹn cưới vào mùa trăng, mùa lúa. Trăng chưa kịp tròn, công việc chuẩn bị đám cưới đột ngột bị ngừng khi anh Khả bị bắt năm 1968. Trong nhà lao Quảng Ngãi, anh

Khả đã thêu một đôi gối, thêu bông hoa, đôi bướm tím và tên hai đứa. Anh gửi về cho má, dặn má lo cưới sau khi anh vượt ngục. Đồng đôi đưa anh trở về an toàn, cũng chính lúc đó chị Hạnh lại bị bắt. Đám cưới dở dang, vàng trắng vẫn khuyết. Năm 1971, trong một cuộc họp cấp ủy, hầm của anh Khả bị bom, anh hy sinh, lúc đó anh là huyện ủy viên Huyện ủy Đức Phổ.

Má khóc xót thương anh. Chiếc gối và chiếc đồng hồ kỷ vật còn lại của anh, má giữ nó như báu vật của mình. Thế là năm đứa con của má ra đi mãi mãi. Tuy vậy bọn địch vẫn không để má yên. Cô gái út Huỳnh Thị Cam bị bọn địch bắt đi trước dò mìn mỗi khi bọn chúng đi càn quét xã Đức Tân. Biết không thể sống được ở quê, hai má con dắt nhau ra Mộ Đức sống nhờ cô em chồng.

Chúng tôi thắp hương trên bàn thờ cho các anh, mùi hương trầm lan tỏa khắp nhà, chúng tôi như thấy các anh trở về hiện lên từ mỗi bức ảnh, bước ra, hỏi han lớp người đi sau đã nhớ và biết ơn những người đi trước...

Chiếc gối trở thành hiện vật của Viện Bảo tàng Quân đội, số đăng ký: BTQĐ - 6781/B-1231

TRẦN THANH HẰNG

CHIẾC LOA ĐIỆN ĐƯỢC DÙNG GỌI 14 TÊN ĐỊCH RA HÀNG



Tại Viện Bảo tàng Quân đội có trưng bày một chiếc loa điện động bằng chất liệu nhôm và nhựa, sơn trắng, số 68-7-28. Đây là hiện vật lịch sử gốc, số đăng ký: BTQĐ - 5534/K1-406, ghi dấu chiến công địch vận của một chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam trên chiến trường Lào. Đó là đồng chí Trần Viết Bằng, sinh năm 1950, nhập ngũ tháng 6 năm 1970, quê xã Hải Phương - huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định. Sinh ra trên quê hương giàu truyền thống cách mạng và hiếu học, vào bộ đội Trần Viết Bằng vẫn ham học. Tháng 7 năm 1971, đồng chí được bổ sung về Đại đội 8, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 174 Sư đoàn 316 với cấp bậc binh nhất. Trần Viết Bằng đã cùng đơn vị tham gia chiến dịch giải phóng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng. Trước khi tham gia chiến dịch, đơn vị vận động

anh em học tiếng Lào để làm công tác địch vận kết hợp tác chiến. Trần Viết Bằng đã dựa vào sách hướng dẫn làm địch vận của Cục Địch vận Tổng cục Chính trị biên soạn, chịu khó ngày đêm học tập tiếng Lào, tiếng Thái. Trong đơn vị có nhiều đồng chí người các dân tộc Tây Bắc, Trần Viết Bằng đã gần gũi anh em, học hỏi thêm tiếng dân tộc, đã hỏi và đọc được nhiều thứ tiếng.

Ngày 18 tháng 12 năm 1971, bộ đội ta nổ súng đánh binh đoàn cơ động số 23 (GM23) và GM 21 quân ngụy Lào và quân Thái Lan. Sau khi pháo ta bắn dữ dội vào trận địa địch, xe tăng và bộ binh ta ào lên tiến công, quân địch hoảng loạn bỏ chạy. Trần Viết Bằng đã dùng chiếc loa điện này, nói bằng tiếng Lào, tiếng Thái vận động địch ra hàng. Với những lời lẽ đầy thuyết phục, Trần Viết Bằng đã kiên trì vận động được 14 binh sĩ địch trong đó có 4 lính Thái ra hàng và giao nộp vũ khí. Ngoài ra đồng chí còn cùng Đại đội 8 bắt được 29 tù binh.

Trần Viết Bằng đã được Bộ chỉ huy chiến dịch khen ngợi và nêu gương về tinh thần dũng cảm mưu trí, truy kích địch đến cùng bằng tuyên truyền địch vận, gọi hàng, bắt tù binh đạt kết quả và hiệu suất cao. Tấm gương Trần Viết Bằng đã được phổ biến cho bộ đội tình nguyện toàn mặt trận học tập.

Ngày 7 tháng 2 năm 1972, đồng chí Trần Viết Bằng đã trao tặng Viện Bảo tàng Quân đội chiếc loa đã cùng anh lập chiến công gọi hàng 14 tên địch.

ĐOÀN THỊ LỢI

CHUYỆN VỀ MỘT TẤM ẢNH LỊCH SỬ



Nếu ai có dịp một lần đến thăm Viện Bảo tàng Quân đội sẽ thấy một tấm ảnh lịch sử được đặt trong một vị trí khiêm nhường trên hệ thống trưng bày phần các lực lượng vũ trang nhân dân giai đoạn 1965-1968, với dòng chú thích *“Trung đoàn thiết giáp số 1 nguy hiểm chiến trở về với cách mạng”*. Nhìn những người lính trẻ đứng ngồi lổ nhổ tươi cười hơn hờ trên tháp pháo xe tăng, ít ai biết rằng họ vừa trải qua một trận chiến đấu hết sức táo bạo để mang về cho cách mạng một chiến lợi phẩm có giá trị, góp phần vào chiến công chung của bộ đội Tăng thiết giáp những năm sau này.

Vào năm 1965, thực hiện chủ trương của trên, Binh chủng Tăng thiết giáp tổ chức nghiên cứu chuẩn bị cho việc sử dụng xe tăng tác chiến trên chiến trường miền Nam. Do đặc điểm chiến trường miền Đông Nam Bộ xa hậu phương, đưa xe tăng từ miền Bắc vào vừa gặp khó khăn về kỹ thuật, vừa dễ bị lộ, địch biết sẽ tìm mọi cách ngăn chặn. Để xây dựng và phát triển bộ đội Tăng thiết giáp ở chiến trường miền Đông Nam Bộ, Binh chủng Tăng thiết giáp chủ trương cách tốt nhất là lấy xe tăng địch để xây dựng và phát triển lực lượng ta. Chủ trương này được trên chấp thuận. Thực hiện chủ trương đó, một số cán bộ, chiến sĩ xe tăng ưu tú được chọn vào chiến trường, được huấn luyện thêm kỹ thuật của bộ đội đặc công. Sau khi huấn luyện xong, số cán bộ, chiến sĩ này được đưa vào miền Đông Nam Bộ, hình thành Đoàn đặc công cơ giới B16.

Khi vào tới chiến trường miền Đông, Đoàn B16 đã khẩn trương móc nối với cán bộ ta đang hoạt động trong hàng ngũ địch và nhanh chóng liên lạc được với trung úy Phùng Văn Mười cùng với hai binh sĩ Hòa và Thắng là cán bộ, đảng viên của ta đang hoạt động tại trung đoàn thiết giáp số 1 nguy hiểm ở căn cứ Gò Đậu, tỉnh Bình Dương. Những người này tìm mọi cách lấy được tài liệu huấn luyện về xe tăng M41, xe tăng bọc thép M113 của địch, chuyển cho Đoàn B16.

Sau một thời gian nghiên cứu tài liệu xe tăng, xe bọc thép, cách bố phòng, quy luật hoạt động của địch tại căn cứ Gò Đậu, ngày 23 tháng 3 năm 1966, lời dụ dỗ buổi tối, địch trong căn cứ tổ chức chiếu phim, tên trung đoàn trưởng nguy và một số chỉ huy khác đi dự đám cưới, theo kế hoạch một đại đội do Lê Như Hòa chỉ huy được huấn luyện bài bản đột nhập khu để xe do Hòa và Thắng gác. Khi bộ phận tiềm nhập vào đến hàng rào bãi để xe, một đồng chí chạm phải pháo sáng địch cài ở hàng rào phát sáng. Lính địch báo động. Bị lộ, anh em trong đội ào vào bãi để xe, hai bên tranh giành nhau lên xe. Bộ đội ta hất địch ra khỏi xe và nổ súng tiêu diệt quân địch. Bị đánh bất ngờ, quân địch hoảng sợ bỏ chạy tán loạn, ta thu phá hủy 30 xe M41 và M113 của địch. Chiến sĩ ta chiếm được xe địch, nhưng vì chỉ học trên tài liệu, chưa một lần thao tác xe địch nên không nổ máy xe được. Phùng Văn Mười cùng Hòa và Thắng phải giúp nổ máy. Kết quả là ta lấy được 6 chiếc xe địch và lái chạy ra khỏi căn cứ Gò Đậu; sau đó chia làm hai hướng chạy về căn cứ Long Nguyên. Trời tối, không thạo đường, 3 chiếc bị lạc, đến sáng hôm sau, anh em phải đốt xe, lội bộ về căn cứ. Ba xe còn lại có Phùng Văn Mười, Hòa và Thắng dẫn đường trên đường về căn cứ Long Nguyên gặp tập xe tăng địch của tên trung đoàn trưởng trung đoàn 1 đi dự đám cưới về. Địch nổ súng trước bắn cháy hai xe, chiếc M41 còn lại được anh em đưa về căn cứ. Lực lượng đón xe do Nguyễn Thế Hùng phụ trách, đưa về cất giấu ở căn cứ Dương Minh Châu. Mùa khô năm 1967, địch liên tục càn vào căn cứ hòng chiếm lại xe, lực lượng bảo vệ xe phải liên tục chiến đấu, ta giữ được xe nhưng hai đồng chí Hòa và Thắng hy sinh (Đồng chí Phùng Văn Mười nay đã ngoài 70 tuổi, đang nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh). Mùa khô năm 1968, địch lại càn vào căn cứ để chiếm lại xe. Theo chỉ thị của cấp trên, để bảo đảm an toàn cho xe, lực lượng bảo vệ phải chôn xe vào lòng đất, khi địch rút, bộ đội ta đưa xe lên huấn luyện.

Nhờ lấy được xe địch, bộ đội miền Đông Nam Bộ đã tổ chức huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ tăng thiết giáp sử dụng thành thạo xe tăng địch và đã dùng xe tăng địch đánh địch trong chiến dịch tiến công Xa Mát - Tây Ninh xuân - hè 1972 thắng lợi và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử xuân 1975.

VIỆT HỒNG

CHIẾC ÁO DỆT LỬA, CỨU XE, CỨU HÀNG



Đó là là chiếc áo dệt kim đông xuân, sợi bông, màu xanh tím than đã bạc màu, loang lổ vết dầu và vết cháy nham nhở, nhưng lại là một hiện vật gốc của Viện Bảo tàng Quân đội - vật chứng một chiến công thầm lặng của người lính lái xe Trường Sơn “Gan vàng dạ ngọc”.

Anh tên là Ngô Văn Thế, binh nhất lái xe, tiểu đội phó Tiểu đoàn 7, Trung đội 3, Đại đội 9, Bình trạm 32, Đoàn 559. Rời quê hương xã An Đồng, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình khi vừa tròn 18 tuổi, anh đã không ngừng rèn luyện phấn đấu và được kết nạp vào Đảng ngày 26 tháng 6 năm 1971. Là tiểu đội phó, anh không chỉ đảm bảo cho xe mình tốt mà còn chăm lo đến xe của tiểu đội sao cho luôn luôn “tốt trong, đẹp ngoài”. Xe nào hư hỏng, anh kịp thời sửa chữa ngay. Ngày 8 tháng 1 năm 1972, xe của anh đang trên đường về kho nhận hàng. Khi đến điểm tạm dừng (ba-ri-e) khoảng 600 mét tại kilômét 8 đường 36 bắc ngầm N10, Thế nhìn thấy xe ô tô mang biển số 8403 bị máy bay của Mỹ bắn cháy. “Không thể để chiếc xe Hồng Hà chở 3,9 tấn gạo cháy được”- Thế lập tức nhảy ra khỏi buồng lái, chạy đến chiếc xe đang bén lửa mà không có người lái. Mặc cho bom đạn nổ quanh mình, máy bay Mỹ vẫn đang gầm rú đánh phá ác liệt, Thế dùng bao tải cố gắng dập lửa rồi đánh xe cất giấu vào nơi an toàn, cú thoát xe gạo.

Ngày 18 tháng 2 năm 1972 tại kilômét 93 đường 32A trọng điểm Phù Kiều, nơi máy bay B-52 thường xuyên ném bom hủy diệt; đội hình của đơn vị Thế gồm 11 xe Zin 130 chở đầy đạn và gạo, gần đến trọng điểm thì máy bay địch ập đến đánh phá ác liệt. Một quả bom nổ cách xe Thế chưa

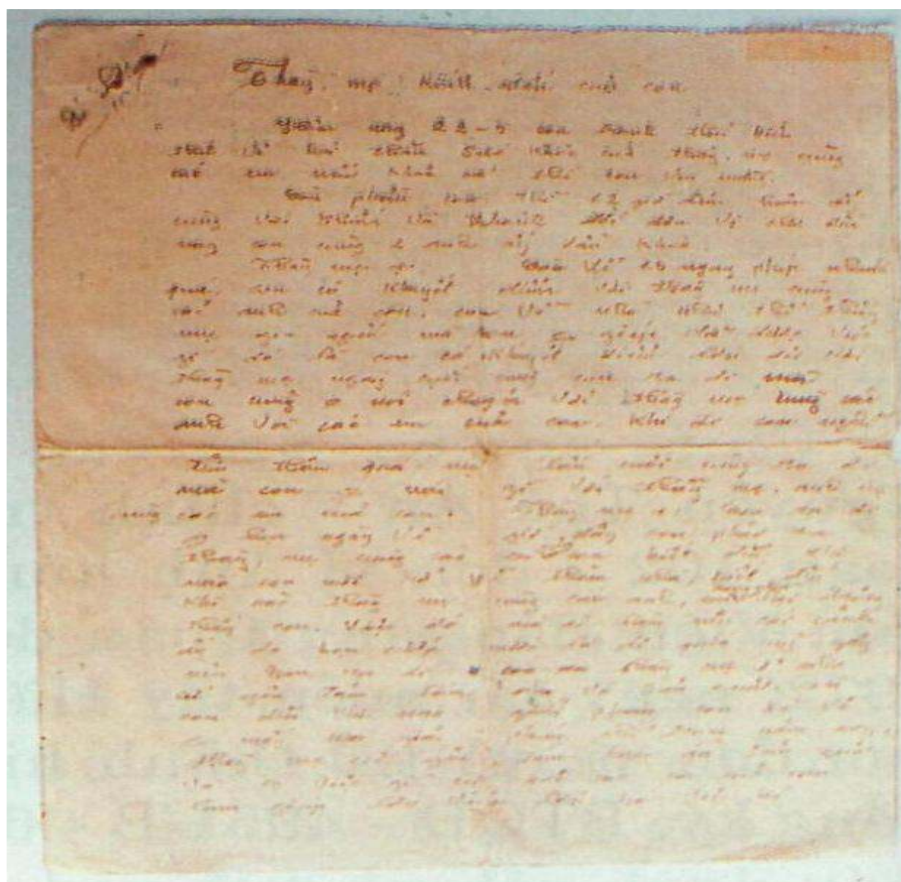
đầy 2 mét, lửa đã bốc lên bén vào một bên thành gỗ rồi lan dần đến số hàng trên xe. Một “mệnh lệnh” hầu như luôn sẵn có trong anh trước mọi tình huống hiểm nghèo: “Phải cứu xe ngay”. Nhanh như sóc, Ngô Văn Thế cởi ngay chiếc áo đông xuân dày dặn đang mặc nhanh chóng dập lửa, quên cả tiết trời đang độ giá lạnh ở vùng rừng núi ban đêm. Đám cháy đã bị dập tắt, 5 tấn gạo được bảo quản an toàn. Thế khẩn trương chặt cây rừng lấy gỗ, sửa chữa tạm thời giá thành xe bên trái bị hỏng để lái xe cho ổn định. Đêm ấy cũng như bao đêm trước, Thế lại trả hàng, ra về đúng kế hoạch, thời gian.

Gương sáng về cứu xe, cứu hàng của Ngô Văn Thế đã được tiểu đoàn, binh trạm nêu gương để đơn vị học tập. Từ đó trong Đoàn 559 càng nổi lên nhiều tấm gương tiêu biểu học tập Ngô Văn Thế giữ gìn bảo quản xe tốt, cứu xe, cứu hàng trong những tình huống hiểm nghèo.

Chiếc áo của Ngô Văn Thế đã được đồng chí Nguyễn Thế An - chính trị viên Đại đội 9, Tiểu đoàn 102 - đơn vị Anh hùng trao cho cán bộ sưu tầm Viện Bảo tàng Quân đội ngày 16 tháng 3 năm 1972, nay tại miền tây Hà Tĩnh - nơi đóng quân của đơn vị, và trở thành hiện vật bảo tàng với số đăng ký: BTQĐ - 4951/B-648.

ĐOÀN THỊ LỢI

BỨC THƯ GỬI MẸ



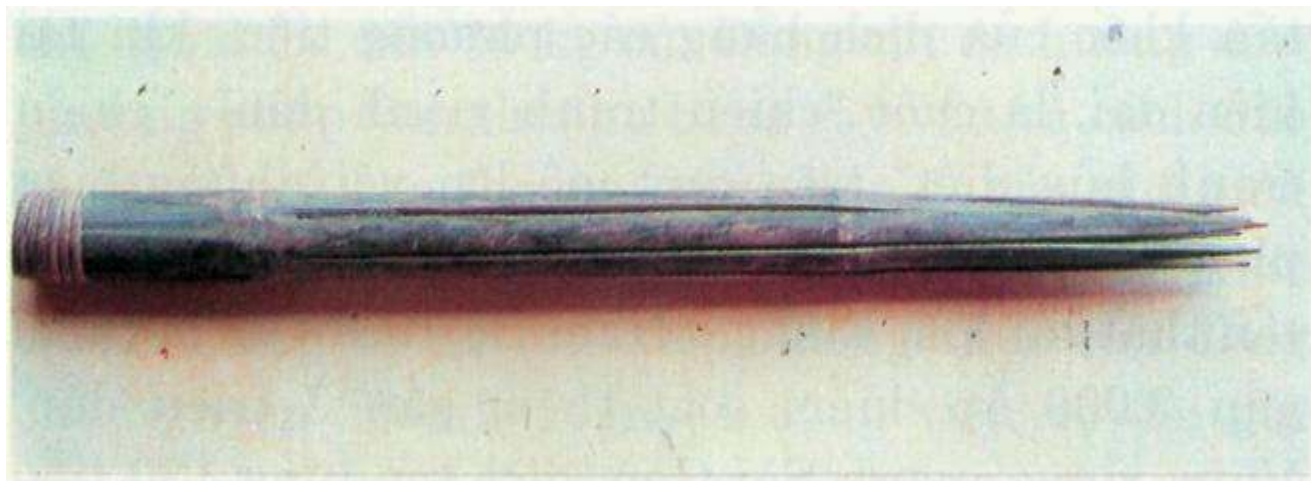
Tại phòng trưng bày đề “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” của Viện Bảo tàng Quân đội có trưng bày bức thư gửi mẹ của liệt sĩ Nguyễn Bá Lợi. Thư có đoạn viết: “Con ra đi, thầy mẹ ở nhà cứ yên tâm làm ăn và sản xuất. Còn con, đến khi nào giải phóng con sẽ về, không mấy mà giải phóng. Thầy mẹ cứ yên tâm làm ăn sản xuất và có việc gì cứ bảo các em của con làm giúp, lớn việc lớn, bé việc bé, thầy mẹ không nên cố, nhớ ra yếu mệt thì khó khăn lắm đấy, vì thời chiến thuốc men chẳng khó. Thầy mẹ không lo nghĩ gì đến con, thống nhất con sẽ về. Hôm nay 22-5, đến quốc Mỹ lại cho máy bay ném bom tỉnh ta, nhà ta có sao không?...”.

Lá thư đã đọc hết từ lâu, mẹ Bé vẫn ngồi lặng yên, trầm ngâm suy nghĩ. Bức thư này mẹ đã thuộc lòng, nhưng mỗi khi có dịp, mẹ lại lấy ra nhờ con cháu đọc lại. Bức thư được viết cách đây gần 30 năm, mẹ giữ gìn rất cẩn thận, nhưng nét chữ vẫn phai mờ dần. Trong bức thư dài 4 trang giấy học trò khổ 18cm x 24cm, anh Nguyễn Bá Lợi đã gửi gắm tấm lòng thương nhớ, lo lắng tới thầy mẹ. Anh rất ân hận không giúp gì được gia đình trong thời gian nghỉ phép trước khi đi xa. Anh nhắc đi nhắc lại “Thầy mẹ cứ yên tâm” và hẹn “cho đến khi thống nhất sẽ về trông nom thầy mẹ”. Nhưng anh không bao giờ trở về nữa. Năm 1968, anh đã vĩnh viễn nằm lại ở một chiến trường xa, khi mới tròn 20 tuổi.

Mẹ anh - mẹ Lê Thị Bé, năm nay 83 tuổi, hiện sống một mình trong ngôi nhà tranh đơn sơ ở xã Cao Ngạn, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên. Chính quyền địa phương và các con cháu rất quan tâm chăm sóc mẹ, nhưng mẹ vẫn ở riêng vì không muốn làm phiền người khác. Cả đời mẹ đã tần tảo nuôi con, đóng góp sức người, sức của vào hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Mẹ đã hiến dâng cho Tổ quốc ba người con. Người thứ nhất là anh Đặng Đức Hoàn: tuy không mang nặng đẻ đau, nhưng em đã nuôi nấng, dạy dỗ từ nhỏ. Năm 1947, chưa đầy 18 tuổi, anh tình nguyện nhập ngũ (ở Đại đội 15, Tiểu đoàn 174, Liên khu I) và đã anh dũng hy sinh năm 1949 khi anh vừa tròn 20 tuổi. Con trai thứ hai của mẹ là anh Nguyễn Đức Thiện, sinh năm 1937, hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, để lại cho mẹ người vợ trẻ và ba đứa con thơ. Mẹ Bé xót con, thương cháu, nhưng vẫn thông cảm động viên con dâu đi bước nữa. Chị Thiện rất cảm kích trước tấm lòng vị tha mẹ dành cho mình, xin ở vậy để nuôi con khôn lớn. Gia đình mẹ Bé trong kháng chiến cho đến nay, luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hiện trong gia đình còn giữ nhiều biên lai đóng góp quỹ công lương từ năm 1946 đến năm 1950 ghi tên mẹ Lê Thị Bé. Những tờ giấy đó mỏng tang, ố vàng, vẫn giữ nguyên màu dấu đỏ của Ủy ban Hành chính kháng chiến xã, như tấm lòng son của mẹ, mãi mãi không bao giờ phai màu.

NGUYỄN LÂM HÀ

THUỞNG ĐÀO CỬ CHỤP



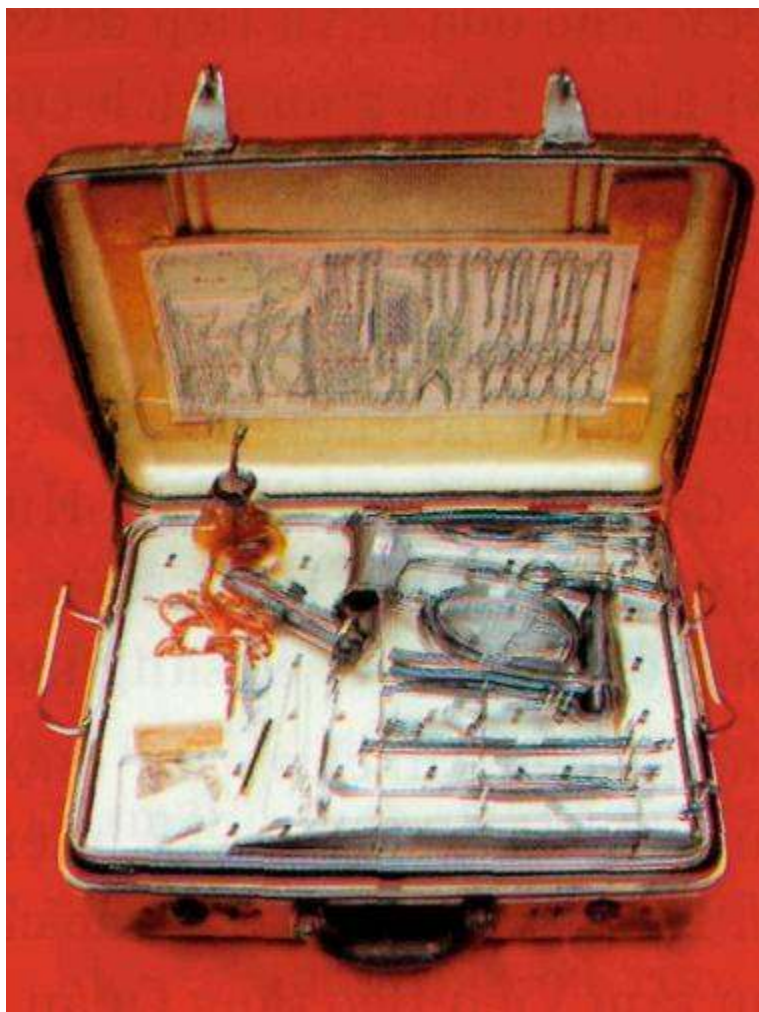
Phản trưng bày lực lượng vũ trang nhân dân từ năm 1969 đến năm 1972 tại Viện Bảo tàng Quân đội có một hiện vật rất lạ, số đăng ký; BTQĐ 5548/T-150, đó là một đoạn cây vầu vạt nhọn, có 6 răng, tay cầm có một cuộn dây mây, dài 63 cm, đường kính 4,5 cm. Đây là chiếc thuổng đào củ chụp để ăn thay cơm trong những ngày thiếu lương thực. Chủ nhân của chiếc thuổng là đồng chí Nguyễn Thanh Toàn - Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 800, bộ đội Quân khu 7.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 của ta, trong 2 năm (giữa 1968 đến 1970), Mỹ - ngụy tiến hành liên tiếp các kế hoạch “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt”, “bình định bổ sung”, kế hoạch “Phượng hoàng”, kết hợp với hàng vạn cuộc hành quân càn quét, đóng hàng ngàn đồn bốt, chiếm lại hầu hết vùng nông thôn mà ta đã giải phóng trong năm 1968, kiểm soát thêm nhiều vùng. Đây là cuộc phản công quyết liệt, hủy diệt tàn khốc của địch bằng các phương tiện, khí tài hiện đại; là cuộc “chiến tranh giành dân”, “chiến tranh hủy diệt” trên quy mô lớn với những biện pháp cực kỳ dã man, gây cho ta những khó khăn, tổn thất rất lớn. Riêng ở Nam Bộ, địch chiếm thêm gần 3.000 ấp, kiểm soát thêm gần 3 triệu dân. Vùng xung quanh Sài Gòn, địch sử dụng 130 tiểu đoàn quân Mỹ - ngụy, tổ chức 3 tuyến phòng thủ, liên tục mở các cuộc hành quân càn quét, chà đi xát lại từng khu vực. Trung bình mỗi tháng, địch mở 337 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn ở miền Đông Nam Bộ. Vào những năm này, tại Quân khu 7 - miền Đông Nam Bộ địch chặn hết các ngã đường tiếp tế của ta, bộ đội ta thiếu lương thực trầm trọng. Các chiến sĩ phải đào củ rừng, hái lá rừng ăn thay cơm để đánh giặc. Trong các thứ củ thì củ chụp là loại củ có nhiều bột và có thể dùng thay lương thực tốt nhất. Để chống đói, ở Tiểu đoàn 800, tất cả mọi người đều phải đi đào củ chụp ăn thay cơm. Đồng chí Nguyễn Thanh Toàn - Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 800 là người năng nổ sáng tạo. Chỉ riêng việc đào củ chụp thế nào để cho năng suất cao, đồng chí cũng mày mò nghiên cứu và cuối cùng đã tìm ra cách đào bằng cây vầu vạt nhọn có nhiều răng để moi đất, vừa đỡ công lao động, vừa lòi lên được nhiều củ. Bằng công cụ lao động giản đơn nhưng đạt hiệu suất cao này, mỗi ngày đồng chí đào được đến 50 kg củ. Đồng chí đã hướng dẫn phương pháp làm thuổng bằng cây vầu và cách đào có năng suất cao cho các đơn vị và tiếp đó còn phổ biến cho các đơn vị khác. Tấm gương tích cực vượt khó, tự tạo dụng cụ để tìm kiếm lương thực của đồng chí Nguyễn Thanh Toàn đã động viên bộ đội giữ vững tinh thần chiến đấu trong những ngày cực kỳ khó khăn và gian khổ, ác liệt. Đồng chí Nguyễn Thanh Toàn đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng ba, nhiều bằng khen, giấy khen về các mặt công tác, trong đó có sáng kiến này.

Chiếc thưởng đào củ chụp đã được đồng chí Nguyễn Thanh Toàn giữ làm kỷ niệm. Ngày 5 tháng 12 năm 1973 đồng chí Toàn trao chiếc thưởng cho cán bộ sưu tầm Viện Bảo tàng Quân đội.

ĐOÀN THỊ LỢI

BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT DÃ CHIẾN CỦA QUÂN TÌNH NGUYỆN VIỆT NAM Ở LÀO



Bộ đồ phẫu thuật dã chiến bằng thép mạ, có hộp đựng bằng nhôm, trong hộp có 113 kim tiêm lớn, 3 gói kim khâu công, 5 ống cao su nhỏ. Hộp nặng 20 kg, kích thước 45cm x 30cm x 15 cm. Bộ đồ phẫu thuật 86 do bác sĩ quân y Nguyễn Bách làm đột trưởng. Đội thành lập ngày 15 tháng 12 năm 1971, phục vụ ở chiến trường Lào đến tháng 5 năm 1973. Đội gồm 12 người: 1 bác sĩ, 3 y sĩ, 4 y tá, 1 dược tá, 1 kỹ thuật viên, 1 quản lý, 1 nuôi quân. Chỉ sau 2 ngày thành lập, ngày 17 tháng 12 năm 1971, từ Quân khu Tây Bắc, Đội đã lên đường phục vụ chiến đấu với đầy đủ quân số và trang bị, mỗi người mang từ 35 đến 40 kg. Sau 19 ngày hành quân, vừa đến nơi qui định, Đội đã triển khai tiếp nhận thương binh ngay. Chỉ với lực lượng hết sức ít ỏi, Đội đã phải cố gắng đến mức cao

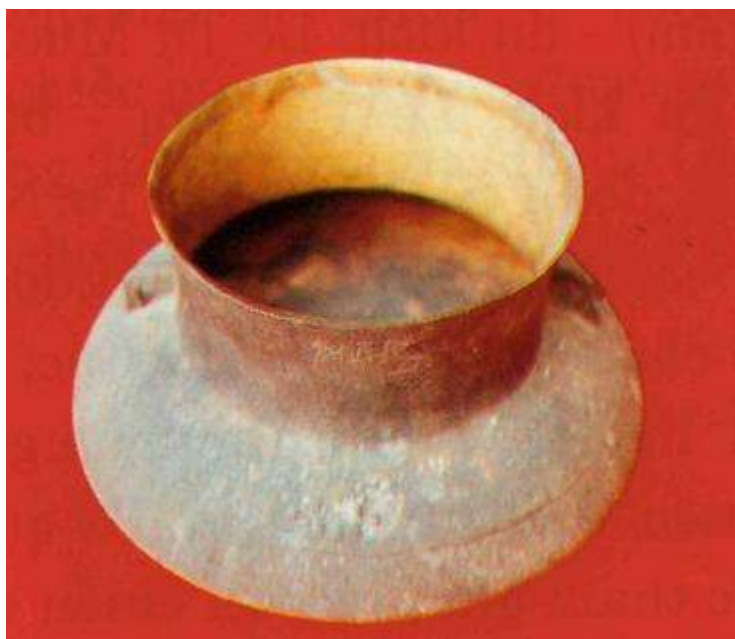
nhất để phục vụ 60-80 thương binh mỗi ngày, có ngày lên tới 115 thương binh. Với tinh thần “Lương y như từ mẫu”, anh em đã mang hết tình thương yêu và ý thức trách nhiệm, vận dụng hết khả năng của mình để cấp cứu kịp thời thương binh, bệnh binh. Có nhiều ca hiểm nghèo đã được Đội cấp cứu thành công, gồm 5 ca sọ não, 12 ca bụng, 14 ca chi, đặc biệt có ca bị thương vào gan... Qua 18 tháng phục vụ ở chiến trường Lào, Đội đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng hai; 3 đồng chí được bình bầu là Chiến sĩ Thi đua, 9 đồng chí được Quân khu Tây Bắc cấp bằng khen.

Tấm gương của cả Đội hết lòng vì đồng đội, sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình khi cần tiếp máu cho thương binh, chăm sóc thương binh như người ruột thịt, không nề hà bất cứ việc gì để phục vụ thương binh mau chóng phục hồi sức khỏe còn mãi mãi in sâu trong tâm tưởng của những người đã điều trị ở Đội phẫu thuật 86. Toàn Đội đã góp phần không nhỏ vào chiến công của quân tình nguyện Việt Nam tại chiến trường Lào.

Bộ dụng cụ phẫu thuật dã chiến đã được sưu tầm và lưu giữ ở Viện Bảo tàng Quân đội, có số đăng ký: BTQĐ - 5546/ĐB - 966 là một minh chứng sinh động cho tình hữu nghị đặc biệt của quân đội và nhân dân hai nước Việt - Lào.

PHẠM VIỆT ANH

“NỒI CƠM THẠCH SANH” CỦA MÁ THỨ



Người Việt Nam không mấy ai không biết đến cái nồi nhỏ không bao giờ hết cơm trong câu chuyện cổ tích Thạch Sanh.

Tôi liên tưởng đến hình tượng ấy, khi gia đình má Nguyễn Thị Thứ mở rương (hòm lớn) trao tặng Viện Bảo tàng Quân đội một chiếc nồi đồng. Má Thứ năm nay đã ngoài 90 tuổi, ở thôn Thanh

Quýt, xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Chiếc nồi đồng nhỏ nấu được 5 người ăn, má Thứ sắm khi vợ chồng má mới ra ở riêng. Đến nay, nó hơn tuổi người con gái lớn của má - chị Lê Thị Tri 72 tuổi. Được nuôi lớn bằng chính nồi cơm này, những người con má Thứ đã trở thành những chiến sĩ kiên cường, dũng cảm trong sự nghiệp giải phóng Tổ quốc. Chín người đã hy sinh: Lê Tự Thịnh - bộ đội tỉnh, Lê Tự Hàn (anh) - dân quân, Lê Tự Hàn (em) - du kích, Lê Tự Mười - bộ đội, Lê Tự Trinh - du kích, Lê Tự Lem - bộ đội, Lê Tự Chuyển - biệt động Sài Gòn, Lê Tự Nư - du kích, Lê Tự Xiển - liên lạc xã. Kể cả người con rể Ngô Tường và cô cháu ngoại Ngô Thị Cúc, gia đình má có tất cả 11 liệt sĩ. Trong những ngày con cháu tham gia chiến đấu hy sinh vì Tổ quốc, má Thứ cũng tích cực tham gia phục vụ chiến đấu. Nhà má có 4 hầm che giấu cán bộ, du kích trong vườn, 1 hầm ở ngay trong nhà để nuôi thương binh. Biết gia đình má Thứ có nhiều con hoạt động cách mạng, địch dòm ngó, rình rập thường xuyên. Chúng lùng sục, khủng bố gắt gao, hòng ngăn chặn nhân dân tiếp tế cho bộ đội, du kích. Điện Bàn là một trong những nơi địch tàn sát đẫm máu nhất trong thời Mỹ chiếm đóng miền Nam. Nếu để chúng nghi ngờ, không những không có cơm cho anh em, mà còn bị bắt bớ, đánh đập, thậm chí bị giết chóc. Má Thứ đã khôn khéo che mắt địch bằng cách nấu cơm bằng nồi bé, làm nhiều lần, nấu xong bí mật đưa ra vườn cho anh em. Hầm bí mật được đục bằng gốc tre, nguy trang kín đáo, địch không thể phát hiện được. Cứ như vậy má nuôi giấu bao nhiêu cán bộ, du kích và thương binh an toàn ngay trong lòng địch.

Ngay cả khi những khi quá đau đớn vì mất con, mất cháu, má Thứ vẫn không rời bỏ thứ “vũ khí đánh giặc” đặc biệt của mình. Sau ngày quê hương giải phóng, chiếc nồi đồng nhỏ được cất kỹ như một kỷ vật thiêng liêng của gia đình. Giờ đây nó trở thành một hiện vật quý trong Viện Bảo tàng Quân đội.

NGUYỄN LÂM HÀ

CÂY SÚNG M16 VỚI CON TRAI CỦA BÀ MÁ ĐẠI LỘC



Cây súng tiểu liên cực nhanh M16, do bộ đội huyện Đại Lộc - Quảng Nam thu được của Mỹ - ngày năm 1968, được chuyển giao qua nhiều người, cuối cùng là đội trưởng đội trinh sát huyện Đại Lộc - Đỗ Văn Quả. Anh đã dùng cây súng này tham gia chiến đấu nhiều trận xuất sắc như trận đánh đồn Gia Thủy, trận giết tên đại úy ác ôn, chỉ trưởng huyện Đại Lộc. Từ khi nhập ngũ năm 1969 đến khi kết thúc chiến tranh, anh đã diệt 27 tên xâm lược và hàng trăm tên ngụy ác ôn có nợ máu với nhân dân. Mỗi lần khi đánh trận trở về, đồng đội của anh thường ôm hôn cây súng và gọi nó với cái tên hết sức tự hào “Cây súng tuyệt vời”.

Năm 1976, Đỗ Văn Quả được Quốc hội tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang.

Chiến tranh đã lùi xa, khi không còn mặc áo lính, trở thành Phó chủ tịch huyện Đại Lộc, anh Quả vẫn giữ cây súng M16 bên mình như một kỷ vật thiêng liêng của người lính. Nhà anh ở đội 14, thôn Ô Gia, xã Đại Cường, huyện Đại Lộc. Trong kháng chiến chống Mỹ, má anh ở lại bám trụ nuôi giấu, tiếp tế cho cán bộ, bộ đội, du kích, trong đó có những đứa con của má. Bon đạn, sự chà xát, dồn ép của giặc không khuất phục được má. Bởi vì mảnh đất quê hương đã thấm máu, mồ hôi, nước mắt của bao người, trong đó 4 người con của má ra đi từ đó không về. Chỉ có 5 năm mà mâm cơm vắng bóng 4 đứa. Nỗi đau thương mất mát đọng trên khuôn mặt nhăn nheo, thấm đẫm nước mắt của má, mỗi lần nhớ lại nơi chôn rau của từng đứa, khuôn mặt, giọng nói, nụ cười của từng đứa, vậy mà chúng đã đi xa; hơn hai mươi năm, thân thể chúng đã hòa quyện vào với đất Đại Lộc - mảnh đất vốn nổi tiếng kiên cường thời đánh Mỹ; có đứa tìm được xác, có đứa không... Nhưng chúng nó vẫn ở bên má. Tên chúng nó được nhắc đến từng ngày trên tấm bằng Tổ quốc ghi công.

Đỗ Văn Ánh - Phó bí thư xã, chủ tịch nông hội bị phục kích trên đường đi công tác, hy sinh năm 1969.

Đỗ Văn Toàn - Trưởng ban binh vận, bị bom Mỹ giết hại khi anh đang chủ trì cuộc họp chuẩn bị đấu tranh chính trị và chống địch càn quét, hy sinh năm 1968.

Đỗ Văn Tri - trinh sát bộ đội địa phương Đại Lộc, hy sinh năm 1970.

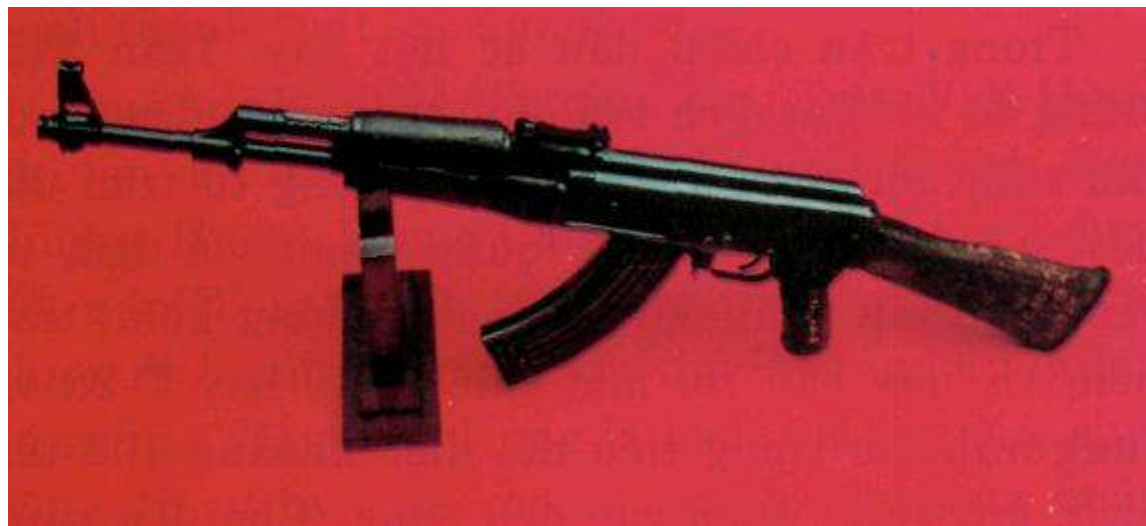
Đỗ Thị Hoa - Xã đội phó du kích, hy sinh tháng 3 năm 1972, khi đánh địch phản kích ở Đại An.

Hôm kỷ niệm 20 năm chiến thắng Thượng Đức ngày 7 tháng 8 năm 1994, dự lễ khánh thành tượng đài Thượng Đức, chúng tôi đã gặp anh Quả. Anh chỉ cho chúng tôi nhà tù, hầm ngầm - nơi bao đồng chí, trong đó có cả má anh bị cầm tù ở đây suốt ba năm ròng. Bây giờ kẻ sát bên là cả một cơ ngơi khang trang của Ủy ban Nhân dân huyện Đại Lộc.

Khi chúng tôi ngỏ ý xin cây súng về trưng bày tại Viện Bảo tàng Quân đội, anh Quả không muốn xa nó, luyến tiếc. Nhưng rồi anh quyết định trao cho chúng tôi. Anh nói: Cây súng và những chiến công - phần thưởng vinh quang thuộc về Má. Cây súng M16 của anh Quả trở thành hiện vật của Viện Bảo tàng Quân đội.

TRẦN THANH HẰNG

KHẨU TIÊU LIÊN AK CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ QUÂN TÌNH NGUYỆN



Ở viện Bảo tàng Quân đội hiện lưu giữ khẩu súng tiêu liên AK mang số đăng ký: BTQĐ - 5478/K3-1376. Tuy không còn lưỡi lê, báng gỗ đã mủn, nhưng súng còn sử dụng được. Đó là khẩu súng do đồng chí Trần Việt Hùng tặng Viện Bảo tàng Quân đội, sau khi nó đã cùng tiểu đội cảm tử quân tình nguyện Việt Nam kiên cường chiến đấu với tinh thần “Còn một người cũng tiến công địch”, giữ vững điểm cao Phu Sản trên đất bạn Lào.

Trần Việt Hùng quê ở Đại Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh. Anh nhập ngũ tháng 4 năm 1970, khi sang giúp bạn, Hùng là hạ sĩ, tiểu đội trưởng Tiểu đội 1, Trung đội 2, Đại đội 6, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 174, Sư đoàn 316. Anh kể: Khi được sang làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn, ngày 15 tháng 9 năm 1971, Hùng cùng đồng đội trong tiểu đội là Nghênh, Cầu, Công, Lê, Vang... được giao nhiệm vụ chốt giữ điểm cao Phu Sản. Đây là điểm cao gồm bốn mỏm đồi nối liền nhau không chế phía bắc Cánh Đồng Chum, tiếp giáp Phụng Theng Leng, nên điểm cao không chế cả vùng ngã ba Lạt Phuộc, bộ Tư lệnh mặt trận đánh giá nếu ta để mất Phu Sản thì địch có thể làm chủ từ ngã ba Lạt Phuộc về Cánh Đồng Chum dài 15 kilômét. Đây cũng là ngã ba đường quan trọng, một trục vào đường số 7, một trục vào đường Mường Sủi và một trục về đường số 4. Nếu ta giữ được Phu Sản sẽ uy hiếp mạnh địch ở Cánh Đồng Chum và làm bàn đạp tiến công tạo điều kiện tập trung lực lượng hiệp đồng binh chủng đánh địch trên một diện rộng nhằm tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch. Khu vực điểm cao này vừa có ý nghĩa về chiến thuật và cả tầm chiến lược của Mặt trận nên địch tập trung tung liền 2 tiểu đoàn của binh đoàn cơ động GM 23 hòng bất ngờ chiếm giữ điểm cao này. Nhưng chúng đã bị lực lượng ta tuy ít đánh bật trở lại. Ngày 20 tháng 9 năm 1971, địch huy động 36 lần chiếc máy bay ném bom cùng pháo binh gọi bom đạn xuống điểm cao từ tờ mờ sáng đến 15 giờ cùng ngày, rồi cho bộ binh xông lên, tiến công đợt hai nhưng bị ta diệt 60 tên. Đòn tiến công hiệp đồng binh chủng của địch bị quân ta bẻ gãy.

Trong đợt chiến đấu ác liệt này, Trần Việt Hùng đã bị bom địch vùi lấp. Anh vùng dậy bò đi tìm súng rồi cùng đồng đội vận động từ trận địa này sang trận địa khác, quân nhau với địch từ sáng đến tối. Trần Việt Hùng đã dùng khẩu tiêu liên AK này bắn rơi một chiếc máy bay T-28 và cùng anh em trong tiểu đội diệt khoảng 100 tên địch, giữ vững điểm cao đến cùng. Cho đến sáng hôm sau, khi

vừa dứt tiếng máy bay bắn phá thì các trung đội bạn đến chi viện đánh bật bọn địch ở quanh chân núi, lên chi viện cho tiểu đội giữ chốt thì cũng là lúc các đồng đội trong tiểu đội của Hùng đều đã hy sinh sau khi chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Chỉ còn một mình Hùng bị thương nặng do sức ép của bom địch đang thoi thóp thở, được đồng đội kịp thời cứu sống...

Bằng hành động chiến đấu dũng cảm, lập công xuất sắc, còn một người một súng cũng tiến công địch, giữ vững trận địa đến cùng, tiểu đội cảm tử của Trần Việt Hùng đã góp phần vào chiến công chung giải phóng Cảnh Đồng Chum. Riêng Trần Việt Hùng được Bộ Tư lệnh Mặt trận khen: “Giữ chốt kiên cường, không sợ hy sinh gian khổ, còn một mình cũng tiến công. Đánh địch trên không, đánh địch dưới mặt đất, mưu trí, linh hoạt, chiến đấu liên tục suốt ngày, cơm không được ăn, nước không được uống... nhưng vẫn không rời vị trí. Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ...”.

Quá trình chiến đấu giúp bạn, Trần Việt Hùng hai lần đạt danh hiệu Dũng sĩ Quyết thắng, được thưởng Huân chương Chiến công hạng hai và kết nạp Đảng tháng 10 năm 1971, ngay sau khi chiến dịch giúp bạn vừa kết thúc thắng lợi... Khẩu súng của Trần Việt Hùng là hiện vật quý giá, sinh động về sự hy sinh cao cả, quên mình của quân tình nguyện Việt Nam vì sự nghiệp giải phóng đất nước Lào anh em.

ĐOÀN THỊ LỢI

CHIẾC KÉO VÀ NHỮNG LÁ CỜ CỦA HIỆU MAY MINH SƠN



Hôm ấy, trong cuộc gặp mặt giữa một số người là cơ sở cách mạng ở Sài Gòn được tổ chức ít lâu sau ngày thành phố giải phóng, mọi người đang lục tục đến: một chàng trai trẻ ăn mặc bảnh bao vội đi tìm gặp người chủ trì cuộc họp, kéo anh sang phòng bên. Người thanh niên nói qua hơi thở: Báo

cáo đồng chí, trong cuộc họp tôi thấy một đại úy cảnh sát ngục cũ. Chính anh Năm Tòng đã cho tôi biết hẳn là cảnh sát chim đội lột chủ hiệu may Minh Sơn ở quận Bình Thạnh”.

Qua khe cửa, anh thanh niên chỉ một người trạc tuổi ngoài bốn mươi và nói: Đây, hẳn ta đây! Nghe vậy, đồng chí chủ trì cuộc họp chỉ gật đầu rồi bước ra phòng ngoài, thông thả đi về phía chủ hiệu Minh Sơn. Chủ hiệu Minh Sơn liếc nhanh về phía anh thanh niên thăm thì: “Bảo cáo, cái anh trẻ tuổi mặc quần áo sáng kia là ai vậy? Trước đây anh ta là một tay ăn chơi sang trọng...”.

Đồng chí chủ trì dẫn chủ hiệu may Minh Sơn đến chỗ anh thanh niên vừa cười vừa cầm bàn tay hai người đặt vào nhau: “Xin giới thiệu để khỏi thắc mắc. Đây là Trần Khiêm - một chiến sĩ biệt động Sài Gòn. Và đây ông chủ hiệu may Minh Sơn - nơi liên lạc và cung cấp hậu cần cho đội biệt động”. Không ai bảo ai, cả ba cùng cười ồ lên vui sướng.

Tên thật của Minh Sơn là Nguyễn Trọng Tùng, sinh năm 1928. Từ năm 1961, đồng chí được giao mở hiệu may. Trong cửa hiệu có hai loại máy khâu: máy dưới nhà để làm ăn bình thường che mắt địch; máy trên gác may quần áo cho các chiến sĩ biệt động cải trang, may cờ để những ngày lễ quân ta bí mật treo ở những nơi quan trọng. Riêng việc may cờ gặp nhiều khó khăn, vì ở Sài Gòn vải đỏ rất hiếm, địch cấm ngặt và kiểm soát gắt gao. Cuối tháng 4 năm 1975, phối hợp với cánh quân ta từ ngoài đánh vào, lực lượng đặc công, biệt động Sài Gòn đã đánh chiếm một số mục tiêu ở nội thành và ven đô. Riêng hiệu may Minh Sơn đã may hơn 70 lá cờ to, nhỏ, cờ đỏ sao vàng, cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, và giao cho các chiến sĩ đặc công, biệt động cầm trên trụ sở cơ quan chính quyền, doanh trại quân ngục Sài Gòn trong ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi 5 cánh quân lớn của ta tiến vào giải phóng Thành phố Sài Gòn. Chiếc kéo và những lá cờ may đỏ trong ngày 30 tháng 4 năm 1975 của hiệu may Minh Sơn đã trở thành hiện vật của Viện Bảo tàng Quân đội, đang được trưng bày tại phòng Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

NGUYỄN LÂM HÀ

KHẨU SÚNG B40 CỦA DŨNG SĨ QUYẾT THẮNG VI VĂN PHANH



Vi Văn Phanh là chiến sĩ Tiểu đội 2, Trung đội 1, Tiểu đoàn 4, trung đoàn 82, Quân khu Tây Bắc.

Phanh sinh tháng 5 năm 1954, nhập ngũ tháng 5 năm 1971, quê là bản Cò Môn, xã Cò Nòi huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, là người con của dân tộc Thái, 17 tuổi đã xung phong vào bộ đội.

Dù mới nhập ngũ, Vi Văn Thanh đã được cấp trên trang bị cho khẩu súng B40. Phanh đã được cấp trên trang bị cho khẩu súng B40. Phanh say sưa luyện tập kỹ thuật, chiến thuật, mong lập chiến công. Đồng chí đã tham gia đánh 17 trận, diệt 42 tên địch, bắn chìm 1 giang thuyền, bắn bị thương 1 chiếc khác, phá hủy 1 khẩu ĐKZ 57mm, 1 khẩu 12,7mm, 2 đại liên, 2 trung liên, 5 khẩu AR15, 1 đài phát tín hiệu. Đặc biệt khi làm nhiệm vụ chốt giữ Sen Hai (Lào) trong đợt chiến đấu 35 ngày hỗ trợ cho đấu tranh ngoại giao, Phanh đã dùng 2 quả đạn bắn chìm một giang thuyền, bắn bị thương một chiếc khác, góp phần cùng đơn vị bẻ gãy cuộc tiến công của 6 tiểu đội dù và 1 giang thuyền của địch, giữ vững vùng giải phóng của cách mạng Lào.

Trong cuộc chiến đấu này, Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 82 đã giải phóng được khu vực Phu Xăm Poi, Phu Luộc, Phu Thỉnh, Hát Kho. Riêng trận Hát Kho, Đại đội 3 Tiểu đoàn 4 đã diệt gọn một đại đội địch; sau đó phối hợp với các đơn vị đánh địch nòng ra ở một số điểm cao Phu Pha Noóc Phu Mai, 799, ngã ba Bắc U... Tiếp theo đợt 35 ngày đêm, Tiểu đoàn 4 liên tục chiến đấu với 42 trận, 9 lần đánh địch bật ra khỏi các điểm cao Phu Sang, Phu Xăm Thông, đánh lui nhiều đợt tiến công của 6 tiểu đoàn địch, trong đó đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn (BV17, BST24, BST25).

Trong các trận trên, Tiểu đoàn 4 đã loại khỏi vòng chiến đấu 469 địch, thu 198 súng các loại, bắn cháy 1 máy bay, bắn chìm và bị thương 2 giang thuyền, bắn bị thương 1 chiếc khác.

Tiểu đoàn 4 được tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đồng chí Vi Văn Phanh được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng ba và được phong tặng danh hiệu Dũng sĩ Quyết thắng.

Khẩu súng B40 này đã gắn bó với Vi Văn Phanh suốt một đời người bạn thân thiết. Trải qua nhiều trận thử lửa, phần gờ chỗ tay cầm của súng đã chuyển thành màu nghệ đỏ. Đồng chí đã tặng khẩu súng này cho Viện Bảo tàng Quân đội ngày 25 tháng 6 năm 1973. Khẩu súng mang số đăng ký: BTQĐ - 5491/K3 1398.

ĐOÀN THỊ LỢI

KHẨU TIÊU LIÊN AK-47 CỦA ANH HÙNG TRẦN HỮU BÀO



Anh hùng Trần Hữu Bào sinh năm 1950 tại xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh là chiến sĩ Đại đội 5, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 66, Sư đoàn 304.

Năm 1967, với các bạn cùng trang lứa, Trần Hữu Bào hăm hở vào mặt trận mang theo biết bao tình cảm thân thương của quê hương với gia đình. Sinh ra và lớn lên trên quê hương cách mạng, ấp ủ trong lòng nhiều mơ ước lớn lao, muốn được sống, được cống hiến hết sức mình cho nhiệm vụ xây dựng Tổ quốc. Nhưng *“Nước còn giặc còn đi đánh giặc, chiến trường giục giã hành quân”*. Trước khi bước vào chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh xuân hè 1968, anh đã đọc đi đọc lại thành tích của tiểu đội Bùi Ngọc Đủ và cũng nguyện sẽ chiến đấu xả thân vì cách mạng như đồng đội của mình. Anh tự hào vì được chiến đấu trong đội hình Sư đoàn 304 đã lừng lẫy chiến công ngay từ trong kháng chiến chống Pháp. Được giao khẩu AK này, anh đã nâng niu, gìn giữ như người bạn thân thiết. Nó đã cùng anh tham gia nhiều trận đánh ở chiến trường Bắc Quảng Trị. Đặc biệt tại mặt trận Khe Sanh, sau trận tiêu diệt cứ điểm Làng Vây vào ngày 7 tháng 2 năm 1968, Sư đoàn 304 được lệnh Bộ chỉ huy mặt trận tổ chức lực lượng, chuyển sang bao vây tập đoàn cứ điểm Tà Con. Sư đoàn dùng chiến thuật chốt chặn và đánh lần tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và tiến công tiêu diệt toàn bộ lực lượng lính thủy đánh bộ Mỹ tại Khe Sanh. Các đơn vị thuộc Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 66 Sư đoàn 304 chia thành những phân đội nhỏ đóng chốt tại mỏm 595, 622, 471.

Trong hai ngày (23 và 24 tháng 2 năm 1968), địch huy động một lực lượng lớn có máy bay và pháo binh yểm trợ, liên tiếp mở nhiều đợt tiến công vào trận địa giữ chốt trên điểm cao 595. Ngọn đồi 595 nằm ở phía tây bắc Khe Sanh, chia cắt tung lũng Khe Sanh và sân bay Tà Con.

Chốt giữ điểm cao 595 là một tổ 5 người (Phạm Nhất Linh - trung đội phó, tổ trưởng và 4 chiến sĩ: Trần Hữu Bào, Bùi Ngọc Đợi, Thúy, Thứ). Ngày 23 tháng 2 năm 1968, cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt từ 7 giờ sáng đến 4 giờ chiều, các đồng chí trong tổ đã đánh bật 7 đợt tiến công của địch. Trước một lực lượng địch đông gấp bội, Trần Hữu Bào đã cùng đồng đội bình tĩnh chờ địch đến gần 30 mét mới ném lựu đạn, dùng khẩu súng AK diệt nhiều tên.

Sau nhiều lần bọn Mỹ đánh lên điểm cao bị thất bại, ngày 24 tháng 2 năm 1968, ngay từ sáng sớm, địch đã trút hàng tấn bom, đạn rốc két, bắn pháo vào chốt 595, chuẩn bị cho cuộc phản kích mới. Tổ

của Phạm Nhất Linh được bổ sung 2 người thay cho 2 đồng chí Thúy và Đợi bị thương vong. Lợi dụng thời cơ giữa 2 đợt phản kích của địch, các anh nhanh chóng đưa thương binh vào hầm, củng cố công sự, thu nhặt lựu đạn, súng để tiếp tục chiến đấu. Là người nắm vững địa hình nên Trần Hữu Bào được đảm nhiệm chốt chặn địch ở hướng chủ yếu. Lợi dụng địa hình và dựa vào căn hầm gỗ kiên cố, anh đã đánh bật 8 đợt tiến công của địch, cơ động từ đoạn giao thông hào này sang đoạn giao thông hào khác, phối hợp cùng đồng đội đánh địch. Tuy lực lượng của ta ít, nhưng do chọn mục tiêu đúng, bắn chính xác, tiết kiệm đạn đã giúp Trần Hữu Bào cùng đồng đội chiến đấu bền bỉ qua hai ngày đêm giữ vững trận địa.

Kết quả trong hai ngày chiến đấu, 7 dũng sĩ trên điểm cao 595 đã đánh bật 15 đợt tiến công của quân Mỹ, diệt hơn 200 tên, thu 18 súng các loại. Tấm gương chiến đấu của Trần Hữu Bào nổi lên như một ngôi sao sáng. Với chiến công sử dụng nhiều vũ khí, trong đó có khẩu AK-47, diệt 78 tên địch, Trần Hữu Bào được thưởng Huân chương Chiến công hạng nhất và được phong tặng danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 304 phát động đợt học tập tinh thần chiến đấu của Trần Hữu Bào. Ngày 25 tháng 8 năm 1970, ở tuổi 20, Trần Hữu Bào được Nhà nước tuyên dương danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Khẩu súng AK-47 - người bạn chiến đấu thân thiết của Trần Hữu Bào trải qua chiến trận đã bị tróc sơn và bị một lỗ thủng sâu ở má báng phía trái, không còn dây đeo, đã được anh tặng cho Viện Bảo tàng Quân đội ngày 19 tháng 12 năm 1968. Hiện vật có số đăng ký: BTQĐ - 326/K₃-1026.

PHẠM VIỆT ANH

KHẨU TIÊU LIÊN AK-47 CỦA ANH HÙNG LÊ MÃ LƯƠNG



Lê Mã Lương sinh ngày 7 tháng 3 năm 1950, trong một giáo dục nông dân nghèo thuộc xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Tuổi thơ của anh chẳng mấy êm đềm. Ký ức về người cha thật ít ỏi, vì ông đã hy sinh cho độc lập tự do của Tổ quốc khi Lương còn quá nhỏ. Nhưng có một kỷ niệm đã hằn sâu trong trí nhớ non nớt của tuổi thơ anh và đậu lại đó suốt đời. Lần cuối cùng Lương gặp cha là lần ông tạt qua nhà trước khi tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Ông đã bế Lương trên đôi tay răn rỏi. Lương vòng tay ôm siết lấy cổ cha không muốn rời. Ngồi bên cánh võng, cha anh nhẹ nhàng ru cho con ngủ. Lương áp chặt vào ngực cha và chìm trong giấc ngủ êm đềm. Đến khi tỉnh dậy, cha đi từ lúc nào. Những lúc nhớ cha, Lương cứ ra đầu làng mong ngóng

nhưng mong mãi mà không thấy. Mẹ bảo cha đi đánh trận Điện Biên. Sao quân ta đã đánh thắng rồi mà cha vẫn chưa về. Mãi đến năm 1956, mẹ Lương mới biết tin ông đã hy sinh trong trận đánh đồi A1, chiến dịch Điện Biên Phủ. Địa phương làm lễ truy điệu cha của Lương ngay trên sân đình làng. Cha mất, Lương càng thương mẹ hơn, tần tảo giúp việc nhà, trông em... Lớn lên, Lương được một cơ quan ở tỉnh đỡ đầu con em liệt sĩ, nuôi cho ăn học ở thị xã Thanh Hóa. Bảy năm xa mẹ, Lương đã học xong cấp hai, máy bay Mỹ bắn phá Thanh Hóa ác liệt, Ty Thủy sản đi sơ tán, Lương xin về quê học tiếp hết cấp ba. Năm 1967, mới tròn 17 tuổi, Lương đã nằng nặc đòi đi bộ đội. Những trang nhật ký của Lương đã dày thêm lên mỗi ngày; những dòng chữ như sôi lên: *“Khi Tổ quốc bị xâm lăng thì cuộc đời đẹp nhất của tuổi trẻ là ở trên trận tuyến đánh quân thù”*. Một ý chí, một nghị lực đã được mài dũa bền vững như thép không gì ngăn cản nổi, cả quyết định đi học nước ngoài cũng không làm Lương nao núng quyết tâm nối chí cha, đi giết giặc, cứu nước.

Lương được nhập ngũ và được biên chế vào Trung đội 1, Đại đội 1, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 24, Sư đoàn 304. Trở thành lính bộ binh, lúc đầu Lương mới được giao bảo quản, sử dụng khẩu súng trường CKC, anh chăm chú lau chùi, gìn giữ súng như một vật quý. Chẳng quản nắng hè gay gắt hay ngày đông giá rét, trời tạnh hay mưa, Lương hăng say luyện tập kỹ thuật bắn súng sao cho bắn mười viên đều trúng điểm mười. Đến ngày bắn đạn thật, kết quả không phụ công luyện tập của anh, Lương đã bắn đạt loại ưu tú. Sử dụng loại vũ khí, nòng, từ tiểu liên, trung liên, súng cối, súng chống tăng, lựu đạn... anh đều thành thạo, làm chủ mọi thứ vũ khí có trong tay như một nghệ sĩ điêu luyện nhờ khổ công đã thành tài.

Mùa xuân năm 1968, cả đơn vị của Lương hăm hở bước vào chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh; anh được phong quân hàm hạ sĩ, là tổ trưởng tổ ba người và được phát một khẩu súng tiểu liên AK-47; khẩu súng này đã cùng anh vào trận đánh. Đơn vị Lương tham gia chiếm một loạt cứ điểm kiên cố của địch ở Tà Mây, Huổi San, Lao Bảo, bản thân anh đã dùng chính khẩu AK-47 diệt bảy tên địch. Sau khi tham gia chiến đấu tiêu diệt cứ điểm Làng Vây ngày 7 tháng 2 năm 1968, đại đội của Lương được lệnh chốt tại Làng Vây, không cho địch chiếm lại.

Ngày 9 tháng 2 năm 1968, Lương cùng tổ ba người đang thu dọn chiến lợi phẩm và chốt chốt thi thể liệt sĩ thì gặp bọn tàn binh địch, sau những phút chiến đấu quyết liệt, Lương đã diệt được 12 tên địch. Nhưng lúc này, mắt trái của anh bị mảnh lựu đạn găm trúng, cổ và mặt bị nhiều vết thương, máu chảy ra ướt đầm mặt, rồi thấm đầm cả áo. Những ngày tháng phải xa đồng đội, Lương đã trải qua nhiều tuyến điều trị tiền phương rồi các bệnh viện hậu phương. Mất một mắt trái, anh được lệnh về học đại học quân sự ở địa phương, đây là sự quan tâm chăm lo của Đảng và quân đội đối với một người con liệt sĩ, một thương binh để sau này anh trở thành một cán bộ cốt cán trong quân đội, nhưng Lương một mực xin ra mặt trận. *“Nước còn giặc còn đi đánh giặc. Chiến trường giục già bước hành quân”* câu thơ ấy đã in sâu vào tâm hồn anh như một mệnh lệnh của trái tim. Trải qua những ngày tháng kiên trì tập luyện, sức khỏe của Lương đã hồi phục, không chỉ lên rừng đẵn gỗ, đóng bè, vượt thác mà anh còn luyện cho con mắt phẫu quen với khói lửa. Chưa bao giờ quyết tâm ra trận của Lương lại nóng bỏng như lúc này. Qua sáu tháng điều trị, Lương đã được trở về với đồng đội thân yêu, được nhận lại khẩu tiểu liên AK-47 mà trước khi về trạm phẫu anh đã giao lại cho trung đội phó Nguyễn Văn Tiến; và cùng đơn vị vào đợt luyện tập mới. Tháng 11 năm 1968, Lương đã trở thành đảng viên và anh được tặng Huân chương Chiến công hạng ba vì thành tích chiến đấu, công tác, lòng anh náo nức chỉ mong sớm được ra trận.

Điều Lương hằng mong ước đã trở thành sự thật. Tháng 6 năm 1969, đơn vị của anh nhận lệnh hành

quân vào chiến trường, trở lại những địa danh quen thuộc: Đường 9 - Khe Sanh. Lê Mã Lương nhớ mãi trận chiến đấu ở thung lũng Pa Trang, Khe Sanh, vào giữa trưa ngày 25 tháng 8 năm 1969; đang trên đường hành quân vào vị trí tập kết, đơn vị của anh bất ngờ gặp lính Mỹ hành quân từ dưới thung lũng Pa Trang đi lên. Hai bên tan ra, nổ súng và chiến sự diễn ra vô cùng quyết liệt. Lương và đồng đội ở thế chủ động, dồn bọn Mỹ vào thế bị động trong thung lũng. Tiếng tiểu liên AK, lựu đạn xen lẫn tiếng tiểu liên cực nhanh, cối cá nhân, đại liên Mỹ làm thung lũng Pa Trang mịt mù khói lửa. Trên đầu, hai chiếc trực thăng vũ trang Mỹ quần đảo xả những loạt liên thanh, phóng rốc két xuống đơn vị của anh nhưng chỉ là để khoe sức mạnh của không lực Hoa Kỳ. Sau bốn mươi phút chiến đấu với những tên lính Mỹ to béo, trang bị vũ khí tối tân, đơn vị của Lương diệt được 47 tên, riêng anh đã dùng khẩu súng AK của mình diệt 15 tên Mỹ. Sau chiến dịch, đơn vị bình công, Lương được nhận thêm chiếc Huân chương Chiến công hạng ba thứ hai và được tặng danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ cấp hai”.

Tháng 12 năm 1970, sau thời gian huấn luyện ở hậu phương, đơn vị Lương nhận lệnh trở lại chiến trường. Mùa xuân ra trận, trong lòng người chiến sĩ trẻ ấy là hình ảnh Vua Quang Trung hơn 100 năm về trước đã đưa đoàn quân thần tốc vượt đường Thiên Lý, từ Nam ra Bắc, tốc chiến, tốc thắng, đánh bại 20 vạn quân xâm lược Mãn Thanh. Nay con cháu lại nối tiếp cha ông vượt Trường Sơn vào Nam để đánh đuổi một tên đế quốc xâm lược hùng mạnh nhất toàn cầu. Đoàn quân bước đi lặng lẽ, trang bị mang theo được buộc chặt vào người để có ngã cũng không rơi vãi. Giữ bí mật tuyệt đối trước những con mắt dò xét của đủ các lực lượng thám báo, trước các phương tiện trinh sát điện tử hiện đại của địch. Bọn chúng không thể biết được Sư đoàn chủ lực 304 đã được lệnh luồn sâu vào trong lòng địch, tham gia chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, chiến đấu tiêu diệt địch, bảo vệ tuyến giao thông huyết mạch, hậu phương chiến lược trên đường Hồ Chí Minh.

Ăn Tết sớm, đơn vị của Lương tiếp tục hành quân trong rừng kín của đại ngàn Trường Sơn, vào tới vị trí tập kết an toàn. Sau đó là cả tháng trời, bộ đội bí mật xây dựng trận địa, như bày kiến tha mồi về tổ, hầm hào xây dựng chắc chắn mà địch không hề phát hiện. Giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ là đã nắm chắc 50 phần trăm chiến thắng. Lê Mã Lương lúc này đã thượng sĩ, Chính trị viên phó Đại đội 7, Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 24, Sư đoàn. Anh được lệnh trực tiếp chỉ huy một trung đội gồm ba tiểu đội với 20 tay súng có nhiệm vụ chốt chặt khu vực đồi 351, gần cầu Ka Ki trên trục đường số 9, không cho địch nòng ra đánh chiếm các điểm cao và đánh chiếm các con đường độc đạo. Đây là một vị trí phòng thủ lợi hại, một bên là núi cao dựng đứng, một bên là vực sâu thăm thẳm, nước chảy xiết. Vũ khí của trung đội được trang bị đầy đủ từ cối 82mm, cối 60mm, B40, B41, tiểu liên AK, súng máy 12,7mm, với 5 cơ sở đạn, lựu đạn. Từ 7 giờ ngày 11 tháng 2 năm 1971, máy bay địch bắt đầu đổ quân, bắn pháo dọn đường cấp tập, rồi bọn địch đông hàng trăm tên tiến về phía đồi. Chờ cho địch đến gần tới 20 mét, Lương ra lệnh nổ súng. Các cỡ súng đồng loạt nhả đạn. Bọn địch bị đánh vỡ mặt, đứm chết, đứm bị thương, số còn lại hoang mang tháo chạy. Sau mỗi đợt tiến công thất bại, chúng lại cho đại bác bắn phá vào trận địa của ta. Trận địa mịt mù khói lửa. Ba ngày liền, địch ý thế đông, lại được không quân, pháo binh yểm trợ tối đa, chúng quyết xông lên chiếm chốt. Địch chia làm ba cánh quân: một ở sườn trái, một ở sườn phải, và một yểm trợ cho bọn ở giữa xông lên, nhưng đợt tiến công nào của chúng cũng bị thất bại. Chốt do đơn vị Lê Mã Lương bảo vệ đã kiên cường đánh trả các đợt tiến công của địch, ba chiến sĩ hy sinh, bảy người bị thương, riêng Lương vừa trực tiếp cầm súng, vừa vận động trong công sự chỉ huy anh em chiến đấu, và có lúc băng bó vết thương cho anh em bị thương. Mặt mày phờ phạc, cổ họng khô rát, giọng nói khê khàn nhưng anh vẫn như con thoi đi hết công sự này lại đến công sự kia động viên anh em giữ vững trận địa, rồi quyết tâm “còn người còn chốt”. Địch lại tiếp tục xông lên, Lương đợi địch đến thật gần

mới hạ lệnh bắn. Bên phải, bên trái các cỡ súng của ta đồng loạt nhả đạn. Bọn địch đã lao ra khỏi gốc cây vội nằm rạp xuống rồi lại thúc nhau lên, súng máy của địch từ phía đồi bên trái đạn sang như mưa. Lựu đạn rơi lách bạch quanh người, một quả lăn vào công sự kẹt giữa Lương và Dũng, chỉ trong tích tắc nó sẽ nổ. Lương khê đẩy Dũng ra, chộp lấy quả lựu đạn ném ra ngoài. Lựu đạn nổ chỉ cách các anh hai - ba mét, khói mù mịt tràn vào công sự. Bỗng Lương thấy có ánh chớp lóe lên, một luồng gió tràn vào mắt anh giống như lần anh bị thương năm 1968, anh hơi rung mình, mắt giả vờ nhắm, không kịp xem xét vết thương. Lương ấn vội cuộn băng cá nhân vào hốc mắt. Khẩu tiêu liên AK trong tay anh rung lên từng đợt. Nguyễn Tiến Dũng cùng ụ chiến đấu với anh đã bị mảnh đạn găm vào trán ngất đi. Khẩu trung liên vừa im, bọn địch ồ ạt lao lên. Lê Mã Lương nắm chặt khẩu trung liên của Dũng, đợi địch đến gần xiết cò, địch chững lại. Chớp thời cơ, Lê Mã Lương đứng bật dậy, khẩu trung liên kẹp nách tóe lửa. Đường đạn thẳng căng xuyên chéo đội hình địch. Tiêu liên của Thịnh và Tảo quét theo từng đợt ngắn. Bỗng Lương thấy nhói đau ở sườn bên phải, máu chảy ra ướt đầm áo. Nhưng bọn địch lại đang ùn ùn đông ngay trước mặt. Nén đau, Lương tiếp tục nhả đạn: súng tắc, anh dùng lựu đạn ném về phía bọn địch. Các mũi súng yểm trợ nhau chặt chẽ, xác địch nằm ngổn ngang. Thất bại quá nặng, bọn địch phía sau vội vã rút chạy về phía bên kia đồi.

Trận địa tạm im tiếng súng. Bây giờ Lương mới băng lại các vết thương và kiểm tra các ụ chiến đấu. Đã năm giờ trôi qua, suốt từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa, chỉ còn lại vài người, các dũng sĩ cảm tử đã đánh bật 10 đợt xung phong của địch. Chúng lại cho máy bay trực thăng vũ trang đến bắn rốc két 20mm xối xả xuống trận địa, mặc xác địch còn nằm đó. Lê Mã Lương chộp lấy khẩu RPĐ bắn thẳng vào máy bay, chiếc máy bay bốc cháy, cổ lết về phía bên kia đồi. Mãi đến 5 giờ chiều, đơn vị mới có lực lượng tiếp ứng để đưa người bị thương về trạm phẫu và chôn cất những đồng chí hy sinh. Lê Mã Lương bị thương nhưng nhất định không chịu về tuyến sau. Anh lấy con mắt giả dự trữ thay vào mắt trái, tự băng bó vết thương và lo sửa súng, củng cố lại công sự chiến đấu, bổ sung vũ khí đạn dược. Anh biết ọn địch sẽ còn cay cú và nhất định chúng sẽ mở các đợt tiến công mới, nên cố tình xin ở lại giữ chốt. Đại úy Lê Hồng Loan - Tiểu đoàn trưởng ra lệnh mấy lần, Lương mới chịu về tuyến hai, giao vị trí chỉ huy cho thiếu úy Nguyễn Ngọc Ty - Đại đội phó. Lương xuống trạm phẫu băng bó vết thương. Vì quá mệt, anh ngủ thiếp đi. Gần sáng, Lương chợt bừng tỉnh khi nghe tiếng súng rộ lên ở phía trận địa. Đoán biết địch lại tiến công, Lương xin Đại đội trưởng Nguyễn Văn Hùng cho trở lại trận địa. Anh hùng lo lắng hỏi:

- Vết thương của ông thế nào rồi?

- Sau một đêm ngon giấc, tôi thấy tỉnh táo, có thể tiếp tục chiến đấu.

Tiếng súng nổ mạnh hơn, chỉ nghe điện thoại từ chốt gọi về: “Ty bị thương rồi” là đứt liên lạc. Ruột gan Lương nóng như lửa đốt, lại có liên lạc chạy về báo tin Đại đội phó Ty đã hy sinh, chốt đã bị mất. Lê Mã Lương xin lên bằng được và trình bày phương án lấy lại chốt. Được Tiểu đoàn đồng ý, Lương mang theo khẩu tiêu liên AK của mình và thêm khẩu súng cối cá nhân M79 cướp được của một tên lính ngự (tên là Chiến, vì anh thấy băng súng có khắc tên Chiến). Những băng đạn AK, đạn cối cá nhân quanh thắt lưng và trong túi dết. Sáng sớm Lương cùng năm người nữa lên chốt thấy địch chiếm được nửa quả đồi. Tình thế vô cùng nguy ngập, anh Nguyễn Ngọc Ty - Đại đội phó; hai tiểu đội trưởng Nguyễn Văn Hào và Bùi Hữu Căn đã hy sinh. Lương bàn cùng anh em cách đánh và quyết định tập trung hỏa lực để lấy lại chốt. Sau khi dàn quân xong, Lương quyết định đánh thọc hai bên sườn quân địch bằng súng 12,7mm, B40, B41. Bị đòn phủ đầu, địch hoảng loạn. Chớp thời cơ, Lương ra lệnh cho anh em chạy dọc giao thông hào quét tiêu liên AK vào bọn địch.

Chúng không chịu nổi phải bỏ chốt, tháo chạy. Vọt khỏi công sự, Lương xông lên cùng đồng đội, lia tiểu liên quét những tên đang chạy ở phía xa. Chưa đầy 10 phút, trận địa đã được khôi phục, xác địch nằm ngổn ngang, máu chảy thành vũng. Từ đó về sau, trận địa không mất lần nào nữa, hàng trăm tên địch đã bị đèn tội, riêng Lê Mã Lương tiêu diệt được 15 tên.

Sau 12 ngày giữ chốt, đánh chặn, tiêu hao sinh lực địch, Đại đội 7 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được lệnh bàn giao cho đơn vị khác để chuyển đến vị trí mới. Đồi 351 được mang tên “Đồi C7”. Trong cả tiểu đoàn lan truyền câu chuyện giữ chốt của C7 và một câu hỏi đầy tự hào: “*Còn Lê Mã Lương thì còn chốt*”.

Ngày 25 tháng 2 năm 1971, Đại đội 7 được giao nhiệm vụ khẩn cấp hành quân bám trụ đường 9 tiêu diệt cho kỳ được đoàn xe tăng địch đang đi từ Khe Sanh lên Bản Đông. Nhận nhiệm vụ, đơn vị hành quân gấp lên đường 9, Lê Mã Lương dẫn tổ trinh sát xác định vị trí hiểm yếu nhất khoảng 700m để chốt chặn. Sau khi phân công cho bộ đội đào công sự, đã nghe tiếng xe tăng ì ì đằng xa; Thủ trưởng Trần Trọng Trai thông báo: Xe địch đang tiến gần. Lương đáp: Thủ trưởng cứ yên tâm, chúng tôi chuẩn bị xong chỉ chờ địch đến là tiêu diệt gọn. Một đoàn gồm 17 xe tăng, xe bọc thép đang tiến dần về trận địa phục kích của đại đội. Lương nhắc anh em bình tĩnh chờ đợi địch lọt hẳn vào đội hình mới bắn. Khi thấy chiếc xe tăng đầu tiên đã lọt vào đội hình chốt chặn, Trung đoàn 3 được lệnh nổ súng khóa đuôi. Quả đạn B40 của chiến sĩ Trần Anh Tảo đã hạ gục chiếc xe tăng đầu tiên - cũng là hiệu lệnh cho đại đội tiến công. Theo hiệp đồng từ trước, toàn đơn vị đồng loạt nổ súng. Địch vừa chống trả vừa rút lui nhưng đã muộn, cả đường tiến, đường lui đều không còn nữa. Bọn địch nhào ra khỏi xe tăng, xe bọc thép để khỏi bị chết cháy, lại bị các tay súng của ta tiêu diệt. Trận đánh diễn ra nhanh gọn, đạt hiệu suất chiến đấu cao. Chưa đầy 30 phút, 17 xe tăng, xe bọc thép của địch đã bị diệt gọn, 53 tên địch chịu chung số phận; riêng Lê Mã Lương diệt 7 tên, bắn cháy 1 xe tăng. Anh em vui mừng tốt độ, niềm vui chiến thắng càng được nhân lên vì đã trả thù được cho đồng đội bị hy sinh.

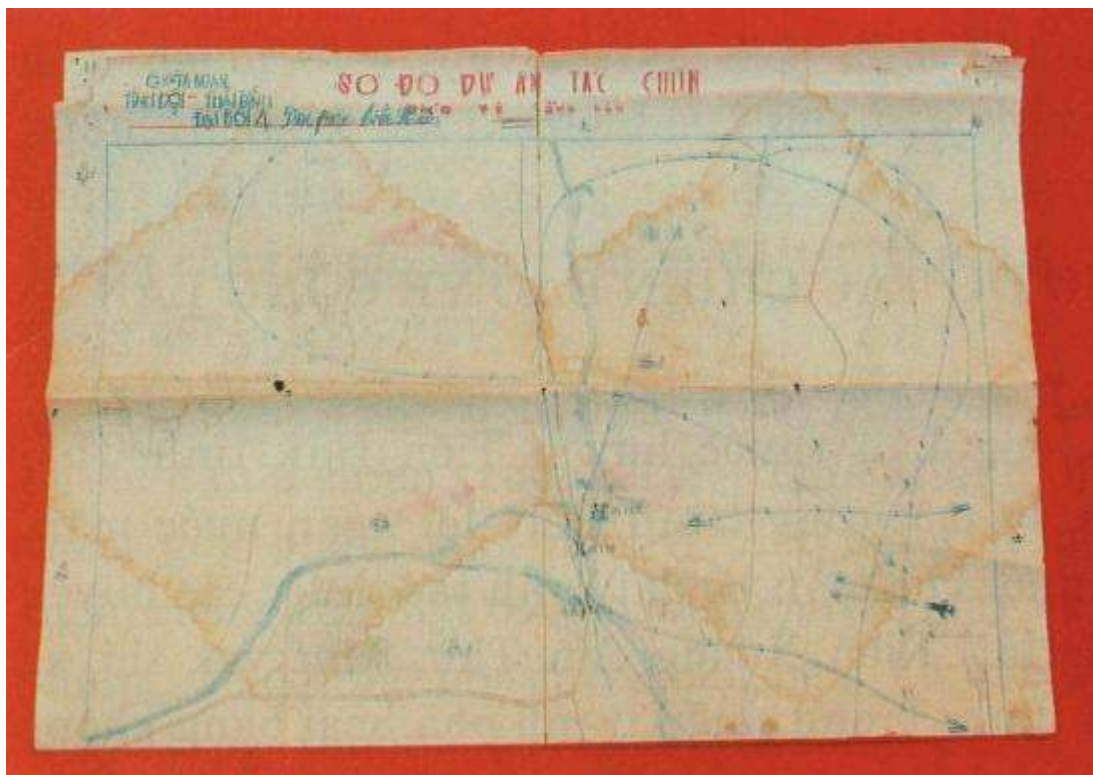
Từ năm 1968 đến năm 1971, Lê Mã Lương chiến đấu ở chiến trường Trị - Thiên, đã đánh 14 trận, góp phần cùng đơn vị diệt gọn hàng trăm tên địch; riêng anh diệt 67 tên, bắn cháy 1 máy bay lên thẳng, 1 xe tăng, phá hủy 1 đại liên. Lê Mã Lương được tặng thưởng ba Huân chương Chiến công (một hạng nhất, hai hạng ba).

Ngày 20 tháng 9 năm 1971, Lê Mã Lương được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Khẩu tiểu liên AK theo anh suốt chặng đường chiến đấu gian khổ đã được Lê Mã Lương tặng lại cho Viện Bảo tàng Quân đội ngay sau chiến dịch Đường 9 - Nam Lào. Nay hiện vật có số đăng ký: BTQĐ- 4619/K3-1172.

PHẠM THU TRANG

SƠ ĐỒ TÁC CHIẾN BẢO VỆ CÔNG LÂN



Cổng Lân thuộc huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, là một công trình thủy lợi ngăn nước mặn, tiêu nước cho toàn bộ đất canh tác thuộc các huyện Tiền Hải, Kiến Xương, Vũ Thư, khu vực thị xã Thái Bình. Trong chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ trên miền Bắc, đây là một trong những trọng điểm đánh phá của địch. Máy bay Mỹ điên cuồng đánh phá ngày đêm nhưng không phá được cổng Lân vì các đơn vị bảo vệ trọng điểm này đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Một trong các đơn vị đó là Đại đội 4 nữ dân quân tập trung huyện Tiền Hải, Thái Bình - đơn vị được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, ngày 31 tháng 12 năm 1973.

Đại đội 4 nữ dân quân Tiền Hải, Thái Bình được thành lập ngày 22 tháng 12 năm 1967, là đơn vị dân quân gái đầu tiêu của tỉnh. Đơn vị được nhân dân đóng góp nuôi dưỡng với hình thức hợp tác xã nông nghiệp trả điểm một phần, còn một phần đơn vị tự túc. Quân số đơn vị lấy trong 27 xã của huyện Tiền Hải, gồm 48 người (có 15 đảng viên) được trang bị 4 khẩu pháo 37mm phòng không.

Sau hai tháng huấn luyện, đơn vị bước vào chiến đấu. Từ năm 1968 đến năm 1972, khu vực do đơn vị đảm nhiệm bị máy bay Mỹ đánh phá 172 lần (có 82 lần đánh phá ban đêm) và 21 lần chúng đánh vào trận địa của Đại đội 4. Tất cả những lần máy bay địch đánh phá, chúng đều bị chị em đánh trả quyết liệt. Tiêu biểu là trận ngày 30 tháng 3 năm 1968, ba chiếc máy bay A-6 đến bắn phá cổng Lân. Với tinh thần cảnh giác cao, chuẩn bị chiến đấu tốt, chị em nổ súng kịp thời, ngay từ loạt đạn đầu đã bắn rơi một chiếc, hai chiếc còn lại hốt hoảng tháo chạy.

Đêm 18 tháng 5 năm 1972, địch cho nhiều máy bay đến đánh cổng Lân và đánh vào trận địa của

đơn vị. Đại đội 4 tiếp tục đánh trả máy bay Mỹ, cùng đơn vị bắn rơi một máy bay và bắn bị thương một chiếc khác. Chị Mai - pháo thủ số 5 bị thương vào đầu gối vẫn gượng dậy cùng đơn vị chiến đấu.

Ngày 12 tháng 7 năm 1972, máy bay Mỹ lại đến bắn phá công Lân; có hai chiếc lao vào đánh trận địa của Đại đội 4. Trong khói mịt mù, bất chấp nguy hiểm, chị em động viên nhau đánh trả quyết liệt, bắn rơi một chiếc A-7, buộc địch phải ngừng đánh phá.

Đại đội 4 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ công Lân, đảm bảo cho hàng nghìn héc-ta ruộng cây cấy tốt, không bị nước mặn tràn vào. Chị em còn phá được 12 quả bom nổ chậm, góp phần bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân địa phương. Đơn vị đã bồi dưỡng được 62 cán bộ (8 cán bộ đại đội, 20 cán bộ trung đội, 34 khẩu đội trưởng), bồi dưỡng gần 300 nữ dân quân trong huyện sử dụng thành thạo vũ khí được trang bị, luân phiên trực chiến.

Đại đội 4 đã được tặng thưởng hai Huân chương Chiến công hạng nhất, hai Huân chương Chiến công hạng ba; 5 năm liền (1968-1973) đạt danh hiệu Đơn vị Quyết thắng.

Viện Bảo tàng Quân đội còn lưu giữ một số hiện vật về Đại đội 4, trong đó có sơ đồ tác chiến bảo vệ công Lân - ký hiệu: BTQĐ - 5742/Gi - 1205.

NGUYỄN LÂM HÀ

MÁY BAY MiG-21 VÀ 14 NGÔI SAO CHIẾN CÔNG



Máy bay MiG-21 có số đăng ký: BTQĐ - 5800/K1-4324 là một hiện vật - một biểu tượng chiến thắng của Quân chủng Không quân Việt Nam Anh hùng. Chỉ trong năm 1967, chín phi công của Trung đoàn không quân Sao Đỏ đã thay nhau lái chiếc máy bay này, chiến đấu, bắn rơi 14 máy bay của Mỹ. Sáu trong số chín đồng chí đã được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Trung đoàn 921 thuộc Sư đoàn 371 là trung đoàn không quân tiêm kích đầu tiên của Không quân nhân dân Việt Nam, thành lập ngày 3 tháng 2 năm 1964. Mới ra đời được 1 năm, lực lượng phi công chiến đấu còn mỏng, trình độ bay còn hạn chế, máy bay còn ít nhưng Trung đoàn đã xuất kích đánh thắng trận đầu vang dội, làm trọn sứ mệnh lịch sử mà Trung ương Đảng, Bác Hồ và nhân dân giao phó “Mở mặt trận trên không thắng lợi”.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của không quân và hải quân Mỹ trên miền Bắc, lực lượng không quân tiêm kích Việt Nam còn rất non trẻ, đã lập chiến công vẻ vang, bắn rơi 320 máy bay Mỹ gồm 19 kiểu loại, kể cả “siêu pháo đài bay B-52” - thần tượng của không lực Hoa Kỳ. Tiêu biểu cho lòng dũng cảm, ý chí tiến công, tinh thần quyết chiến, quyết thắng, trí thông minh của những phi công Việt Nam là chiến công của những chiến sĩ lái chiếc máy bay mang số hiệu 4324. Chiếc máy bay đã cất cánh chiến đấu 69 lần, bay hơn 800 giờ, gặp địch 22 lần, nổ súng 16 lần, bắn 25 quả tên lửa, hạ 14 chiếc máy bay Mỹ gồm 4 loại khác nhau: 9 chiếc F-105; 3 chiếc F-4, 1 chiếc A-4, 1 chiếc RF-101.

Để có thể bắn rơi được máy bay Mỹ, Trung đoàn tập trung luyện tập cho phi công thuần thục các khoa mục chiến đấu trên không trong đội hình biên đội 2 chiếc hoặc 4 chiếc. Năm 1966, đế quốc Mỹ tiếp tục nãc thang mới trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Chúng đã dùng một lực lượng lớn không quân đánh phá Thủ đô Hà Nội, thành phố Cảng Hải Phòng. Những tháng đầu năm 1967, địch thay đổi thủ đoạn đánh phá. Chúng thường dùng đội hình lớn tăng cường tiêm kích bảo vệ cường kích. Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân quyết định huấn luyện MiG-21, dùng lực lượng nhỏ đánh vào đội hình lớn của chúng bằng chiến thuật thọc sâu, chia cắt. Trung đoàn 921 khẩn trương tổ chức cho MiG-21 huấn luyện theo phương án tác chiến mới. Máy bay mang số hiệu 4324 cùng những “chủ nhân” của mình bước vào một cuộc chiến đấu mới đầy gay go, thử thách.

Ngày 30 tháng 4 năm 1966, nhận tín hiệu có máy bay địch từ sở chỉ huy sơ tán dưới rừng tre bên sông Cà Lồ, Trung đoàn trưởng Trần Mạnh báo cáo Bộ Tư lệnh Quân chủng cho MiG-21 lên đánh. Được cấp trên đồng ý, Trung đoàn lệnh cho biên đội Nguyễn Ngọc Độ, Nguyễn Văn Cổ các cánh. Hai chiến sĩ đã bắn rơi 2 máy bay và trở về an toàn. Ngay sau đó 8 chiếc F-105 khác lập tức đến ném bom khu vực Thanh Sơn - Phú Thọ. Nhận thấy đây là thời cơ đánh rất tốt, vào lúc 16 giờ 29 phút, Trung đoàn quyết định cho biên đội MiG-21 thứ hai lên đánh. Lê Trọng Huyền lái chiếc máy bay mang số hiệu 4324 cất cánh. Trận đánh diễn ra trong đúng 1 phút. Thượng úy Lê Trọng Huyền đã bình tĩnh, dũng cảm bắn rơi 1 chiếc F-105 trên bầu trời tỉnh Bắc Thái. Thượng úy Vũ Ngọc Đình cũng bắn rơi 1 chiếc F-105 khác. Địch hoảng hốt tháo chạy tán loạn. Biên đội trở về sân bay, hạ cánh an toàn. Ngôi sao đỏ đầu iên được in trên máy bay 4324 từ ngày đó.

Trong tháng 5 lịch sử, để lập thành tích mừng thọ Bác Hồ kính yêu, các tay lái liên tiếp lập công, bắn rơi 19 máy bay Mỹ các loại. Trong chiến công đó có phần đóng góp của máy bay 4324. Ngày 4 tháng 5 năm 1967, một ngôi sao đỏ đã được in thêm bởi chiến công của Đại úy Phạm Thanh Ngần, bắn rơi 1 chiếc F-105 mệnh danh là “Thần sấm” trên bầu trời Tam Đảo và ngày hôm sau (5-5-1967), ngôi sao thứ ba ghi công của Trung tá Nguyễn Ngọc Độ, bắn rơi 1 máy bay F-4 mệnh danh là “Con ma” trên bầu trời tỉnh Bắc Thái. Ngày 5 tháng 6 năm 1967, trên bầu trời tỉnh Tuyên Quang, Trung úy Nguyễn Văn Lý hạ thêm một máy bay thần sấm nữa. Ngôi sao đỏ thứ năm được in ngày 5 tháng 7 năm 1967 bởi chiến công của Nguyễn Văn Huyền bắn rơi máy bay A-4 trên bầu trời tỉnh Hải Dương.

Những ngày từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 10 năm 1967 là những ngày chiến thắng rực rỡ của máy bay MiG-21. Trong đó ngày 10 tháng 9 trên bầu trời Mộc Châu - Sơn La, Anh hùng Nguyễn Hồng Nhị lái máy bay 4324 bắn rơi một RF-101, nhưng tháng 11 là tháng các ngôi sao đỏ thử bảy, tám, chín, mười bay về như hoa mùa xuân phủ đỏ rực chiếc máy bay 4324. Chỉ trong ngày 7 tháng 11 năm 1967 với hai lần xuất kích, Nguyễn Hồng Nhị, Đặng Ngọc Ngự lần lượt dùng máy bay 4324 bắn rơi một chiếc F-4, một F10-5 trên bầu trời Hà Bắc và Yên Bái. Ngôi sao thứ 9 là chiến công của Phạm Thanh Ngân hạ cục một “Thần sấm” vào ngày 18 tháng 11 năm 1967 trên vùng trời Phú Thọ. Ngôi sao thứ 10 dành cho chiến công của Nguyễn Văn Cốc, diệt một F-105 trên bầu trời Hạ Hòa, Phú Thọ ngày 20 tháng 11 năm 1967.

Những ngày cuối năm 1967, địch vẫn tiếp tục đánh vào Thủ đô Hà Nội - trái tim thân yêu của Tổ quốc. Lòng các chiến sĩ lái nóng như lửa đốt trước cánh máy bay Mỹ dội bom tàn phá những phố phường của Thủ đô. Quyết tâm của các anh phải bắn rơi nhiều máy bay Mỹ ngày thêm nóng bỏng. Từ các sân bay bị địch tàn phá suốt ngày đêm, được bộ đội và nhân dân huy động hàng chục vạn ngày công để sửa chữa, máy bay 4324 lại tiếp tục cất cánh và lập công. Ngày 12 tháng 12 năm 1967, Nguyễn Văn Cốc mang về ngôi sao đỏ thứ 11 với chiến công bắn rơi một F-105 trên vùng trời Hà Bắc. Nhưng ngày 17 tháng 12 mới là ngày chiến thắng oanh liệt của máy bay 4324. Trong khi căn phá đội hình 32 chiếc F0-105 và F-4 trên đường đánh vào Hà Nội, biên đội Vũ Ngọc Đình và Nguyễn Đăng Kính đã bắn rơi 2 chiếc F-105. Cả hai chiếc đều do Vũ Ngọc Đình sử dụng máy bay 4324 bắn rơi. Hai ngày sau, sáng 19 tháng 12 đã diễn ra một trận đánh hiệp đồng của biên đội 4 chiếc MiG-17 (Trung đoàn 923) và biên đội 2 chiếc MiG-21 (Trung đoàn 921) trên vùng trời Tam Đảo, bắn rơi 4 máy bay địch căn phá một đợt đánh vào Hà Nội của không quân Mỹ. Máy bay 4324 dưới sự điều khiển của Đại úy Nguyễn Đăng Kính đã hạ một chiếc F-4, mang về ngôi sao chiến công thứ 14.

Đáng lẽ máy bay còn được bay thêm 400 giờ nữa (1.200 giờ là hết giờ bay theo quy định về kỹ thuật) nhưng để gìn giữ một vật chứng tiêu biểu cho chiến công lớn lao của không quân ta, phục vụ công tác tuyên truyền giáo dục truyền thống, chiếc máy bay mang số hiệu 4324 đã được đưa về nơi cất giấu an toàn, trở thành một hiện vật lịch sử. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Trung đoàn 921 đã vinh dự được đưa chiếc máy bay thân thương của mình về trưng bày tại Viện Bảo tàng Quân đội,.

Đêm ngày 4 tháng 12 năm 1974, chiếc máy bay 4324 sau khi được tháo cánh đã lặng lẽ “trườn mình” trên những phố phường Hà Nội đang ngon giấc, được lắp đặt an toàn tại Bảo tàng, đậu ngao nghể trên tầm cao, dưới chân là hàng đồng xác máy bay đế quốc Mỹ và thực dân Pháp đã bị quân dân ta bắn rơi và phá hủy.

Ngày 20 tháng 12 năm 1974, một chiếc máy còn nguyên vẹn, mang trên mình 14 ngôi sao chiến công đã xuất hiện lần đầu tiên trước con mắt của khách nước ngoài. Khách tham quan thích thú đọc dòng chú thích: *“Chiếc máy bay do 9 phi công Việt Nam thay nhau lái, trong đó có 6 người được tuyên dương Anh hùng (Phạm Thanh Ngân, Nguyễn Hồng Nhị, Nguyễn Văn Cốc, Vũ Ngọc Đình, Nguyễn Ngọc Độ, Đặng Ngọc Ngự) đã bắn rơi 14 máy bay Mỹ trong năm 1967”*.

PHẠM VIỆT ANH

“VUA CHIẾN TRƯỜNG”



“Pháo tự hành 175mm của Mỹ, ta thu được ở Tân Lâm - Quảng Trị năm 1972” là dòng chú thích ngắn gọn của một khẩu pháo lớn trưng bày tại Viện Bảo tàng Quân đội.

Pháo tự hành 175mm là một trong những loại pháo hiệu đại nhất của Mỹ đưa vào miền Nam và đã trang bị cho quân ngụy Sài Gòn từ tháng 10 năm 1965. Pháo binh ngụy muốn diễu võ giương oai nên phủ thêm hàng chữ sơn trắng lên nòng pháo *“Vua chiến trường - Sấm sét”*.

“Vua chiến trường” nòng dài 11,28m, tầm bắn xa 32km, tốc độ bắn 1,5phát/phút, cỡ đạn 175mm, mỗi quả đạn nặng 68kg, có thể bắn đạn thông thường hoặc đạn hạt nhân. Kíp pháo thủ là 5 người. Pháo được đặt trên xe bánh xích có khả năng vượt dốc, vượt hào, vượt tường, tốc độ di chuyển là 54km/h, bán kính hoạt động là 100km, kích thước xe là (dài: 11,2m x R3,1m x H2,7m), trọng lượng hành quân gồm cả đạn là 26,68 tấn. Khi tác chiến, pháo tự nạp đạn, khi hành quân có thể tháo rời giữa pháo và xe để di chuyển bằng máy bay. Với tính năng kỹ thuật đã nêu trên thì pháo tự hành 175mm được mệnh danh là “Vua chiến trường” cũng phần nào có lý.

Tại Trị - Thiên, trong những năm 1970-1972, “Vua chiến trường” được quân ngụy bố trí ở Đông Hà, Đông Lâm, Bình Điền, Phú Bài, điểm cao 241 (Tân Lâm).

11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 3 năm 1972, quân ta đồng loạt nổ súng tiến công mở màn chiến dịch Quảng Trị. Trong thế bao vây uy hiếp chung của toàn mặt trận, toàn bộ lực lượng địch ở căn cứ 241

gồm ban chỉ huy trung đoàn 56 bộ binh, chỉ huy tiểu đoàn 3 bộ binh và 400 lính, chi đội thiết giáp, đại đội pháo 175mm (4 khẩu) thuộc tiểu đoàn 102 quân đoàn 1, đại đội pháo 155mm (6 khẩu), đại đội pháo 105mm (6 khẩu) đã buộc phải đầu hàng lúc 12 giờ 45 phút ngày 2 tháng 4 năm 1972. Đây chính là ngày đầu tiên đánh dấu sự thất bại của “Vua chiến trường”. Điều lý thú là các “Vua” đều còn sống, vẫn nổ máy chạy được.

Ngay sau khi ta làm chủ căn cứ 241 thì các chiến sĩ kỹ thuật pháo binh đã có mặt để thu hồi chiến lợi phẩm (xe, pháo) của địch. Các anh em được lệnh sơ tán ba khẩu “Vua chiến trường” ra tập kết ở hậu cứ Thị Ve. Để tránh máy bay địch ném bom phá hủy, khi ba khẩu về Thị Ve, quân ta khẩn trương đào hầm, đắp tường chắn, phủ bạt, che lá ngụy trang cho từng khẩu. Đến tháng 11 năm 1973 ta lại tiếp tục di chuyển từ Thị Ve (Vĩnh Linh) qua phà Long Đại về Nông trường Phú Quý (Quảng Bình), sau đó đưa ra bến phà Quán Hàu để lần lượt xuống tàu tăng kít của đoàn vận tải Hồng Hà. Mỗi khẩu pháo đưa xuống một tàu, ba tàu có một đầu kéo thành một đoàn. Thời gian nằm ở bến phà Quán Hàu để chờ lệnh xuất phát đúng vào những ngày Tết nguyên đán Giáp Dần (1974). Sau hai ngày lênh đênh trên biển, sóng to gió lớn, gặp tàu địch ở sát hải phận quốc tế, trong lúc đầu kéo bị bọc ống dẫn dầu, cán bộ và chiến sĩ ta tưởng tàu của ta tiếp ứng, khi quan sát kỹ mới phát hiện ra tàu treo cờ Hoa Kỳ; anh em đã bình tĩnh phủ bạt che kín pháo, cắt bỏ đầu kéo tăng tốc tăng kít vào hướng bờ. Tàu địch đã phát hiện ra tàu của ta nhưng không đuổi theo mà đi thẳng. Sau khi khắc phục được đầu kéo, đoàn tàu vận tải chở “Vua chiến trường” đã cập bến Hải Phòng. Bấy giờ cảng Hải Phòng không có đường dẫn cho xe từ tàu lên bờ vì thế tàu tăng kít phải đưa về bến phà Kiền tập kết.

Cuộc hành trình của ba khẩu “Vua chiến trường” lại tiếp tục theo quốc lộ 5 từ Hải phòng về Hà Nội. Đi theo mỗi xe có thợ lái chính, lái phụ và thợ kỹ thuật, có cả mấy hàng binh ở Quảng Trị biết lái xe xích. Khi xe còn cách cầu Lai Vu 3 km thì bộ phận tiền trạm báo tin xe không lọt được qua cầu, vì thế phải quay trở lại Hải Phòng chờ đưa lên tàu hỏa. Theo tàu hỏa, “Vua chiến trường” được đưa về sân bay Bạch Mai rồi từ đó nổ máy vận hành về sân Bộ Tư lệnh Pháo binh (nay là Quân y viện 354). Cố đại tướng Hoàng Văn Thái là người đầu tiên đến động viên anh em pháo binh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ di chuyển an toàn tuyệt đối ba khẩu “Vua chiến trường” đầu tiên, từ Quảng Trị ra Hà Nội.

Ngày 24 tháng 3 năm 1974, Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng, sau đó là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn và các tướng lĩnh quân đội lần lượt đến thăm và khen ngợi thành tích của Pháo binh Việt Nam ngay tại chỗ đặt ba khẩu “Vua chiến trường”.

Tháng 6 năm 1974, một trong ba khẩu pháo này được đưa về trưng bày ở miền Bắc và khách quốc tế được tham quan, “Vua chiến trường” trở thành một hiện vật bảo tàng của Viện Bảo tàng Quân đội.

Kíp lái xe đưa khẩu pháo 175mm vào vị trí trưng bày hiện nay chính là các anh Trần Lộc - chỉ huy, Nguyễn Văn Trúc - lái xe; Đặng Tiến Nghênh và Đỗ Ngọc Nhiều - thợ kỹ thuật. Đó cũng là những người đã tham gia chuyển pháo từ Quảng Trị ra và các anh cũng là những người đã vận hành và bảo dưỡng pháo mấy đợt sau này tại Viện Bảo tàng Quân đội. Trong số các anh có người đã mất, có người nghỉ hưu, họ không gặp nhau, vì tuổi già và xa cách, nhưng ở các anh đều có chung một kỷ niệm dẫn giải những “Vua chiến trường” đầu tiên này.

CHU XUÂN HẢI

CHIẾC XE TĂNG 985 VỚI CHIẾN THẮNG BUÔN MA THUẬT



Bên trái phòng tiền sảnh Viện Bảo tàng Quân đội hiện có trưng bày chiếc xe tăng T54B. Đó là chiếc xe tăng thuộc Đại đội 4, Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 273. Xe mang trên mình nhiều vết tích từ những trận chiến đấu ở Tây Nguyên, ở đồng bằng Nam Bộ và ngay trên cả đất bạn Cam-pu-chia. Xe T54B đã cùng đơn vị lập nên bao chiến công, song đáng kể nhất là trận đánh vào Buôn Ma Thuột - trận then chốt của chiến dịch Tây Nguyên, một chiến dịch có tầm quan trọng chiến lược đối với toàn bộ chiến trường miền Nam được Bộ Chính trị chọn mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.

Hôm đó là ngày 10 tháng 3 năm 1975, quân và dân ta bất thần nổ súng tiến công Buôn Ma Thuột. Trong khi một đơn vị đặc công đánh chiếm sân bay Hòa Bình và sân bay thị xã thì các đơn vị bộ binh, xe tăng thiết giáp của ta có pháo binh yểm trợ từ nhiều hướng tiến đánh Buôn Ma Thuột. Xe tăng 985 cùng đồng đội xuất kích trên hướng đông bắc Buôn Ma Thuột, phối hợp với Sư đoàn 316 bộ binh táo bạo, thần tốc theo mũi chủ yếu đánh thọc sâu vào trung tâm phòng ngự của địch trong thị xã.

Dưới sự chỉ đạo của thượng sỹ trung đội trưởng Nguyễn Hải Phòng, lái xe Giang Văn Thanh cho xe 985 băng lên phía trước. Tại cổng sở chỉ huy sư đoàn 23 ngụy, các pháo thủ của xe đã kịp thời nổ súng chính xác diệt hai xe M113 của địch, tiếp đó đánh sập 6 lô cốt, 4 hỏa điểm gồm ụ súng đại liên và 12,7 mm.

Chiến công của xe tăng 985 đã góp phần cùng đồng đội và các đơn vị bạn tiêu diệt sư đoàn 23 - một sư đoàn chủ lực mạnh của địch ở Tây Nguyên, góp phần giải phóng hoàn toàn Buôn Ma Thuột và đập tan các cuộc phản kích quyết liệt của chúng hùng chiếm lại thị xã.

Đòn sét đánh vào Buôn Ma Thuột đã làm hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, chúng hoảng loạn bỏ khu vực này tháo chạy; các đơn vị của ta nhanh chóng chuyển sang truy kích, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và 3 tỉnh đồng bằng ven biển miền Trung.

Xe 985 lại có mặt trong đội hình hành quân thần tốc phối hợp với Sư đoàn 10 bộ binh (Quân đoàn 3) đánh địch ở đèo Phụng Hoàng, Phan Rang, Phan Thiết và tiến thẳng về Sài Gòn. Tại ngã tư Bảy Hiền - một cửa ngõ quan trọng, xe 985 đã chặn đứng xe M48 của địch án ngữ tại khu vực này, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng đội và các đơn vị bạn tiến vào giải phóng thành phố.

Chiến dịch Tây Nguyên với trận then chốt Buôn Ma Thuột đã mở màn xuất sắc cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975, kết thúc bằng thắng lợi trọn vẹn của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Với chiều dày những chiến công trong suốt quá trình chiến đấu, toàn kíp của xe tăng 985 đã được Quốc hội tặng thưởng Huân chương Chiến công Hạng nhất. Các thành viên của xe đều được tặng thưởng Huân chương Chiến công các loại.

Khách đến tham quan Viện Bảo tàng Quân đội thường dừng lại hồi lâu trước xe 985 như nghĩ về những miền đất xe đã qua, những chiến trường đã tới, những chiến công đã giành được...; nhiều người đã lưu lại hình ảnh của mình bên chiếc xe tăng lịch sử bằng một tấm ảnh kỷ niệm.

HỒNG HUYNH

LƯỚI ĐAO MÔ, KIM CHỈ PHẪU THUẬT VÀ CHIẾC KHĂN LÀO



Đó là những hiện vật có số đăng ký: BTQĐ - 4952/ĐB -839, BTQĐ - 4952/B - 649 hiện lưu giữ tại Viện Bảo tàng Quân đội. Những hiện vật này không chỉ thể hiện tinh thần khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ của quân y Bộ Tư lệnh 559 - Bộ đội Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh mà còn nói lên tình cảm gắn bó máu thịt giữa nhân dân, quân đội hai nước Việt - Lào trong những năm kháng chiến chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ.

Mùa khô 1971-1972, đội điều trị thuộc Binh trạm 32, Đoàn 559 với quân số không đầy đủ, chỉ có 43 người trên tổng quân số biên chế 80 người, trong đó tỷ lệ nữ lại cao - chiếm gần một nửa, đã cơ động thường xuyên trong tình trạng trang bị thiếu thốn, nhiều lưỡi dao mổ phải mài đi mài lại. Nhưng vượt lên khó khăn, Đội đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Có nhiều ca mổ, nhiều ca cấp cứu vượt quá khả năng, nhưng anh chị em cũng đều thực hiện thành công. Mặc dù trong điều kiện, hoàn cảnh thiếu thốn, ngoài nhiệm vụ thu dung thương bệnh binh ở đơn vị mình, Đội còn nhận thương bệnh binh ở mọi nơi, mọi hướng trên toàn tuyến, chữa trị thành công cho hàng chục cán bộ, nhd địa phương bị mắc bệnh hiểm nghèo. Trong đó có một bệnh nhân đặc biệt là sư Phiêu ở bản Sa Loi Nura, huyện Phường Phìn, tỉnh Xa Van Na Khét - Lào. Sư Phiêu đã tặng chiếc khăn của mình cho Đội điều trị để làm kỷ niệm, sau khi được Đội chữa lành căn bệnh mà trước đây dân bản phải bỏ tay chờ chết.

Đội điều trị Binh trạm 32 đi đến đâu cũng làm tốt công tác dân vận, góp phần tăng cường tình đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế.

NGỌC LÂM

CHIẾC XE TĂNG MANG DẤU ẤN LỊCH SỬ



Phòng trưng bày “Toàn thắng” của Viện Bảo tàng Quân đội đang trưng bày một hiện vật tiêu biểu đánh dấu giờ phút sụp đổ của chính quyền ngụy Sài Gòn: chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, kết thúc cuộc kháng chiến chống mỹ, cứu nước vĩ đại kéo dài 21 năm của nhân dân ta. Đó là

chiếc xe tăng T54B số hiệu 834 thuộc Đại đội 4, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn tăng - thiết giáp 203 (đã cùng với xe tăng 390) dẫn đầu đội hình thọc sâu của Quân đoàn 2 đánh chiếm phủ tổng thống ngay quyền Sài Gòn trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Xe tăng 843 do Liên Xô chế tạo viện trợ cho Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, được Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - thiết giáp điều động tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam mùa xuân 1975. Trên đường hành quân, đến Quảng Bình, xe được biên chế vào Lữ đoàn tăng - thiết giáp 203. Trong đội hình của Lữ đoàn, xe tăng 843 vừa hành quân vừa tham gia giải phóng Huế, Đà Nẵng. Sau khi thành phố Đà Nẵng giải phóng được năm ngày, ngày 4 tháng 4 năm 1975, chấp hành mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng với khí thế thừa thắng xốc tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, trong đội hình chiến đấu của Lữ đoàn 203, Quân đoàn 2, Xe tăng 843 lại tiếp tục hành quân dọc theo trục đường số 1 tham gia chiến dịch giải phóng các tỉnh ven biển miền Trung và thẳng tiến vào miền Đông Nam Bộ.

Thiếu úy Lê Văn Phượng - Đại đội phó Đại đội 4 đi trên xe tăng 390 đã ghi lại cuộc hành quân thần tốc này trong cuốn nhật ký của mình như sau:

“Ngày 16-4-1975, toàn đơn vị lại hành quân thần tốc vào giải phóng Sài Gòn. Chúng tôi đã đi qua nhiều vùng giải phóng giàu đẹp của miền Nam. Ở đâu nhân dân cũng quý mến Bộ đội Giải phóng; đi đến đâu chúng tôi cũng được nhân dân yêu mến và giúp đỡ, khí thế giải phóng miền Nam lại càng hăng hái sôi nổi. Quân đi như nước vỡ bờ đủ các quân binh chủng ra quân. Họ đi suốt ngày đêm như thác đổ, một cuộc hành quân vĩ đại chưa từng thấy, đoàn nọ nối đoàn kia, xe tăng, pháo binh, cao xạ, tên lửa, thông tin, công binh, bộ binh... họ đi mãi không dứt”.

Ngày 20 tháng 4, cùng Lữ đoàn tăng - thiết giáp 203, Quân đoàn 2, xe tăng 843 tới rừng Lá, ấp Phú Minh, cách Xuân Lộc 20 km. Ngày 21 tháng 4 năm 1975, Xuân Lộc hoàn toàn giải phóng. Tại đây kíp xe 843 được bổ sung, kiện toàn gồm:

- Trung úy Bùi Quang Thận - Đại đội trưởng Đại đội 4, kiểm trưởng xe - quê Thái Bình.
- Hạ sỹ Lữ Văn Hòa - lái xe, quê Hà Nam.
- Trung sỹ Thái Bá Minh - pháo thủ số 1, quê Nghệ An.
- Hạ sỹ Nguyễn Văn Kỷ - pháo thủ số 2, quê Tuyên Quang.

17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, cuộc tiến công của Quân đoàn 2 trên hướng đông, đông nam Sài Gòn bắt đầu. Xe tăng 843 tham gia chiến đấu đập tan tuyến phòng thủ từ xa của địch ở Nước Trong. Ngày 29 tháng 4, căn cứ Nước Trong bị tiêu diệt, Lữ đoàn tăng - thiết giáp 203 - lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn được giao nhiệm vụ chiếm “Dinh Độc lập” và các mục tiêu quan trọng ở Quận 1, tiến vào nội đô Sài Gòn theo trục xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn, vừa tiến vừa đánh địch. 9 giờ ngày 30 tháng 4, lực lượng đột kích thọc sâu tiến đến chân cầu Sài Gòn. Tại đây trận chiến đấu diễn ra ác liệt; quân địch cố thủ dùng xe tăng, xe thiết giáp, tàu chiến bắn chặn đội hình tiến công của ta. Các đơn vị đi đầu của ta bị tổn thất, phải dạt sang hai bên đường, Tiểu đoàn lệnh cho Đại đội 4 - trong đó có xe 843 vượt lên đánh địch mở đường cho đại quân tiến vào trung tâm thành phố Sài Gòn. Xe 843 do Đại đội trưởng Bùi Quang Thân chỉ huy vượt lên cầu bắn cháy hai xe tăng M-41

của địch, dẫn đầu đội hình thọc sâu nhanh chóng vượt cầu tiến vào thành phố. Vượt qua ngã tư Hàng Xanh, xe 843 tiến vào Dinh Độc lập (tiên theo đường Lê Duẩn hiện nay). Đến trước Dinh, xe lách hàng rào sắt chắn đường húc vào cổng phụ, cùng lúc đó xe tăng 390 kịp tiến đến húc tung cánh cổng chính của Dinh Độc lập, tiến thẳng vào Dinh. Trung úy Bùi Quang Thân từ trên xe 843 nhảy xuống ôm cờ cách mạng nhanh chóng leo lên tầng thượng, hạ lá cờ ba sọc của ngụy quyền Sài Gòn xuống, kéo cờ của cách mạng lên trên nóc Dinh Độc lập vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, đánh dấu thời điểm thành phố Sài Gòn - Gia Định hoàn toàn giải phóng. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Đại đội 4 - trong đó có xe tăng 843 được lệnh ra bảo vệ cảng Nhà Rồng; vài ngày sau đơn vị chuyển về đóng tại Tổng kho Long Bình. Ngày 12 tháng 5 năm 1975, xe tăng 843 được đưa đi triển lãm ở Thủ Đức - thành phố Hồ Chí Minh, sau đó xe được đưa ra triển lãm ở Thủ đô Hà Nội. Năm 1979 nhân dịp kỷ niệm 35 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, xe được đưa về trưng bày tại Viện Bảo tàng Quân đội và trở thành hiện vật bảo tàng. Hai mươi năm sau, năm 1995, trong dịp kỷ niệm miền Nam hoàn toàn giải phóng, nữ phóng viên Pháp Frăng-xoa Đờ-mun-dơ, người chụp bức ảnh xe tăng 843 và xe tăng 390 cùng tiến vào Dinh Độc lập trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975 và Lữ Văn Hòa - chiến sĩ lái xe tăng 843 đã có cuộc gặp gỡ thú vị bên chiếc xe tăng 843 tại Viện Bảo tàng Quân đội.

HÀ MINH PHƯƠNG

VỀ CHIẾC ÁN TÍN CỦA TỔNG THỐNG NGUYỄN QUYỀN SÀI GÒN BỎ LẠI KHI THÁO CHẠY



Năm cánh quân ta đã hình thành thế hợp vây chiến dịch, 17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, cánh quân hướng đông của Trung tướng Lê Trọng Tấn đã bắt đầu nổ súng mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn. Cùng thời điểm này ngày hôm đó Nguyễn Văn Thiệu - tổng thống Việt Nam cộng hòa đã vội vã cuốn gói chuồn khỏi dinh Độc lập, leo lên máy bay tháo chạy sang Đài Loan.

Thông thường, dù là chính quyền chế độ chính trị nào, ấn tín là biểu tượng cho quyền lực tối cao của chính thể đó, nhưng vì hoảng loạn trước cuộc tiến công thần tốc của quân ta, Nguyễn Văn Thiệu đã phải tháo chạy thực mạng, bỏ lại cả ấn tín, cờ xí ngay trong dinh mà ông ta đã từng ngự trị. Sau đó “con bài” Trần Văn Hương và Dương Văn Minh, được Mỹ đưa ra nối tiếp thay cho Nguyễn Văn Thiệu mấy ngày cuối cùng của chế độ Sài Gòn trong cơn hấp hối, cũng đã phải đầu hàng khi quân ta đánh thẳng vào tận sào huyệt đầu não của chúng trong Dinh Độc lập trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Ngay ngày hôm sau - lúc 10 giờ sáng ngày 1 tháng 5 năm 1975, Thượng úy Tạ Minh Thanh - cán bộ lưu trữ của Văn phòng Tổng cục Chính trị trong đoàn phái viên của Tổng cục đã có mặt tại Dinh Độc lập. Các chiến sĩ Quân giải phóng tại đây đã đưa Thượng úy Thanh lên phòng làm việc của Nguyễn Văn Thiệu trước đây để thu thập hồ sơ, tài liệu; trong đó có con dấu đồng cỡ lớn với đường kính 7 cm, xung quanh khắc chữ “*Tổng thống Việt Nam cộng hòa*” ở giữa khắc hai con rồng châu đầu vào nhau.

Biết rằng con dấu này là một vật chứng quý chứng minh cho sự sụp đổ của một chế độ, và thể hiện một chiến thắng trọn vẹn của quân ta đã đánh vào tận hang ổ cuối cùng của địch, nên Thượng úy Tạ Minh Thanh đã bảo quản cẩn thận. Ngày 15 tháng 5 năm 1975, sau khi trở về Tổng cục Chính trị, Tạ Minh Thanh đã báo cáo với lãnh đạo Tổng cục và nhận chỉ thị giao lại vật chứng này cho anh Lê Vinh - cán bộ Phòng Hành chính để chuyển cho Viện Bảo tàng Quân đội lưu giữ, bảo quản, trưng bày cho khách tham quan.

Thế rồi đến năm 1996, đồng chí Tạ Minh Thanh đã là Thượng tá chuyển ngành làm Vụ phó Vụ Tổ chức - cán bộ Cục Cơ yếu Chính phủ (nay đã nghỉ hưu tại 62 Hoàng Hoa Thám - Hà Nội). Đầu tháng 7 năm 1997, bỗng có người hỏi đồng chí hiện con dấu đó nằm ở đâu, sao không thấy trưng bày ở Viện Bảo tàng Quân đội?

Câu hỏi ấy đã gợi đồng chí nhớ lại chuyện bàn giao chiếc ấn tín chiến lợi phẩm cách đây hơn hai mươi năm, kể từ tháng 5 năm 1975. Ngày 26 tháng 10 năm 1997, đồng chí Thanh đã viết thư gửi Tổng cục Chính trị để hỏi lại việc này và đề nghị Tổng cục xác nhận anh đã bàn giao cho Phòng Hành chính Tổng cục. Ngày 30 tháng 10 năm 1997, đồng chí Lê Vinh - cán bộ Văn phòng của Tổng cục lúc đó (nay đã nghỉ hưu), đã viết giấy công nhận việc bàn giao con dấu “*Tổng thống Việt Nam cộng hòa*” của đồng chí Thanh là đúng; đồng thời Lê Vinh cũng ghi rõ là theo ý kiến của Thủ trưởng Tổng cục, đồng chí giao lại cho Viện Bảo tàng Quân đội làm hiện vật lịch sử.

Với sự xác nhận này, đầu tháng 11 năm 1997 đồng chí Thanh đã trực tiếp hỏi Viện Bảo tàng Quân đội về con dấu ấy. Sau khi lục tìm trong hồ sơ lưu trữ hiện vật chiến lợi phẩm đã tiếp nhận, ngày 3 tháng 11 năm 1997, đồng chí Hoàng Lâm - Phó phòng Kiểm kê - Bảo quản Viện Bảo tàng Quân đội đã có thư trả lời cho Tạ Minh Thanh như sau: “Theo yêu cầu của anh, chúng tôi đã tìm trong kho, nhưng không có con dấu nào như anh mô tả, nếu là Tổng cục đã giao cho Viện Bảo tàng Quân đội thì đề nghị Văn phòng lục lại hồ sơ cũ để biết người giao, người nhận; theo quy chế của Viện Bảo tàng Quân đội, hiện vật nhận vào hoặc xuất ra khỏi bảo tàng đều phải có biên bản giao nhận, mỗi bên giữ một bản”.

Vậy là con dấu này đã bị thất lạc ở đâu - một vật chứng mang ý nghĩa lịch sử khi quân ta tiến vào cơ quan đầu não của chế độ Sài Gòn? Để làm sáng tỏ, Tạ Minh Thanh đã viết thư gửi cơ quan Thanh

tra Bộ Quốc phòng kể lại tóm tắt sự việc và đề nghị thanh tra làm rõ.

Nhận được thư đề nghị này, Tổng Thanh tra Quân đội đã chuyển đến Văn phòng Tổng cục Chính trị và đề nghị xác minh, kiểm tra con dấu “*Tổng thống Việt Nam cộng hòa*” mà đồng chí Thanh đã giao năm 1975. Với trách nhiệm nghiêm túc, Tổng cục Chính trị đã cho kiểm tra kỹ lại hồ sơ hiện vật lưu giữ cách đây 22 năm, và đã phát hiện ra con dấu này còn giữ cẩn thận ở Văn phòng Tổng cục Chính trị. Ngày 17 tháng 11 năm 1997, thay mặt Văn phòng Tổng cục Chính trị, Đại tá Võ Thạnh đã có công văn số 513/VP trả lời Tạ Minh Thanh như sau: “Hiện con dấu có khắc dòng chữ “*Tổng thống Việt Nam cộng hòa*” đang được lưu bảo mật của Văn phòng Tổng cục Chính trị”.

Vậy là sau 22 năm, nhờ tinh thần tích cực truy cứu đến cùng của Tạ Minh Thanh, vì trách nhiệm chung đối với một hiện vật có giá trị lịch sử lâu dài, ấn tín của Nguyễn Văn Thiệu - của ngụy quyền Sài Gòn đã được tìm thấy và được giao lại cho Viện Bảo tàng Quân đội - trở thành hiện vật bảo tàng, giúp cho các thế hệ mai sau biết chiến tích của cha ông mình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ở thế kỷ XX. Con dấu có số đăng ký: BTQĐ- 8782/K₁-808.

BÙI ĐÌNH NGUYỄN

Mời bạn tải tiếp tập 2 tại thư viện eBook online [Http://VietLion.Com](http://VietLion.Com)